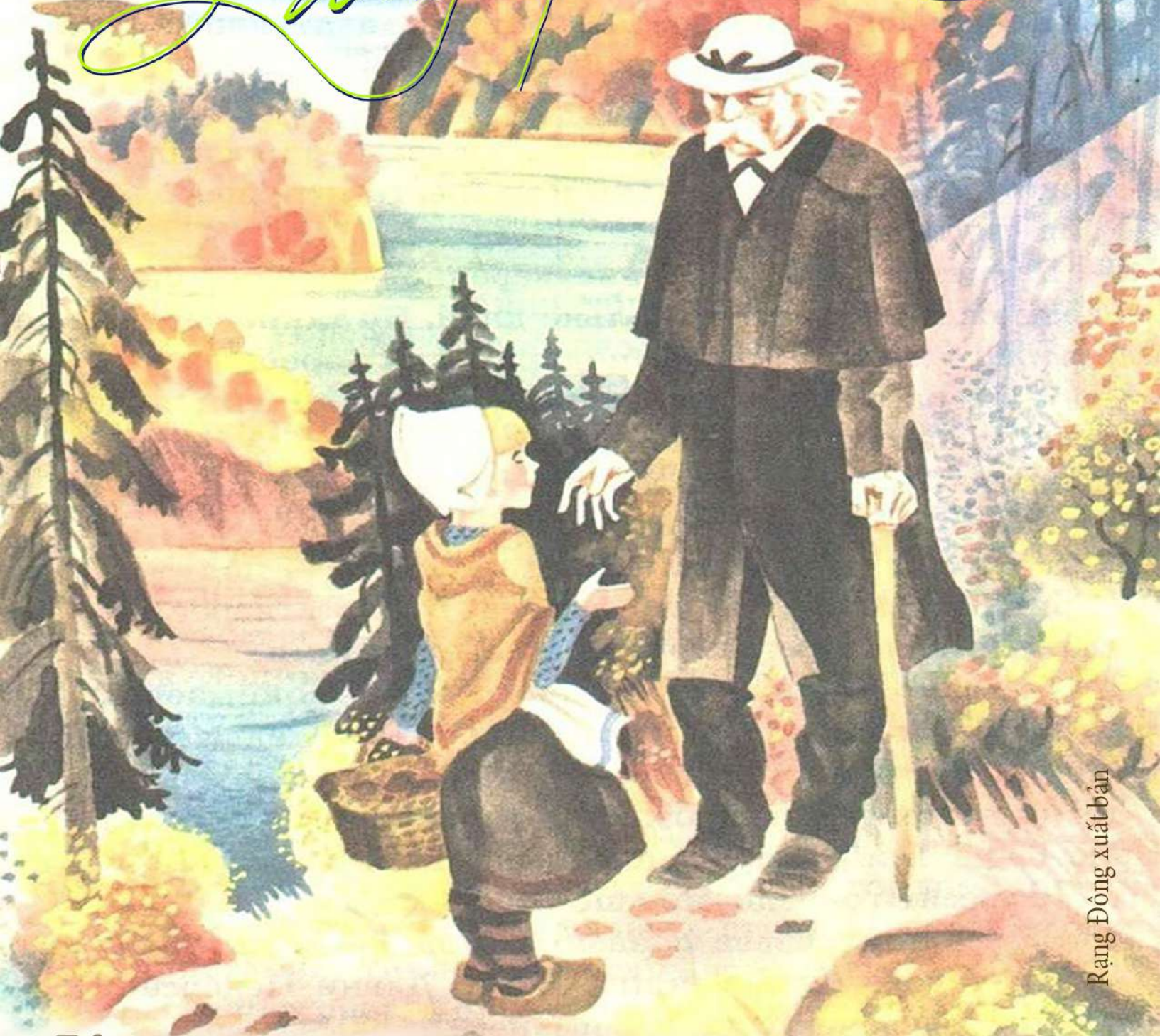


Konstantin Paustovsky

Константин Паустовский



Lãng qua hương



Rạng Đông xuất bản

Корзина с еловыми шишками

Konstantin Paustovsky

Константин Паустовский

Lăng quạ thông

Корзина с еловыми шишками



Rạng Đông xuất bản

MỤC LỤC

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

ÂM NHẠC VERDI

CHIẾC NHẪN BẰNG THÉP

NGƯỜI ĐẦU BẾP GIÀ

CHUYẾN XE ĐÊM

BÌNH MINH MƯA

BỤI QUÝ

HẠT CÁT

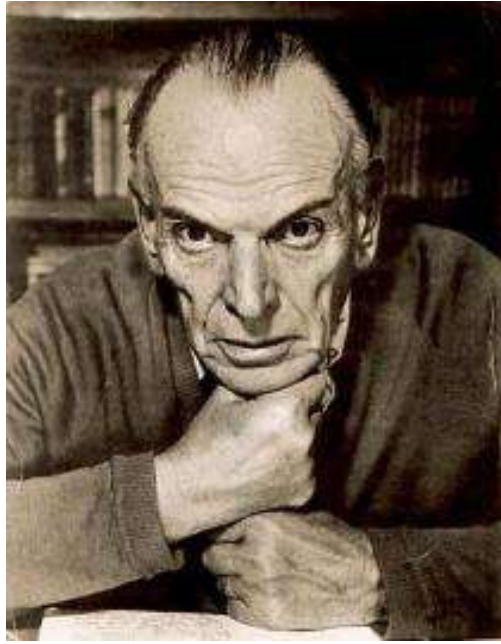
TUYẾT

LẪNG QUẢ THÔNG

CẦU VỒNG TRẮNG

CÂY TƯỜNG VỊ





Konstantin Paustovsky (1892-1968)

Lãng quả thông
K. Paustovsky

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Paustovsky ra đời ngày 31 tháng 5 năm 1892 trong một ngõ hẻm thành Mátxcơva. Dòng họ ông gốc kazak¹ miền Zaporozhe, sau mới chuyển tới cư ngụ ở vùng ven sông Roshi gần tỉnh ly Belaya Serkov. Cha ông làm nhân viên thống kê ngành đường sắt. Ông nội là một cựu chiến binh kadak dưới thời Nga hoàng Nikolaev.

Cụ thân sinh ra Paustovsky là người mơ mộng và là người ở không yên chỗ. Sau thời gian tòng sự tại Mátxcơva, ông đổi đi Vино, rồi Pskov, sau cùng mới đậu lại Kiev. Mẹ Paustovsky lớn lên trong một gia đình tư chức ở một nhà máy đường. Tính khắc khổ, bà nắm mọi quyền hành trong nhà. Gia đình Paustovsky đông người, đủ tính đủ nết, nhưng hết thấy đều yêu nghệ thuật. Cậu bé Paustovsky lớn lên trong tiếng đàn dương cầm, những giọng ca, những cuộc cãi vã nghệ thuật và những rạp hát.

Cậu bé bắt đầu cuộc đời học trò ở trường trung học số 1 thành phố Kiev. Khi cậu học tới lớp 6 thì gia đình khánh kiệt, cậu phải tự nuôi thân bằng một nghề bất đắc dĩ không xứng với tuổi học trò là nghề “gia sư”.

Đó là tóm tắt mấy dòng về con người về sau này trở thành nhà văn. Tôi chép lại tiểu sử ông ở đây theo thói thường phải viết tiểu sử nhà văn mà mình giới thiệu, chứ tôi biết tiểu sử chẳng giải thích được bao nhiêu vì sao Paustovsky chọn nghề văn chứ không phải nghề nào khác.

Truyện ngắn đầu tiên của Paustovsky được in khi Paustovsky còn là học sinh năm chót của trường trung học. Nó xuất hiện trong tạp chí “Những Ngọn Lửa”, là tạp chí văn học duy nhất của Kiev hồi bấy giờ, vào khoảng năm 1911. Sau khi tốt nghiệp trung học, Paustovsky thi vào đại học Tổng hợp Kiev. Hai năm sau, Paustovsky chuyển qua một trường đại học khác ở Mátxcơva và ở hẳn thành phố này từ đấy.

Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất bùng nổ. Paustovsky làm nghề bán vé xe điện, rồi lái xe điện, rồi y tá trong các đoàn tàu quân y con thoi chạy đi chạy lại giữa hậu phương và tiền tuyến. Mùa thu năm 1915 ông bỏ công việc dân sự để đi theo một đơn vị quân y dã chiến và làm một chuyến đi dài suốt từ thành phố Lublin (Ba Lan) đến tỉnh ly Nesvizh ở Belorussia. Trên đường, tình cờ nhặt được một mẫu báo, ông mới biết hai anh ông đã tử trận trong cùng một ngày trên hai mặt trận khác nhau. Paustovsky vội vã trở về với mẹ. Bà cụ lúc đó đang ở Mátxcơva.

Nhưng Paustovsky không thể ngồi lâu một chỗ. Bệnh xê dịch giày vò ông và ông lại lên đường, tiếp tục cuộc sống nay đây mai đó. Ông đi Ekaterinoslav để làm việc trong nhà máy luyện kim của công ty Briansky. Rồi bỏ đấy mà đi Yuzovka, từ đó đến Taranrog, làm trong các nhà máy. Ở Taranrog, Paustovsky khởi viết cuốn tiểu thuyết đầu tay của mình – “Những Kẻ Lãng Mạn”. Mùa thu năm 1916, Paustovsky lại một lần nữa bỏ Taranrog để đến nhận công tác tại Công ty liên hiệp hải sản Azovskoye.

Cách mạng Tháng Hai bùng nổ khi Paustovsky đang ở Mátxcơva. Lúc đó ông đã bước vào nghề báo. Ông viết: “Sự hình thành con người và nhà văn trong tôi bắt đầu từ những năm ấy, nó xảy ra dưới chính quyền Xô-viết và quyết định toàn bộ cuộc đời tôi từ đấy về sau”.

Sau thời gian ở Mátxcơva, ông lại quay về với mẹ, bà cụ lúc ấy đã sống ở Ukraina. Từ Kiev, nơi ông chỉ cư ngụ một thời gian ngắn, Paustovsky đi Ôđessa. Ở thành phố cửa biển này ông được sống trong môi trường các nhà văn trẻ và tài năng: Ilf, Bagritzky, Babel, Shenghel, Lev Slavin... Nhưng rồi ông lại giã từ những người bạn tuyệt vời của mình để trở về để tiếp tục cuộc hành trình vô định. Ông đi Sukhum, Batum, Tifflis. Từ Tifflis, Paustovsky đến Armenia, rồi lang bạt sang tận Ba Tư.

Năm 1923, Paustovsky trở về Mátxcơva trong một chuyến dừng chân, xin làm biên tập viên cho một tờ báo. Cũng từ đó tên tuổi của ông bắt đầu

trở thành quen thuộc với độc giả qua những tác phẩm nối tiếp nhau ra đời.

Cuốn sách đầu tiên được Paustovsky coi là tác phẩm thực sự của ông là tuyển tập truyện ngắn “Những Con Tàu Đi Ngược Chiều Nhau”.

Mùa hè năm 1932 Paustovsky bắt đầu cuốn “Kara-Bugaz” và một số truyện ngắn khác mà về sau này ông đã kể lại khá tỉ mỉ trong “Bông Hồng Vàng”.

Sau khi “Kara-Bugaz” ra đời, Paustovsky xin ra ngoài biên chế, tức là thôi không làm cho nhà nước và ăn lương nhà nước nữa, để chuyên viết văn, “cái công việc duy nhất, choán hết mọi việc khác, có lúc thực cay cực, nhưng là cái bao giờ tôi cũng yêu mến”. Ở chế độ Xã hội Chủ nghĩa, việc xin ra ngoài biên chế để sống tự do được coi như một việc làm không bình thường, một hành động rõ dại, hoặc một hành động dũng cảm, tùy theo cách nhìn của mỗi người.

Trong cuộc sống tự do khỏi công việc nhà nước Paustovsky còn đi nhiều hơn nữa. Dấu chân ông in khắp mọi miền đất nước Xô-viết, từ bán đảo Kovsky đến những sa mạc vùng Trung Á, từ các thành phố băng tuyết ở Cực Bắc đến những bờ biển ấm áp vùng Krım tới những miền rừng rậm rạp của Sibir. Ngoài ra, ông còn đến Tiệp Khắc, đi tàu biển vòng quanh châu Âu, qua các thành phố Istanbul, Athena, Napoli, Roma, Paris, Rotterdam, Stockholm...

Trong Đại chiến Thế giới lần thứ Hai, ông làm phóng viên chiến tranh của Mặt trận phía Nam và ở đó ông cũng đi rất nhiều.

Đời ông, từ lúc còn nhỏ cho đến năm 1921, được ghi lại khá đầy đủ trong các cuốn truyện mang tính hồi ký “Những Năm Xa Xôi”, “Tuổi Trẻ Không Yên”, “Sự Bắt Đầu Của Thế Kỷ Ta Chưa Biết”.

Paustovsky nói rằng nhà văn cần phải biết tạo ra tiểu sử cho mình. Tức là, ông muốn nói, nhà văn cần phải chủ động ném mình vào trong những

xoáy lốc của cuộc đời, để được sống nhiều, sống thật trong nó, tự mình tạo ra nguồn nguyên liệu dồi dào cho công việc viết văn sau này. Ông nhìn những nhà văn cạo giấy, những viên chức văn chương bằng cái nhìn khinh bỉ.

Ông không chỉ viết nhiều, mà còn viết hay. Hiếm có nhà văn nào ở nước Nga được in toàn tập trong khi còn sống.²

Paustovsky là nhà văn không biết hài lòng về mình. Ông luôn nói rằng những gì ông đã viết chỉ là bước đầu, chứ toàn bộ công việc thực sự thì bao giờ cũng vậy, còn ở phía trước.

ÂM NHẠC VERDI³

Có một cái gì đó thật là đẹp đẽ trong sự giao tiếp của những con người dũng cảm trong phút hiểm nguy, trong cơn hoạn nạn. Trên boong tàu bọc thép của chiếc tuần dương hạm, đoàn kịch từ Matxcova tới trình diễn vở Traviata ở ngoài trời. Những bác lái đò râu bạc tụ lại ở bến thuyền lát gỗ trên những chiếc xuồng cũ kỹ rao lên, giọng khàn khàn thúc giục:

- Ai muốn lên tàu đây? Ai muốn nghe nhạc nào? Chúng tôi sẽ đứng sát mạn tàu cho tới khi diễn xong nhé! Không chòng chành gì hết – xin cam đoan! Thế này mà chòng chành à, bà con!

Những chiếc xuồng va vào nhau lũng củng gật gù hối hả chào bờ biển – sóng nhẹ đung đưa chúng. Những con ngựa thồ già yếu thường có cái lối gật đầu lia lịa như vậy.

Trên vũng biển trời lặng gió, sương chiều tỏa mờ. Những ngọn đèn tín hiệu đung đưa nhịp nhàng trên nước cạnh những mỏm đá bên bờ. Đêm mùa thu đến rất chậm. Mỗi bước đi nó lại dừng lại và mãi không sao dồn hết được những tia nắng cuối cùng của buổi chiều tà ra khỏi vũng biển sâu.

Nhưng khi ánh sáng trên tuần dương hạm vừa lóe lên, bóng tối ồn ào đã ập xuống ngay. Nó chứa đầy âm thanh của mặt nước xáo động: tiếng sóng vỗ, tiếng nước róc rách, réo sôi.

Người ta bắt đầu nghe thấy cái tất bật của hải cảng: tiếng mái chèo vội vã, tiếng máy nổ, tiếng gọi xa xa của những người lái tàu, tiếng còi rú giật dữ, tiếng sóng vỗ lớp lớp chạy trên mặt biển về khắp các ngả.

Những âm thanh ấy từ bờ bến đổ về phía tuần dương hạm, nơi tiếng sáo phagốt bất ngờ vang lên trong dàn nhạc. Những chiếc canô cũng phóng ngay tới đó, bóng cờ hiệu đằng đuôi phấp phới trong nước.

Tachiana Xônxeva được phân công đóng vai Viôleta. Cô đang hóa trang trong phòng của hạm trưởng, nơi các chiến sĩ thợ điện hải quân đỏ đã mắc những bóng đèn một trăm nến. Cô cài lên ngực bông hoa sơn trà và thoa

phấn lên khuôn mặt gầy sút đi. Biểu diễn lúc này thật khó khăn – cô để lại ở Matxcơva một chú em bé bỏng bị ốm nặng. Chú đang nằm viện chờ một ca mổ.

Xônxeva đang lo lắng nên không thấy gì cả: mặc thành phố xôn xao tiếng lá khô và gió thổi, mặc vô vàn đốm lửa như đàn ong vàng, vo ve lượn đi lượn lại trên vũng tàu, mặc cái không khí kỳ lạ tỏa khắp đường phố, mùi đá ẩm ướt và mùi cỏ đắng.

Cuộc phẫu thuật ấn định tiến hành sáng hôm nay, nhưng đến giờ phút này vẫn chưa có điện báo từ Matxcơva tới.

Xônxeva bước ra boong tàu hai bên chằng vải bạt. Những chiếc cần viôlôngxen gác trên tháp pháo màu gio. Âm nhạc Verdi rung lên trong sự yên tĩnh của con tàu bọc thép. Hàng trăm thủy thủ trẻ nín thở lắng nghe tiếng hát buồn thảm của Viôleta. Tiếng nhạc vang xa đến các bờ biển lân cận.

Những chiếc xuồng nhấp nhô bên mạn tàu. Người xem ngẩng đầu nhìn lên boong. Những bác lái thuyền cố gắng không làm mái chèo phát ra tiếng động và khi thuyền va vào nhau, họ chỉ lặng lẽ giơ nắm đấm lên, thay cho những trận đấu khẩu thường ngày.

Người trợ lý đạo diễn đứng đằng sau tháp súng như ở sau cánh gà có vẻ lo lắng. Trong túi anh ta có bức điện gửi cho Xônxeva. Anh cũng không biết nên bóc ra xem hay cứ để vậy đưa cho Xônxeva sau buổi diễn. Anh thì thầm trao đổi với người quản lý nhà hát.

Ông này giăng bức điện khỏi tay anh và bóc ra:

- Không có gì đặc biệt, - ông ta vừa nhai nhai cái tẩu vừa nói, - cuộc phẫu thuật phải đình lại vì bệnh nhân mệt nặng. Giờ nghỉ anh có thể nói với cô ấy.

Người trợ lý đạo diễn nhăn nét mặt rồi gật đầu.

Anh thợ lò Vaxia Tsukhốp mang cái biệt hiệu như mọi anh thợ đốt lò khác là “đồ quý sứ” được giao việc kéo chiếc màn làm bằng những cờ hiệu khâu lại. Vaxia nhỏ bé, chắc nịch, mặt đỏ gay vì gắng sức, không rời mắt nhìn người trợ lý đạo diễn. Cái anh chàng nhanh nhẩu nôn nóng này phải giơ tay ra hiệu cho Vaxia khi cần kéo màn.

Vaxia đã nghe hết câu chuyện ở bên tháp pháo. Nụ cười rạng rỡ từ từ tắt trên môi anh. Sang màn hai Xônxeva bước ra sân khấu rất luống cuống. Cô vừa đọc bức điện lúc giải lao. Cô thấy choáng váng chóng mặt. Khi Anfrết quỳ phục dưới chân cô, cô cúi xuống hôn vào thái dương non trẻ của anh. Một đường ven xanh mảnh nổi lên chỗ thái dương giống hệt như ở đứa em cô.

Xônxeva nuốt ực không khí rồi khóc. Nước mắt trào ra, nhưng cô vẫn hát. Giọng cô run run. Cô nhìn thấy những đốm sáng mờ ướm át và không nhận ra đó là ánh đèn sân khấu, ánh sao dưới nước, hay gương mặt xanh xao của các chiến sĩ hải quân. Lúc đó Vaxia Tsukhốp hạ màn, bất chấp tiếng kêu giận dữ ở phía sau tháp pháo. Anh đã không nghe lời. Mặt anh đanh lại. Đáp lại tiếng thì thào phẫn nộ của người trợ lý đạo diễn, anh trả lời hằn học và cộc lốc:

- Anh sẽ phải tiếp chuyện vị chỉ huy con tàu đấy, tôi sẽ báo cáo mọi việc với đồng chí ấy.

Boong tàu vang lên tiếng vỗ tay. Những khán giả chất phác cho vở kịch dừng lại là hoàn toàn hợp lý, sau cái cảnh căng thẳng đầy đau khổ như lúc Viôleta đầm đìa nước mắt. Không ai biết là vở kịch bị “đồ quý sứ” cắt ngang lúc mới bắt đầu.

Tsukhốp lại gần vị chỉ huy con tàu ngồi ở hàng đầu và báo cáo với ông về sự việc xảy ra. Chỉ huy trưởng đứng dậy. Đó là một người tóc bạc, ít nói. Trong đời mình, ông đã nhiều lần nhìn thấy cái chết trong những trận chiến cách mạng, nhiều phong ba và sự hy sinh của bao đồng đội. Ông đã từng biết sự tàn khốc trong chiến đấu, sự nghiêm ngặt của mệnh lệnh. Ông cô

đơn. Tất cả những gì ông có trước cách mạng đều đã tan biến trong màn sương ảm đạm - cả xóm thợ mỏ Đô-nết, cái trường làng bản thiu, cả những con người của thời ấy mà chỉ để lại cái ấn tượng của một đám đông hoang mang mệt mỏi. Cách mạng đã xóa bỏ quá khứ bằng bàn tay cứng rắn, gieo vào ý thức sự giản dị và rõ ràng. Ông trung thành với cách mạng như một người lính, một thợ mỏ và một người có trí tuệ trong sáng và chính xác. Vị chỉ huy đứng dậy đi lên sân khấu. Boong tàu vẫn vang dậy tiếng gót giày và vỗ tay của các thủy thủ. Ở hậu trường, người phụ trách nhà hát, mặt tái đi vì tức giận, đón chỉ huy trưởng.

- Xin đồng chí yên tâm, - ông ta nói vội vã, - chúng tôi sẽ thu xếp ổn thỏa ngay bây giờ. Chuyện vợ vẫn, sự yếu đuối thường tình của phụ nữ đó thôi. Cô ấy sẽ hát.

- Cô ấy sẽ không hát nữa, - chỉ huy trưởng khoan thai nói. – Các đồng chí cho ngừng buổi diễn lại!

Người phụ trách nhà hát nhún vai, cười khẩy:

- Không thể được. Nhà hát chúng tôi làm việc theo kiểu tiên tiến, không thể vì tâm trạng diễn viên mà đình vở diễn được. Hơn nữa, có gì cần phải nói? Cô ấy đã trấn tĩnh và hoàn toàn có thể diễn tiếp.

Vị chỉ huy quay sang Xônxeva. Cô không nhìn ông, gật đầu.

- Đồng chí thấy là cô ấy đồng ý đấy, - người phụ trách nhà hát nói và vứt mẫu thuốc xuống boong tàu.

Câu chuyện này bắt đầu làm ông khó chịu. Vừa khó xử, vừa xấu hổ. Vị chỉ huy thoáng nhìn mẫu thuốc, và Vaxia Tsukhốp tức khắc gạt khẽ nó xuống biển.

- Các đồng chí đang ở trên hạm đội của hải quân đỏ. - Chỉ huy trưởng nói, bên má có vết sẹo của ông khẽ giật giật. – Xin lỗi đồng chí, nhưng ở đây tôi là người thừa hành quyền lực nên tôi cho phép mình can thiệp vào

việc quản lý của đồng chí. Về công việc theo kiểu tiên tiến đồng chí quan niệm hoàn toàn sai lầm. Sự đồng ý của diễn viên không có ý nghĩa. Tôi ra lệnh hoãn buổi diễn này lại. Thế thôi. Không bàn cãi gì nữa.

Vị chỉ huy giơ tay và Vaxia Tsukhốp kéo màn. Khán giả im bật.

- Các chiến sĩ hải quân đỏ! - Vị chỉ huy điềm đạm nói, - nữ diễn viên Xônxeva có chuyện không may trong gia đình, khó mà diễn tiếp được...

Tiếng xì xào truyền lan trong hàng thủy thủ. Mọi người đứng cả dậy. Vị chỉ huy không kịp nói vỡ kịch hoãn lại đến một ngày tốt đẹp hơn. Điều đó thì không cần lời giải thích của chỉ huy các chiến sĩ cũng hiểu.

- Cho ca nô lại gần tàu! - Chỉ huy khẽ ra lệnh.

- Rõ, cho ca nô lại gần tàu! Ca nô lại gần tàu! - Mệnh lệnh được truyền dần cho đến khi tắt ở boong dưới.

Mấy phút sau vị chỉ huy cùng Xônxeva xuống thang tàu. Anh thượng sĩ cao lớn vạm vỡ trân trọng đặt lên cạnh chỗ Xônxeva ngồi một bó hoa, mặt đỏ lựng và khẽ hô lên:

- Hết tốc lực, tiến!

Ca nô đẩy lùi về phía sau thác nước đầy ánh lửa và bọt trắng, phóng về bến tàu. Vị chỉ huy ngồi trên ca nô nói:

- Tôi đã liên lạc với tư lệnh hạm đội. Cô được dành một chỗ trong chuyến tàu tốc hành đi Matxcơva. Chứa muện đâu. Còn bốn mươi phút nữa.

Xônxeva cúi đầu. Cô lẩn lẩn những bông hoa mà không nói lên lời.

- Thưa đồng chí chỉ huy, - anh thượng sĩ cao lớn nói khẽ nhưng đủ cho Xônxeva nghe thấy, - báo chí viết là ở Matxcơva có một giáo sư mổ tim dễ như mổ gà ấy. Giá mà được ông ta...

- Im đi, Kuzmenkô! - Vị chỉ huy nói.

Khoảng một giờ sau tàu tốc hành nhả khói âm ầm lao ra khỏi đoạn đường hầm cuối cùng. Ánh lửa thành phố và bến tàu lùi lại sau những mỏm đá dựng đứng

* * *

Xônxeva ngồi trong phòng toa xe, không bỏ áo rét và khăn quàng. Cô loáng thoáng nhớ lại ánh đèn nhà ga, tuyết trên các nóc toa chờ hàng, Maxcova chìm trong bóng đêm cực đời, chiếc xe tắcxi cộc cạch, ánh sáng trắng đục trong hành lang bệnh viện.

Cô cũng nhớ loáng thoáng khuôn mặt của cậu em mỉm cười với cô trên giường bệnh.

- Mọi sự đã hoàn tất trót lọt. - Vị giáo sư có bộ râu nhọn dữ tướng nói với Xônxeva. – Trót lọt hiếm có đấy.

Xônxeva khẽ hôn lên thái dương non trẻ ươn ướt của em, nơi có một đường ven xanh mảnh nổi lên lờ mờ.

Và mấy giờ sau lại là đêm, nhà ga, người khuân vác mặt rỗ khó nhọc mới lấy hộ được chiếc vé, tiếng cầu sắt rầm rầm, tuyết, hoàng hôn u ám trên thảo nguyên ngoại thành Kharcôp và cuối cùng là màn sương lam trên vũng biển sâu, mặt trời cao và không khí dịu dàng của mùa thu ven biển.

Xônxeva nhảy lại gần cửa sổ - kia, tuần dương hạm vẫn đậu đó, chưa rời bến! Xônxeva luống cuống dứt dây chằng cửa sổ. Cô muốn thò đầu ra ngoài, vươn tay tới con tàu, vẫy nó rồi rít bằng chiếc khăn tay trắng. Nhưng cửa sổ không mở ra và Xônxeva nhớ ra rằng đang là mùa đông và mặt trời chiếu sáng ở đây, trên các vĩ độ miền cực nam tuyệt đẹp này, là kỷ niệm

cuối cùng của mùa hè. “Mong sao đoàn chưa đi nơi khác, chỉ mong đến kịp với họ”. – Xônxeva nghĩ thầm. Cô gập lại các bạn bè trong thành phố bên bờ biển.

Một ngày sau trên chiến hạm lại trình diễn vở kịch bị bỏ dở. Khi “đồ quý sú” kéo màn và Xônxeva bước ra sân khấu, các chiến sĩ hải quân đứng cả dậy và tiếng vang của những tràng pháo tay chưa từng thấy trên vùng biển dội đến vùng bờ lân cận. Những bông hoa đồng nội giản dị rơi tấp xuống chân Xônxeva và hòa lẫn với đám nhung lụa trang phục cổ thành Vơnidơ. Vị chỉ huy đứng ở hàng đầu và thân ái mỉm cười.

Xônxeva cúi đầu. Cô cảm thấy mi mắt nặng trĩu những giọt lệ như lần trước, nhưng đây là những giọt lệ ân tình hữu ái.

Cô dẫn lòng, ngẩng đầu lên mỉm cười. Ngay lúc đó dàn nhạc nổi lên và âm nhạc da diết của Verdi át cả tiếng sóng vỗ.

Xônxeva rút bông sơn trà cài trên ngực ném xuống sàn. Thay vào đó cô cài bông hoa màu tím nhạt bám đầy bụi và khô héo. Đó là bông hoa vùng đất ngoại thành mà Vaxia Tsukhốp đã ném lên tặng cô.

Cô hát tuyệt vời - giọng hát lạnh lạnh ai oán trên vùng biển. Những ông già đánh cá ngồi trên bờ sát mạn nước, lắng nghe và kinh ngạc trước sức mạnh của tuổi trẻ con người. Chỉ huy trưởng lắng nghe và thầm nghĩ là không có gì làm cho tài năng nảy nở bằng tình bạn và sự quan tâm bình dị của đồng đội.

Tưởng chừng Viôleta đang hát trên quê hương Vơnidơ. Ánh sao tỏa mờ trên những mỏm đá ven bờ. Ánh đèn xuyên tới tận đáy vịnh - nước trong đến như vậy. Không khí rung rinh vì những luồng khí nóng vô hình. Chân trời trên biển cả tuy đã về đêm, vẫn sáng lên hàng chục hải lý như đang lúc hoàng hôn. Sau buổi diễn các chiến sĩ hải quân vây xung quanh Xônxeva, nhưng họ nhanh chóng kính cẩn giãn ra. Bước lại gần Xônxeva, là một người thủy thủ cao lớn tay áo có những vòng viền vàng rộng - vị tư lệnh hạm đội.

- Tôi muốn thay mặt toàn hạm đội cảm ơn đồng chí. – ông nói - Đồng chí đã đem lại niềm vui cao quý cho chúng tôi. Thế còn cậu em, đã khỏi rồi

chứ?

Xônxeva muốn nói rằng: không phải cô, mà chính những chiến sĩ trẻ sạm nắng này – khi thì đùa cợt, khi thì nghiêm trang, nhưng bao giờ cũng bình tĩnh và đầy thiện ý – đã cho cô được hưởng một niềm hạnh phúc thực sự. Cô nghĩ rằng, với những khán giả như thế, thì cả Môda lẫn Betôven cũng phải ghen tỵ, nhưng cô không nói gì, chỉ ráng sức siết chặt tay vị tư lệnh. Gió mát thổi vào từ biển, nơi những ngọn hải đăng xa nhấp nháy trong bóng tối, trong tiếng rì rầm của làn sóng bạc đầu.

1935

MỘNG QUỲNH dịch



Иллюстрация художника Геннадого Епишина
Minh họa của họa sĩ Nga Ghê-na-di Episin

CHIẾC NHÃN BẰNG THÉP

Cụ Kuzma sống với cháu gái Varusa ở làng Môkhôvôje sát tận bìa rừng. Mùa đông đến thật khắc nghiệt, gió mạnh và tuyết nhiều. Suốt cả mùa đông không có một ngày ấm lên, không có những giọt nước tuyết tan lã chã từ mái nhà gỗ nhỏ xuống. Đêm đến những con chó sói lạnh cóng hú vu vơ. Cụ Kuzma bảo chúng rú vì ghen tị với người: chó sói cũng thèm được sống ở trong nhà, được nằm gãi bên lò sưởi và sưởi ấm bộ lông xù cứng lạnh.

Vào giữa đông, thuốc hút của cụ cạn hết. Cụ ho nhiều, than phiền rằng người không được khỏe và bảo nếu được kéo vài hơi thì người sẽ khá lên ngay. Chủ nhật, Varusa sang làng Pêborur bên cạnh kiểm thuốc hút cho ông. Đường sắt chạy qua bên rìa làng. Varusa mua thuốc xong, cho vào cái túi vải hoa buộc lại rồi ra ga xem xe lửa. Ít khi chúng dừng lại ở Pereborur. Hầu như bao giờ chúng cũng chỉ phóng qua với tiếng ầm ầm rin rít.

Có hai chiến sĩ ngồi trên sân ga. Một người để râu có đôi mắt xám vui vẻ. Tiếng còi tàu rúc lên và đã thấy nó tỏa hơi nước mù mịt, phăng phăng lao tới ga từ khu rừng đen sẫm.

- Tàu tốc hành! - Chú chiến sĩ để râu nói. - Cháu gái coi chừng kéo tàu nó thối bay đấy. Khéo lại bay lên trời!

Con tàu trên đà lao vào ga. Tuyết bay tung làm mờ cả mắt. Rồi những bánh xe xinh xịch nối nhau chạy tới. Varusa ôm lấy cột đèn và nhắm mắt lại: coi chừng kéo nó bị cuốn bổng lên khỏi mặt đất và hút theo con tàu thực.

Khi con tàu đã phóng qua, bụi tuyết còn quay cuồng trong không khí rồi đậu xuống đất, chú chiến sĩ có râu hỏi Varusa:

- Túi cháu đựng gì đấy? Có phải thuốc lá không?
- Thuốc đấy ạ. - Varusa trả lời.
- Bán cho chú nhé! Đang thèm hút quá!
- Ông Kuzma cháu không cho bán. - Cô bé nghiêm nghị trả lời. - Cái này chữa ho cho ông cháu.

- Ô, cái bông hoa đi ủng dạ này, nghiêm quá nhỉ!

- Thế chú cần chừng nào chú cứ lấy, - Varusa nói và chìa cái túi. - Chú hút đi!

Chú chiến sĩ thò vào túi nhón ít thuốc lá vụn, cuộn một điếu to hút, rồi lấy tay nâng cằm Varusa vừa cười vừa nhìn vào cặp mắt xanh biếc của cô bé.

- Ôi, bông hoa tử la tết đuôi sam! Chú biết tặng lại cháu gì bây giờ? Chẳng lẽ cái này à?

Chú chiến sĩ lấy từ trong túi áo khoác chiếc nhẫn nhỏ bằng thép, thổi vụn thuốc và muối bám vào chiếc nhẫn rồi đeo vào ngón tay giữa cho Varusa:

- Cháu đeo vào cho may mắn. Chiếc nhẫn này tuyệt lắm. Trông này, sáng bóng nhé!

- Nó tuyệt thế nào hở chú? - Varusa đỏ mặt lên hỏi.

- Thế này này, - chú bộ đội trả lời, - nếu cháu đeo ở ngón giữa nó sẽ mang lại sức khỏe, cả cho cháu và ông Kuzma. Nếu đeo nó vào ngón này, ngón vô danh, - chú bộ đội kéo ngón tay đỏ ửng giá lạnh của Varusa, - cháu sẽ có niềm vui lớn. Hoặc giả thử cháu muốn xem thế gian này với mọi điều kỳ diệu của nó thì cháu đeo nhẫn vào ngón trỏ. Nhất định cháu sẽ thấy hết.

- Thế ư? - Varusa hỏi.

- Cháu cứ tin chú ấy, - anh chiến sĩ mặc áo khoác cổ bẻ ngược lên nói. - Chú ấy biết làm phép đấy. Cháu nghe nói có ai như vậy chưa?

- Cháu nghe rồi ạ.

- Thế đấy. - Anh chiến sĩ cười, - Chú ấy là lính công binh kỳ cựu. Đến mình còn phải kiêng chú ấy đấy.

- Cảm ơn chú, - Varusa nói rồi chạy về làng Mokhovoje.

Gió cuốn tuyết rơi mù mịt. Varusa cứ sờ vào chiếc nhẫn mãi, xoay đi xoay lại, nhìn nó lấp lánh trong ánh sáng mùa đông.

- Chú bộ đội lại quên không nói đến ngón tay út rồi! - cô bé nghĩ, - Nếu đeo thì sao? Mình thử đeo vào ngón út xem nào.

Nó đeo nhẫn vào ngón tay út. Ngón tay gầy gò, chiếc nhẫn lỏng quá nên rơi xuống lớp tuyết dày và biến ngay tận dưới đáy.

Varusa kêu ôi một tiếng rồi lấy tay bới tuyết. Nhưng không thấy chiếc nhẫn. Những ngón tay đã tím ngắt lại, cứng queo vì rét đến nỗi không gập lại được nữa.

Varusa khóc òa. Mất chiếc nhẫn rồi! Nghĩ là rồi đây ông Kuzma sẽ không khỏe, còn nó sẽ không có niềm vui lớn và không được nhìn thấy thế gian với bao điều kỳ diệu của nó. Varusa cảm một cảnh thông già xuống tuyết, đứng chỗ chiếc nhẫn rơi và đi về nhà. Nó lấy bao tay chùi nước mắt, nhưng nước mắt cứ trào ra và đông lại làm mắt đau nhức nhối.

Ông Kuzma thấy thuốc về mừng rỡ hút khói ra đầy nhà, còn chuyện chiếc nhẫn ông nói:

- Cháu đừng buồn, con bé ngốc nghếch ạ! Nó rơi đâu thì vẫn nguyên đấy. Bảo với Xidorơ. Nó ắt tìm thấy.

Con sẻ già Xidorơ đậu trên chiếc sào đang ngủ, mình tròn như quả bóng nhỏ. Suốt mùa đông Xidorơ sống trong nhà ông Kuzma đàn hoàng như chủ nhân. Nó không những bắt Varusa phải nể nó mà cả ông Kuzma nữa. Nó mổ cháo đặc ngay trong bát, còn bánh thì giật lấy từ tay người. Khi người ta xua đuổi nó thì nó phật ý, xù lông ra, bắt đầu gậy gò, kêu riu rít giận dữ đến nỗi những con chim sẻ ở gần đấy thấy ồn cũng bay đến, nghe ngóng rồi sau đó bàn cãi âm ỉ, chê trách Xidorơ. Được sống trong nhà, được no ấm mà vẫn cho là còn ít!

Hôm sau Varusa bắt con Xidorơ gói vào chiếc khăn tay mang vào rừng. Từ dưới tuyết chỉ nhô lên chút đầu của cành thông. Varusa đặt con sẻ lên cành cây và bảo:

- Tìm đi, cào bới đi! Có khi mà thấy đấy!

Nhưng Xidorơ liếc mắt, nhìn tuyết nghi ngờ và kêu chiêm chiếp:

- Khiếp, khiếp! Có tìm được thằng ngốc!

- Khiếp, khiếp! - Xidorơ láy lại rồi vù khỏi cành cây bay vào nhà.

Thế là không tìm thấy cái nhẫn.

Ông Kuzma ngày càng ho nhiều hơn. Sang tháng ba cụ leo lên bếp lò năm, gần như không rời khỏi nơi ấy, và cứ đòi uống nước luôn. Varusa đưa nước lạnh trong gáo sắt cho cụ uống.

Bão tuyết quay cuồng trên xóm nhỏ, phủ lên các mái nhà. Những cây thông ngập tuyết đến ngang đầu gối, và thế là Varusa không thể tìm ra nơi chiếc nhẫn rơi ở trong rừng. Nó thường hay nấp đằng sau bếp lò khóc khe khe vì thương ông và trách mình.

- Đồ ăn hại! - Nó thì thâm, - Nghịch quá để đánh rơi mất chiếc nhẫn. Thật đáng đánh lăm! Đáng lăm!

Nó tự đâm vào đầu để phạt mình. Cụ Kuzma bèn hỏi:

- Cháu đang cãi nhau với ai đấy?

- Dạ, với Xidơơ, - Varusa trả lời. - Nó không nghe lời. Chỉ muốn gây sự thôi.

Một buổi sáng Varusa thức dậy vì Xidơơ nhảy nhót ở bậu cửa sổ, mổ mổ vào mặt kính. Varusa mở mắt ra rồi nheo mắt lại. Từ trên mái nhà những hạt nước dài đua nhau chảy xuống. Ánh sáng nóng hổi rọi vào cửa kính. Những con quạ kêu quàng quạc.

Varusa bước ra đường. Gió ấm thổi vào mắt em, làm tóc bay lòa xòa.

- Ô, mùa xuân đến rồi! Varusa nói.

Những cành cây đen nhấp nhóang, tuyết ướt lao xao trượt từ trên mái nhà xuống. Rừng ẩm ướt rì rào vui vẻ và trang trọng ở sau làng. Mùa xuân lướt trên đồng ruộng như một bà chủ trẻ tuổi. Nó chỉ vừa nhìn xuống rãnh lạch là đã thấy con suối lấp lánh chảy róc rách. Mùa xuân trải bước và mỗi bước đi làm cho suối reo càng tưng bừng nhộn nhịp hơn.

Tuyết trong rừng đã sẫm lại. Đầu tiên lộ ra những lá thông nâu rơi rụng trong mùa đông. Sau đó là nhiều cành khô - bão đã bẻ gãy từ hồi tháng chạp. Sau đó là đám lá vàng rơi từ năm ngoái rồi đất sạch tuyết nhô lên. Và bên rìa những đồng tuyết muện đã nở những bông hoa khoản đông đầu tiên.

Varusa tìm thấy trong rừng cành thông già - cái cành mà nó đã cắm xuống tuyết nơi đánh rơi chiếc nhẫn, và thận trọng gạt đám lá cũ, những quả thông rỗng do chim gõ kiến vớt bừa bãi, những cành gãy và rêu mục. Dưới một chiếc lá đen lóe lên một đốm sáng. Verusa reo lên, rồi ngồi xuống. - Nó đây rồi, chiếc nhẫn bằng thép! Nó không gì đi chút nào.

Varusa chộp lấy chiếc nhẫn đeo vào ngón tay giữa và chạy về nhà!

Ngay từ xa khi chạy gần tới nhà, nó trông thấy cụ Kazma. Cụ ra khỏi nhà ngồi trên thềm, khói thuốc màu lam tỏa trên người cụ, bốc lên trời tựa như cụ đang ngồi hóng dưới mặt trời mùa xuân và hơi nước đang bay trên người cụ.

- Đây cháu ơi, - ông già nói, - cháu cứ như cái chong chóng ấy, ra khỏi nhà quên cả đóng cửa, gió nhẹ thổi ùa vào phòng thế là làm ông hết cả bệnh. Bây giờ ông hút thuốc một lát, rồi lấy cái rìu chẻ ít củi, ta nhóm lò làm một mẻ bánh ăn chơi.

Varusa cười phá lên, vuốt mớ tóc bạc xù xù của ông cụ và bảo:

- Cảm ơn chiếc nhẫn! Nó đã làm cho ông khỏe đấy, ông ạ.

Cả ngày Varusa đeo chiếc nhẫn ở ngón giữa để làm cho ông được khỏe hẳn. Mãi đến tối khi sửa soạn đi ngủ nó mới tháo chiếc nhẫn ra khỏi ngón giữa và đeo vào ngón vô danh. Sau đó ắt phải có một niềm vui lớn. Nhưng sao nó mãi không đến.

Varusa không đợi được nữa ngủ thiếp đi. Em dậy rất sớm, mặc quần áo, đi ra khỏi nhà.

Ánh dương ấm áp lặng lẽ tỏa trên mặt đất. Ở phía cuối trời còn mấy ngôi sao chưa tắt. Varusa đi về phía rừng. Em dừng lại bên bìa rừng: cái gì kia ngân vang trong rừng như ai đó đang lắc những quả chuông nhỏ?

Varusa cúi xuống nghe ngóng rồi vung tay mừng rỡ - những bông hoa điểm tuyết trắng rung rinh chào đón bình minh, mỗi bông đều ngân nga như trong đó có một con bọ dừa đang đập chân vào mạng nhện bằng bạc. Trên ngọn thông, con gõ kiến gõ năm tiếng.

“Năm giờ! - Varusa nghĩ. - Sớm quá! Yên tĩnh quá!”

Ngay lúc đó trên cành cao, con vàng anh - con chim Lửa của chúng ta - cất tiếng hót.

Varusa đứng nghe, miệng mỉm cười. Một làn gió ấm hiền hòa thổi ào vào người nó, bên cạnh có cái gì xào xạc. Rừng rung động, từ những chùm hoa bồ đào phấn vàng rơi xuống. Ai đó vô hình thận trọng rẽ cành cây đi lướt qua Varusa. Phía trước con chim cu cất tiếng gáy chào mừng người ấy.

“Ai vừa đi qua nhỉ? Thế mà mình không nhìn thấy”. - Varusa nghĩ.

Em không biết rằng mùa xuân vừa đi qua.

Varusa cười rộ vang cả khu rừng và chạy về nhà. Và một niềm vui lớn - lớn không thể ôm xuể được - rộn ràng reo vui trong lòng em. Mùa xuân mỗi ngày một bừng sáng tươi vui và rực rỡ hơn. Bầu trời chan hòa ánh sáng khiến mắt cụ Kuzma nheo lại mà vẫn luôn luôn tươi. Rồi liền đó muôn ngàn đóa hoa nở rộ trong rừng, trên đồng cỏ và các khe mương như có ai rắc lên đó một thứ nước thần.

Varusa định đeo chiếc nhẫn sang ngón trỏ để được nhìn thế giới với bao điều kỳ diệu của nó, nhưng nhìn những bông hoa ấy, những nõn lộc cây bạch dương, bầu trời trong vắt và ánh nắng ấm áp, nghe gà gáy, nước róc rách và chim hót véo von ngoài đồng, em không đeo nhẫn vào ngón trỏ nữa.

“Mình còn kịp, - em nghĩ. - Không ở đâu trên thế gian có thể đẹp bằng làng Môkhôvôje của mình. Thật là tuyệt vời! Không phải vô cớ ông Kuzma bảo rằng quê mình là thiên đường thực sự và chẳng còn mảnh đất nào tuyệt vời như vậy trên trái đất này”.

NGƯỜI ĐÀU BẾP GIÀ

Một buổi tối mùa đông năm 1766, trong ngôi nhà gỗ nhỏ ở ngoại ô thành Viên, người đầu bếp cũ của bà bá tước Tun - một ông lão mù - đang hấp hối. Nói cho đúng, đó cũng chẳng phải là nhà mà chỉ là một chiếc lều canh rách rưới ở sâu trong vườn. Khu vườn ngập những cành mục bị gió đánh gãy. Khi cành cây kêu rảng rặc dưới mỗi bước đi thì con chó đực xích trong chuồng lại gầm gừ khe khẽ. Cũng như chủ mình, nó đang hấp hối vì tuổi già và giờ đây không còn sửa được nữa. Mấy năm về trước người đầu bếp già bị mù vì hơi nóng của bếp lò. Từ ấy, viên quản lý của bà bá tước cho ông lão ở trong túp lều canh và thỉnh thoảng cho ông vài lon flôrin.

Ông lão ở với con là Maria, một cô gái độ tuổi mười tám. Đồ đạc trong lều vền vện có một cái giường, mấy chiếc ghế dài khập khiễng, một cái bàn thô, một số đồ sứ đã rạn nứt và một cái dương cầm kiểu cổ - tài sản độc nhất của Maria. Cái dương cầm đã cũ lắm, cũ đến nỗi mỗi khi có tiếng động vang lên ở chung quanh là những dây đàn lại rung lên khe khẽ hồi lâu. Người đầu bếp gọi đùa cái dương cầm là “Người canh gác của nhà ta”. Không ai có thể bước vào nhà mà không được cây đàn đón tiếp bằng một âm thanh run rẩy già yếu.

Khi Maria đã làm xong việc lau mình cho người cha hấp hối, mặc chiếc áo sạch lạnh giá vào cho ông, ông lão bảo cô:

- Cha không hề ưa bọn thầy tu và bọn nhà dòng. Vì vậy cha không thể mời cha xứ đến rửa tội, nhưng trước khi chết cha muốn cho lương tâm cha được trong sạch.

- Vậy phải làm thế nào thừa cha? - Maria lo lắng hỏi.

- Con hãy ra đường, - ông lão nói, - và mời người đầu tiên mà con gặp vào nhà để rửa tội cho một người đang hấp hối. Không ai nỡ từ chối con đâu.

- Phố nhà thì vắng tanh... - Maria lẩm bẫm, với lấy khăn choàng lên đầu và bước ra.

Nàng chạy qua khu vườn, khó nhọc mở cánh cổng sắt gỉ và dừng lại. Phố vắng. Gió lùa lá rụng chạy trên mặt đường và từ trên bầu trời đen tối những hạt mưa rơi lạnh lẽo.

Maria đợi hồi lâu và nghe ngóng. Cuối cùng nàng cảm thấy có một người đi dọc theo hàng rào, vừa đi vừa hát. Nàng tiến lên mấy bước, va phải anh ta và kêu lên. Người đàn ông dừng lại, hỏi:

- Ai vậy?

Maria nắm tay người đàn ông và nàng run rẩy nói lại lời yêu cầu của cha mình.

- Được rồi, - người đàn ông bình thản nói. - Mặc dù tôi không phải là thầy tu, nhưng không sao. Ta đi thôi.

Họ bước vào nhà. Dưới ánh sáng của ngọn nến Maria nhìn thấy một người gầy gò bé nhỏ. Chàng vớt chiếc áo mưa ướt xuống ghế. Chàng ăn vụn tao nhã và giản dị - ánh nến lấp lánh trên chiếc camidôn⁴ màu đen, trên khay pha lê và cổ áo thêu ren.

Người lạ mặt còn trẻ lắm. Chàng lắc đầu hệt như đứa con nít, sửa lại bộ tóc giả rắc phấn, nhanh nhẹn đẩy chiếc ghế đầu lại bên giường rồi ngồi xuống, đầu hơi cúi, chăm chú và vui vẻ nhìn vào mặt người hấp hối.

- Xin cụ cứ nói! - Chàng bảo. - Rất có thể, với quyền lực không phải do trời, mà do nghệ thuật mà tôi phụng sự đã cho tôi, tôi sẽ làm cho những phút cuối cùng của cụ được thanh thản và cất đi gánh nặng đè lên tâm hồn cụ.

- Tôi làm việc suốt đời cho tới khi bị mù, - ông lão lẩm bẫm và nắm tay người lạ mặt kéo lại gần mình hơn. - Và ai làm việc, người đó không có thời giờ để phạm tội. Khi vợ tôi bị lao - vợ tôi tên là Mácta - thầy thuốc kê đơn cho nàng nhiều thứ thuốc đắt tiền, buộc phải cho nàng ăn kem sữa và

vả khô, uống rượu vang hâm nóng, vì vậy tôi đã lấy trộm trong bộ đồ ăn của bá tước Tun một chiếc đĩa vàng nhỏ, đập vụn ra rồi đem bán. Bây giờ tôi rất khổ tâm khi nhớ lại việc này, và phải giấu con gái tôi: tôi đã dạy nó không đụng đến một hạt bụi trên bàn người khác.

- Vậy chứ có ai trong những người hầu bá tước phu nhân bị vạ lây vì vụ đó không? - Người lạ mặt hỏi.

- Thưa ngài, tôi xin thề là không có ai cả. - Ông lão trả lời và khóc. - Nếu tôi biết rằng vàng cũng chẳng cứu được Mácta thì tôi đã chẳng lấy trộm!

- Tên cụ là gì? - Người lạ mặt hỏi.

- Iôhan Mâyê, thưa ngài.

- Vậy thì thưa cụ Iôhan Mâyê! - Người lạ mặt nói và đặt tay lên đôi mắt mù của ông lão, - trước mọi người cụ không có tội. Việc cụ đã làm chẳng phải là tội lỗi, cũng chẳng phải là ăn trộm, ngược lại, có thể coi nó như một chiến công của tình yêu.

- Amen! - Ông lão nói khẽ.

- Amen! - Người lạ mặt nhắc lại. - Còn bây giờ, cụ hãy nói cho tôi biết ước nguyện cuối cùng của cụ.

- Tôi muốn có người sẽ săn sóc Maria.

- Tôi sẽ làm việc ấy. Cụ còn muốn gì nữa không?

Người hấp hối bỗng mỉm cười và nói lớn:

- Tôi muốn một lần nữa được nhìn thấy Mácta như buổi đầu tôi gặp nàng lúc còn trẻ. Nhìn thấy mặt trời và khu vườn cũ này khi nó nở hoa vào mùa xuân. Nhưng cái đó không thể nào có được, thưa ngài. Xin ngài đừng bực mình vì những lời lẽ ngu xuẩn đó. Bệnh tật đã làm cho tôi không còn sáng suốt.

- Được, - người lạ mặt nói và đứng dậy. - Được, - chàng nhắc lại, đến gần chiếc dương cầm và ngồi xuống chiếc ghế đầu kê trước đàn. - Được - lần thứ ba chàng nói lớn và bất thần tiếng đàn vút lên vang dội khắp lều như thể có hàng trăm viên pha lê rơi xuống sàn.

- CỤ HÃY NGHE ĐÂY, - NGƯỜI LẠ MẶT NÓI. - CỤ HÃY NGHE VÀ HÃY NHÌN ĐÂY.

Chàng bắt đầu chơi. Về sau Maria nhớ lại khuôn mặt của người khách lạ khi phím đàn đầu tiên rung lên dưới tay chàng. Một sắc tái kỳ lạ phủ lên trán chàng và có một ngọn nến lung lay trong đôi mắt chột tối đi của chàng.

Lần đầu tiên sau nhiều năm chiếc dương cầm ca hết giọng. Tiếng đàn tràn ngập không riêng gian lều mà cả khu vườn. Con chó già bò ra khỏi chuồng, đầu ngả về một bên, nó chăm chú nghe, vẫy đuôi khe khẽ. Tuyết bắt đầu rơi, nhưng con chó chỉ ve vẩy đôi tai.

- Tôi thấy rồi, thưa ngài! - Ông lão nói và gắng gượng ngồi dậy. - Tôi thấy ngày tôi gặp Mácta và nàng vì ngưng ngưng đã đánh vỡ vò sữa. Lúc ấy vào mùa đông, ở trên núi. Bầu trời trong xanh như thủy tinh, và Mácta cười. Nàng cười, - ông lão nhắc lại, tai lắng nghe tiếng róc rách của cung đàn.

Người lạ mặt chơi đàn, mắt nhìn vào cửa sổ tối om.

- Còn bây giờ, - chàng hỏi, - cụ có nhìn thấy gì không?

Ông lão im lặng nghe ngóng.

- Chẳng lẽ cụ không nhìn thấy ư? - Người lạ mặt nói nhanh và vẫn tiếp tục chơi. - Đêm đang đen bỗng thành màu xanh thẫm rồi lại thành xanh lam, và ánh sáng ấm áp đã từ nơi nào trên cây cao kia chiếu xuống. Hoa trắng đang nở trên cành cây già cỗi trong vườn nhà cụ. Tôi cho đó là hoa táo mặc dù từ trong nhà này nhìn ra chúng giống hoa tulip hơn. Cụ thấy không: tia nắng đầu tiên đã rơi xuống bức tường đá, sưởi ấm cho nó và từ đó hơi nước đang bốc lên. Chắc đó là do đám rêu ướt đẫm nước tuyết tan đang khô dần. Còn trời thì cứ cao lên mãi, xanh thêm mãi, đẹp thêm mãi, và trên thành Viên cổ kính của chúng ta từng đàn chim đang bay về phương bắc.

- Tôi trông thấy tất cả những cái đó! - Ông lão kêu lên.

Bàn đạp rít lên khe khẽ và chiếc dương cầm cất cao giọng trịnh trọng như thể không phải chỉ riêng mình nó mà cả hàng trăm giọng hát vui mừng.

- Không, thưa ngài, - Maria nói với người lạ mặt, - hoa đó không hề giống tulip. Đó là những cây táo nở rộ trong một đêm.

- Vâng, - người lạ mặt trả lời, - đó là hoa táo nhưng cánh của chúng rất to.

- Mở cửa sổ ra, Maria! - Ông lão bảo.

Maria mở cửa sổ. Một luồng không khí lạnh ùa vào phòng. Người lạ mặt chơi rất khế và rất chậm.

Ông lão ngã xuống gối, thở dốc, đôi tay quờ quạng trên tấm chăn. Maria chạy vội lại. Người lạ mặt ngừng chơi. Chàng ngồi lặng trước chiếc dương cầm như bị mê đi bởi tiếng nhạc của chính mình.

Maria kêu lên. Người lạ mặt đứng dậy và bước đến bên giường bệnh. Ông lão vừa thở hổn hển vừa nói:

- Tôi đã thấy tất cả, rõ như hồi trước đây. Nhưng tôi không muốn chết đi mà không được biết... tên. Tên ngài!

- Tôi là Vônggăng Amêđây Môza, - người lạ mặt trả lời.

Maria lùi lại và cúi xuống, đầu gối gần sát đất, trước người nhạc sĩ vĩ đại. Khi nàng đứng thẳng lại thì ông lão đã qua đời. Bình minh cháy đỏ ngoài cửa sổ và trong ánh sáng ban mai, khu vườn đã phủ đầy hoa tuyết ướn.

KIM AN dịch

CHUYẾN XE ĐÊM

Tôi muốn viết hẳn một chương riêng về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó tới đời sống của chúng ta. Nhưng sau khi suy nghĩ, tôi đã viết thay vào đó một truyện ngắn về nhà thơ Anđecxen. Tôi nghĩ rằng truyện ngắn này có thể thay thế chương sách định viết và làm cho ta hình dung trí tưởng tượng còn rõ hơn là những câu chuyện chung chung về đề tài này”.

Trong cái khách sạn bẩn thỉu và cũ kỹ ở thành Vơniđơ không bói đâu ra mực, mà ở đây có mực để làm gì cơ chứ? Để viết phiếu thanh toán quá giá cho khách trọ chẳng?

Thật ra, khi Anđecxen mới đến khách sạn thì trong cái bình mực bằng thiếc vẫn còn một ít. Chàng dùng mực ấy viết một câu chuyện cổ tích. Nhưng câu chuyện mỗi lúc một nhợt nhạt trông thấy bởi Anđecxen đã mấy lần pha thêm nước lã vào mực. Thế là chàng không viết hết được câu chuyện - cái đoạn kết vui vẻ của nó còn nằm lại ở đáy lọ.

Anđecxen tủm tỉm cười và quyết định sẽ đặt tên cho câu chuyện cổ tích sau là “Câu chuyện còn nằm dưới đáy bình mực cạn”.

Chàng yêu mến Vơniđơ và đặt tên cho nó là “Bông sen tàn”.

Mây mùa thu thấp lè tè cuộn cuộn trên mặt biển. Nước hơi hám vỗ óc ách trên dòng kênh. Gió lạnh thổi trên các ngã ba, ngã tư đường phố. Nhưng khi mặt trời ló ra thì màu đá hồng nổi lên từ dưới đám rêu xanh và ngoài cửa sổ, cả thành phố hiện ra như một bức tranh của Kanalettô, nhà danh họa già người Vơniđơ.

Quả vậy, Vơniđơ tuy hơi buồn nhưng thật là đẹp. Song, đã đến lúc phải xa nó để đi tới những thành phố khác.

Vì thế mà Anđecxen đã chẳng luyện tiếc bao nhiêu khi bảo gã bồi phòng đi mua vé cho chuyến xe đêm sang Vêrôn.

Gã bồi phòng thật xứng với cái khách sạn - anh ta lười biếng, lúc nào cũng ngà ngà say, hay ăn cắp vặt nhưng có bộ mặt hồn nhiên cởi mở. Gã

chưa hề dọn phòng cho Andecxen lần nào, đến nỗi có việc quét cái sàn đá thô gã cũng chẳng làm. Từ những màn cửa bằng nhung đỏ mỗi bay ra trông giống những đàn ong vàng óng. Muốn rửa mặt phải dùng cái chậu sứ rạn có hình những cô gái đang tắm. Cây đèn dầu đã gãy. Thay vào đó người ta đặt trên bàn một chân nến nặng nề bằng bạc trên còn một mẫu nến mỡ lợn cháy dở. Có lẽ từ thời Tiziano người ta chưa hề lau rửa cho nó. Từ tầng một, nơi có quán rượu rẻ tiền, xông lên mùi thịt cừ rán và mùi tỏi. Những người đàn bà trẻ bận áo lót nhưng xơ xác buộc lỏng lẻo bằng những dải băng đứt, suốt ngày cười oang oang và gây lộn với nhau.

Đôi khi họ đánh nhau, giằng kéo, tóm lấy tóc nhau. Những lúc ấy nếu Andecxen đi qua đám đánh nhau thì chàng dừng lại và thán phục nhìn những mái tóc rối tung, những bộ mặt đỏ gay vì tức giận và những cặp mắt long lên khao khát trả thù. Nhưng đáng yêu hơn cả tất nhiên vẫn là những giọt nước mắt tức giận trào ra và chảy trên gò má như những hạt kim cương.

Khi thấy chàng, họ dụi đi, ngượng ngùng trước cái ông khách gầy còm và lịch sự có cái mũi thanh tú. Họ tưởng chàng là một nhà ảo thuật vãng lai, mặc dầu họ vẫn kính nể gọi chàng là “xinho thi sĩ”⁵. Theo hiểu biết của họ, chàng là một nhà thơ kỳ dị, thiếu nhiệt huyết. Chàng không hát theo dây đàn lục huyền những khúc thuyên ca làm tan nát lòng người và không mê hết người đàn bà này đến người đàn bà khác. Chỉ có một lần chàng rút ở khuyết áo ra một bông hồng đỏ thắm rồi tặng cho cô bé rửa bát xấu xí nhất bọn. Hơn nữa cô ta lại thọt, đi lắc lư như vịt.

Khi gã bồi phòng đi rồi, Andecxen chạy lại gần cửa sổ, hé mở tấm màn nặng nề và trông thấy gã vừa đi vừa huýt sáo dọc bờ kênh. Gã đứng lại hồi lâu trên chiếc cầu cong và chăm chú nhổ vào cái vỏ trứng rỗng trôi lênh bênh dưới chân cầu.

Cuối cùng gã nhổ trứng vào chiếc vỏ trứng chìm ngầm. Đoạn gã lại gần chú bé đội chiếc mũ dạ rách. Chú bé đang câu cá. Gã bồi ngồi xuống một bên, ngây dại nhìn chăm chăm vào chiếc phao và chờ xem có con cá lang thang nào cắn không.

- Trời! - Andecxen tuyệt vọng kêu lên - Chẳng lẽ hôm nay mình không đi được vì cái thằng đàn độn này ư?

Andecxen mở toang cửa sổ ra. Tiếng kính cửa rung mạnh đến nỗi gã bồi phòng nghe thấy và ngẩng đầu lên. Andecxen giơ hai tay lên trời phần nộ lắc lắc hai quả đấm. Gã bồi phòng giật chiếc mũ của thằng bé, hoan hỉ giơ chiếc mũ vẫy Andecxen rồi chụp lên đầu thằng bé và nhảy lên, biến mất vào một góc phố nhỏ. Andecxen phá lên cười. Chàng không tức giận chút nào. Thậm chí những chuyện ngộ nghĩnh vặt vãnh như thế càng làm cho thú say mê du lịch trong người chàng mỗi ngày một mạnh thêm.

Du lịch bao giờ cũng hứa hẹn những điều bất ngờ. Ai mà biết trước được lúc nào sẽ có cái nhìn hóm hỉnh của người đàn bà ánh lên trong khoe mắt, lúc nào những ngọn tháp của một thành phố không quen biết sẽ hiện ra ở đằng xa, và cột buồm của những con tàu lớn sẽ nghiêng ngả ở chân trời, những vần thơ nào sẽ đến với ta trước cảnh cơn giông gầm thét trên dãy núi Anpơ, và giọng ai sẽ hát cho ta nghe, như tiếng nhạc ngựa đường xa, bài hát về một cuộc tình duyên dang dở.

Gã bồi phòng mang tấm vé xe về nhưng không trả lại tiền thừa, Andecxen túm lấy cổ gã và lịch sự tổng ra ngoài hành lang. Ở đó chàng bông đùa đập nhẹ lên gáy gã một cái và gã bồi phòng liền phóng thẳng xuống cái cầu thang ọp ẹp, nhảy cách bậc và hát ầm ĩ.

* * *

Xe vừa đi khỏi Vonidơ thì trời bắt đầu mưa lâm thâm. Đêm tối hạ xuống đầm lầy. Người đánh xe nói rằng chính quý vương đã bày ra chuyện bắt xe từ Vonidơ đến Vêrôn phải đi đêm hôm thế này.

Hành khách không trả lời. Người đánh xe im lặng rồi giận dữ nhổ nước bọt và báo trước để hành khách biết rằng ngoài mẫu nển tàn trong cái đèn bằng sắt tây không còn một cây nển nào hết.

Không ai chú ý đến chuyện đó. Người đánh xe bèn tỏ vẻ hoài nghi về đầu óc minh mẫn của khách trên xe và nói thêm rằng Vêrôn là một chốn hang cùng, người đứng dẫn không ai đến đó làm gì.

Hành khách biết gã nói bậy nhưng chẳng ai buồn phản đối.

Trên xe cả thấy có ba người: Anđecxen, một linh mục đã có tuổi, vẻ mặt cau có, và một thiếu phụ mặc áo choàng màu sẫm. Anđecxen có cảm giác như thiếu phụ lúc thì trẻ, lúc thì già, lúc đẹp, lúc xấu. Tất cả cái đó là do ánh lửa lập lòe của ngọn nến tạo nên.

- Hay là ta tắt nó đi? - Anđecxen hỏi. - Giờ cũng chẳng cần đến nó. Rồi đến lúc lại chẳng có gì mà thấp.

- Đây là một ý nghĩ không bao giờ có thể có trong đầu một người Ý! - linh mục kêu lên.

- Tại sao vậy?

- Người Ý không biết phòng trước cái gì hết! Họ sức nhớ ra và kêu la ầm ĩ khi đã chẳng còn cách nào cứu vãn.

- Thưa cha, - Anđecxen hỏi, - vậy thì chắc cha không phải là người của dân tộc nhẹ dạ ấy?

- Tôi là người Áo! - linh mục trả lời giận dữ.

Câu chuyện ngừng bật, Anđecxen thổi tắt ngọn nến. Một lát sau thiếu phụ lên tiếng:

- Ở cái vùng này của nước Ý, đi đêm không đèn lại hay cơ đấy.

- Dù thế nào thì tiếng bánh xe cũng làm chúng ta bị lộ - linh mục phản đối và nói thêm. - Đàn bà đi đường xa lẽ ra phải có người nhà đi hộ tống.

- Người hộ tống của tôi - thiếu phụ trẻ trả lời và cười hóm hỉnh - ngồi bên tôi đó.

Thiếu phụ muốn nói Anđecxen. Chàng liền ngả mũ cảm ơn người bạn đồng hành. Ngọn nến vừa tắt thì tiếng động và mùi vị xông lên càng mạnh, như thể chúng mừng rỡ vì đối thủ của mình đã biến mất. Tiếng vó ngựa, tiếng bánh xe lạo xạo lăn trên sỏi, tiếng nhịp xe cọt kẹt và tiếng mưa vỗ lộp

bộp vào mũi xe nghe càng to. Mùi cỏ ẩm ướt và mùi bãi lầy lọt vào cửa xe cũng đậm thêm.

- Lạ thật! - Anđecxen nói - Ở Ý, tôi định ninh sẽ được thấy mùi rừng cam chanh, hóa ra lại gặp cái khí trời đầy nước phương bắc của tôi.

- Sắp khác rồi, ông ạ, - thiếu phụ nói. - Xe đang lên đồi. Trên kia khí trời ẩm hơn.

Ngựa đi bước một. Quả thực xe đang lên một quả đồi thoải thoải. Nhưng đêm không vì thế mà sáng hơn. Trái lại, hai bên đường kéo dài những hàng du cổ thụ, dưới cành lá lòa xòa bóng tối càng dày đặc hơn và âm thầm hơn, thoáng nghe thấy tiếng mưa rì rào trên lá.

Anđecxen hạ cửa xuống. Một cành du thò vào xe. Anđecxen bứt vài chiếc lá làm kỷ niệm.

Giống như nhiều người giàu trí tưởng tượng, chàng say mê thu lượm đủ mọi thứ lặt vặt trong những chuyến đi. Nhưng những cái lặt vặt ấy có một đặc tính: chúng làm sống lại dĩ vãng, tái tạo cái trạng thái mà Anđecxen đã trải qua đúng lúc chàng nhặt một mảnh vỡ của bức khảm, một chiếc lá du hay móng sắt nhỏ của một con lừa nào đó.

- Đêm rồi! - Anđecxen tự nhủ.

Lúc này chàng thích màn đêm hơn là ánh sáng mặt trời. Bóng tối cho phép ta yên tĩnh suy nghĩ về mọi thứ trên đời. Và khi chàng nghĩ chán rồi thì nó giúp chàng tưởng tượng ra mọi thứ chuyện trong đó nhân vật chính là bản thân chàng. Trong những câu chuyện đó Anđecxen bao giờ cũng hình dung là mình đẹp trai, trẻ trung, hoạt bát. Chàng hào hiệp tung ra quanh mình những lời nói làm say sưa lòng người, những lời mà các nhà phê bình đa cảm gọi là “hoa thơ”.

Thực ra chàng rất xấu trai và hiểu rõ điều đó. Chàng cao ngồng và nhút nhát. Tay chân chàng lỏng thòng như tay chân con rối treo trên sợi dây. Những con rối mà ở tổ quốc chàng trẻ con gọi là “hampenman”.

Với những đặc tính như thế chẳng có hy vọng gì được phụ nữ chú ý. Nhưng mỗi lần những thiếu phụ đi qua mặt chàng như qua cái cột đèn thì lòng chàng lại nhói lên vì hờn tủi.

Andecxen thiu thiu ngủ.

Khi tỉnh lại thì trước tiên chàng nhìn thấy một ngôi sao lớn màu lá mạ. Nó sáng rực ngay sát mặt đất. Đêm chùng đã khuya.

Xe đã dừng lại. Ở bên ngoài có tiếng nói lao xao. Andecxen lắng tai nghe. Người đánh xe đang mặc cả với mấy cô gái vừa gọi xe đỗ lại giữa đường. Những giọng nói của các cô gái cứ ngọt lịm và giòn vang đến nỗi cái cuộc mặc cả du dương ấy giống như khúc ngâm của một vở ca kịch cổ. Người đánh xe không bằng lòng chờ họ tới một thị trấn chắc là rất nhỏ bé nào đó với giá tiền họ trả. Các cô gái nhao nhao nói rằng ba người đã góp cả lại và họ không còn tiền nữa.

- Thôi được! Andecxen bảo người đánh xe – Tôi sẽ trả nốt số tiền thiếu mà anh đã càn rỡ đòi họ. Tôi sẽ thêm nữa nếu như anh thôi không ăn nói thô lỗ với khách và tán dóc.

- Thôi được, mời các quý nương lên, - người đánh xe nói với các cô gái. – Hãy cảm ơn Đức mẹ đã dun dủi cho các cô gặp cái ông hoàng ngoại quốc coi tiền như rác này. Ông ấy chẳng qua không muốn xe phải đậu lại vì các cô, thế thôi. Chứ ông ấy báu các cô lắm đấy!

- Giê su, lạy chúa tôi! – Nhà tu hành rên rỉ.

- Các cô lại đây ngồi gần tôi cho ấm, - thiếu phụ nói.

Mấy cô gái chuyền cho nhau đồ đạc, rì rầm bàn tán và lên xe, chào mọi người, bẽn lẽn cảm ơn Andecxen rồi ngồi xuống và im lặng.

Họ mang theo lên xe mùi pho mát sữa cừu và mùi bạc hà. Andecxen lờ mờ trông thấy các hạt thủy tinh lấp lánh trong những đôi hoa tai rẻ tiền của các cô gái. Xe đi, sỏi lạo xạo dưới bánh. Các cô gái bắt đầu thì thầm nói chuyện.

- Họ muốn biết ông là ai, - thiếu phụ lên tiếng và Andecxen đoán rằng nàng đang cười diễu trong bóng tối. – Có thật là một ông hoàng ngoại quốc không? Hay chỉ là một du khách kiếm lâm bình thường?

- Tôi là nhà tiên tri, - không dẫn đo, Andecxen đáp. – Tôi biết tiên đoán tương lai và nhìn rõ trong bóng tối. Nhưng tôi không phải là một tên bịp bợm. Và, có lẽ tôi là một thứ ông hoàng nghèo ở cái xứ sở của Hamlet đã sống ngày xưa.

- Thế cái gì ông có thể nhìn thấy trong đêm tối thế này? - một cô gái ngạc nhiên hỏi.

- Như cô chẳng hạn, - Andecxen trả lời. – Tôi thấy cô rõ đến nỗi lòng tôi đã mê say trước vẻ kiều diễm của cô.

Chàng nói điều đó và cảm thấy mặt mình lạnh toát. Cái trạng thái mà chàng thường trải qua mỗi lần sáng tác thơ hoặc truyện cổ tích đã đến gần. Trong trạng thái ấy hòa hợp lại nỗi ưu tư nhẹ nhàng, những suy tư không hiểu từ đâu đến và cảm giác bất ngờ về sức mạnh của của thơ ca, về quyền lực của mình đối với trái tim người đời.

Giống như trong một câu chuyện chàng viết, nắp chiếc rương thần cũ kỹ bỗng bật mở ầm một cái. Trong chiếc rương đó giấu kín những ý nghĩ chưa thốt thành lời, những tình cảm còn ngủ yên và tất cả sự mê hoặc của trái đất - mọi màu sắc và âm thanh, những làn gió ngát hương và biển cả bao la, tiếng ồn ào của rừng, những dẫn vật của tình yêu và tiếng líu lo của con trẻ.

Andecxen không biết gọi trạng thái ấy là gì. Một số gọi đó là cảm hứng, số khác gọi là sự phấn chấn, số khác nữa gọi là tài ứng tác.

- Tôi tỉnh giấc và nghe thấy giọng các cô nói trong đêm, - im lặng một lát, chàng điềm đạm nói. – Các cô gái xinh đẹp ơi, như thế cũng đủ để cho tôi quen biết các cô và còn hơn thế nữa, để yêu các cô như những cô em gái thỉnh thoảng mới gặp mặt. Tôi nhìn thấy các cô rõ lắm. Chẳng hạn như cô, cô con gái có mái tóc vàng nhẹ bỗng. Cô là cô gái hay cười khanh khách và cô yêu hết thảy mọi vật đến nỗi những con sâu trong rừng cũng sà xuống đậu trên vai cô khi cô vun xới trong vườn.

- Ôi, Nicôlina, ông ấy nói đàng ấy đấy! - Một cô gái lớn tiếng thì thào.

- Cô có một trái tim sôi nổi, cô Nicôlina ạ, - Andecxen vẫn điềm đạm nói tiếp. - Nếu như chẳng may có chuyện không lành xảy ra với người yêu của cô, cô sẽ chẳng dẫn đo suy nghĩ vượt qua ngàn dặm núi tuyết và sa mạc để gặp mặt và cứu chàng. Tôi nói đúng không nào?

- Vâng, em sẽ đi thật... - Nicôlina bối rối, ấp úng. - Nếu ông đã nghĩ như thế.

- Các cô tên là gì? – Andecxen hỏi.

- Chúng em là Nicôlina, Maria và Anna, - một cô trong bọn sốt sắng trả lời thay các bạn.

- Cô Maria ạ, đáng ra tôi không muốn nói về sắc đẹp của cô. Tôi nói tiếng Ý không thạo. Nhưng từ lúc thiếu thời tôi đã nguyện với Nàng Thơ sẽ ca tụng sắc đẹp ở bất cứ nơi nào tôi được gặp.

- Lạy Chúa tôi! - vị linh mục nói khẽ. – Ông ta bị ghen độc căn rồi. Ông ta đã hóa rồi.

- Có những người đàn bà quả là đẹp mê hồn. Phần nhiều họ là những người bản tính kín đáo. Họ sống với niềm đam mê cháy bỏng trong lòng, không thổ lộ với ai. Niềm mê say đó dường như từ bên trong tỏa ra làm cho mặt họ nóng bừng. Cô như thế đấy, cô Maria ạ! Số mệnh của những người đàn bà như thế thường là kỳ lạ. Hoặc là rất buồn thảm, hoặc là rất hạnh phúc.

- Ông đã gặp những người đàn bà như thế bao giờ chưa? - thiếu phụ hỏi.

- Vừa gặp đây thôi, - Andecxen trả lời. – Tôi không phải chỉ nói về cô Maria mà cả về bà nữa, thưa bà.

- Tôi mong rằng ông nói thế cốt không phải cho đêm dài chóng qua, - người đàn bà nói, giọng run run. - Điều ông vừa nói thật là tàn ác đối với cô gái kiều diễm này. Và cả tôi nữa, - nàng nhẹ nhàng nói tiếp.

- Thưa bà, chưa lúc nào tôi lại nghiêm chỉnh như lúc này.

- Vậy thì sao? - Maria hỏi. - Liệu em có hạnh phúc hay không?

- Cô muốn hưởng nhiều ở đời, mặc dầu cô chỉ là một cô gái nông thôn bình dị. Vì thế cô không dễ dàng được hạnh phúc. Nhưng trong đời mình cô sẽ gặp một người xứng đáng với trái tim hay hồn dỗi của cô. Người cô chọn

tất nhiên là một người xuất sắc. Có thể đó là nhà hội họa, là nhà thơ, là chiến sĩ đấu tranh cho tự do của nước Ý... Mà cũng có thể đó chỉ là một chàng mục đồng hay một thủy thủ, nhưng là người có một tâm hồn lớn. Nói cho cùng, thì cũng thế cả thôi.

- Thưa ông, em không nhìn thấy ông, vì thế em cứ hỏi mà chẳng thẹn thùng, - Maria rụt rè nói. – Nên làm gì đây, nếu người ấy đã làm chủ trái tim em rồi? Em mới gặp chàng có vài bận, thậm chí cũng chẳng biết chàng bây giờ ở đâu.

- Cứ tìm chàng đi! – Andecxen thốt lên. – Hãy tìm bằng được, và chàng sẽ yêu cô.

- Maria! – Anna vui vẻ nói. – Thì ra đó là cái anh chàng họa sĩ ở Vêrôn đấy chứ ai...

- Im đi! – Maria mắng át.

- Vêrôn chẳng phải là một thành phố to lớn gì để đến nỗi không tìm nổi một người, - thiếu phụ nói. – Cô nhớ lấy tên tôi. Tôi là Elêna Guytsiôli. Tôi hiện ở Vêrôn. Người Vêrôn nào cũng biết nhà tôi. Cô Maria này, cô đến Vêrôn đi. Và sẽ ở cùng tôi đến tận cái ngày hạnh phúc mà ông bạn đường thân mến của chúng ta đã tiên đoán cho cô.

Trong bóng tối, Maria tìm bàn tay Elêna và áp vào bên má nóng hổi của mình.

Mọi người im lặng. Andecxen nhận thấy một ngôi sao xanh đã tắt. Nó đã lặn dưới chân trời. Nghĩa là đã quá nửa đêm.

- Kìa, sao ông không đoán gì cho em? Anna, cô gái nhanh mồm nhanh miệng nhất bọn hỏi.

- Cô sẽ có nhiều con, - Andecxen nói một cách quả quyết. – Chúng nó sẽ xếp thành hàng, nối đuôi nhau nhận phần sữa. Cô sẽ mất nhiều thì giờ để tắm rửa và chải đầu cho cả lũ. Nhưng chồng sắp cưới sẽ giúp cô một tay.

- Có phải là Pêtrô không? – Anna hỏi. – Em cần cái anh chàng béo ục ịch ấy lắm đấy!

- Rồi cô còn mất nhiều thì giờ nữa để hôn vài lần trong một ngày những con mắt long lanh hiếu kỳ của hết thầy những thằng cu, con bé của cô.

- Trong lãnh địa của giáo hoàng mà nói những lời lẽ điên rồ ấy thì thật là quá quẩn! - vị linh mục bực bội nói, nhưng không ai chú ý đến lời nói của ông ta.

Mấy cô gái lại thì thầm chuyện gì với nhau. Tiếng cười luôn luôn cắt đứt tiếng xì xào. Cuối cùng Maria nói:

- Thưa ông, bây giờ chúng em muốn biết ông là người thế nào. Chúng em thì lại không nhìn được trong bóng tối.

- Tôi là nhà thơ phiêu lãng, - Andecxen trả lời. – Tôi còn trẻ. Tóc tôi rậm, uốn sóng và mặt tôi rám nắng. Đôi mắt xanh của tôi hầu như lúc nào cũng cười, bởi tôi vô tư và chưa yêu ai. Công việc duy nhất của tôi là đem những món quà nhỏ tặng người khác và làm những việc lãng nhãng cốt sao cho người thân được vui lòng.

- Thí dụ những việc gì thưa ông? – Elêna hỏi.

- Biết kể gì cho bà nghe đây? Mùa hè năm ngoái tôi ở nhà một người quen làm nghề kiếm lâm ở xứ Giuytlan. Một hôm tôi dạo chơi trong rừng và tới một quãng rừng thưa, nơi có rất nhiều nấm. Ngay ngày hôm đó tôi trở lại cánh rừng ấy và giấu dưới mỗi cây nấm hoặc một cái kẹo bọc giấy bạc, một quả chà là, một bó hoa tí xíu bằng sáp, hoặc một cái đê khô và một mẫu băng lụa. Sáng hôm sau tôi đi cùng với cháu gái con ông kiếm lâm vào cánh rừng đó. Cháu bé lên bảy. Thế là dưới mỗi gốc nấm cháu tìm thấy những vật nhỏ bé kỳ lạ kia. Chỉ thiếu có quả chà là. Hẳn là một chú quạ nào đã tha đi mất. Ô, nếu bà được trông thấy đôi mắt em bé sáng rực lên vì sung sướng! Tôi quả quyết với cháu rằng những vật đó là của những chú quỷ lùn đã giấu ở đấy.

- Ông đã đánh lừa một đứa bé ngây thơ! - Vị linh mục phẫn nộ nói. – Đó là một tội lớn.

- Không, đó chẳng phải là chuyện đánh lừa. Em bé sẽ nhớ chuyện ấy suốt đời. Và tôi xin quả quyết với cha rằng trái tim cháu sẽ không dễ dàng cắn cỗi như ở những người không được biết chuyện cổ tích ấy. Hơn nữa, thưa cha, tôi cũng muốn nói để cha biết rằng tôi vốn không ưa những lời răn ép buộc.

Xe dừng lại. Các cô gái ngồi yên không nhúc nhích như bị bỏ bùa. Elêna cúi đầu im lặng.

- Này, các mỹ nương! - Người đánh xe kêu lên. - Tỉnh dậy thôi! Đến nơi rồi.

Các cô gái lại thì thào chuyện gì và đứng dậy.

Trong bóng tối Andecxen bỗng thấy hai cánh tay khỏe mạnh ôm lấy cổ chàng và một đôi môi nóng hổi áp vào môi chàng.

- Cảm ơn ông! – đôi môi nóng hổi ấy thì thầm, và Andecxen nhận ra giọng nói của Maria.

Nicôlina cảm ơn chàng và hôn chàng thận trọng và âu yếm, tóc cô mơn man trên mặt chàng. Cái hôn của Anna thì kêu và khỏe. Các cô nhảy xuống đất. Xe lại chuyển bánh trên con đường lát đá. Andecxen nhìn ra ngoài cửa sổ. Chẳng thấy gì ngoài những ngọn cây đen thẫm trên nền trời hơi ngả màu xanh lục. Bình minh hừng sáng. Thành Vêrôn làm chàng ngạc nhiên vì những tòa nhà tráng lệ. Những mặt tiền trang nghiêm đua tài khoe sắc với nhau. Nền kiến trúc hài hòa lẽ ra phải làm cho tâm hồn thanh thản. Nhưng lòng Andecxen lại xáo động.

Tối hôm đó Andecxen đến giật chuông căn nhà cổ kính của Elêna trong một phố hẹp dẫn lên pháo đài.

Chính Elêna ra mở cửa cho chàng. Cái áo nhung xanh bó sát lấy thân nàng. Ánh nhung hắt lên mắt nàng làm cho đôi mắt ngả màu xanh nước biển đẹp vô ngần. Nàng giơ cả hai tay đón chàng, những ngón tay lạnh nắm chặt lấy bàn tay to lớn của chàng, rồi nàng lùi lại dẫn chàng vào một phòng nhỏ.

- Tôi nhớ quá chừng! – nàng nói một cách bình dị và mỉm cười như có lỗi. – Tôi đã cảm thấy thiếu anh rồi.

Andecxen tái mặt. Suốt ngày chàng chỉ nghĩ đến Elêna, lòng xáo động âm thầm. Chàng biết rằng mình có thể yêu đến chết mệt mỗi lời nói của người đàn bà ấy, từng chiếc lông mi rơi của nàng, từng hạt bụi vương trên tà áo nàng. Chàng hiểu điều đó. Chàng nghĩ rằng một mối tình như thế nếu cứ để cho nó bùng lên thì trái tim chàng sẽ không chứa nổi. Nó sẽ mang lại biết bao dẫn vật và niềm vui, nước mắt và tiếng cười khiến chàng không đủ sức chịu đựng tất cả những đổi thay và bất ngờ của tình yêu đó.

Và biết đâu, chỉ vì mối tình kia mà những chuyện cổ tích của chàng như một đàn ong sặc sỡ, sẽ chẳng nhạt phai, sẽ chẳng bỏ chàng bay đi để không bao giờ trở lại. Lúc đó chàng sẽ còn giá trị gì?

Dù sao thì rồi tình yêu của chàng cuối cùng cũng chẳng được đáp lại. Biết bao lần đã xảy ra như thế. Những người đàn bà như Elêna thường hay đồng bóng. Một ngày đáng buồn kia nàng sẽ nhận thấy chàng xấu xí. Chính chàng cũng gớm ghét bản thân mình. Luôn luôn chàng cảm thấy những cái nhìn chế giễu sau lưng mình. Những lúc ấy dáng đi của chàng trở nên cứng quèo, chàng vấp lên vấp xuống và chỉ muốn đập đầu.

Chàng tự nhủ: “Chỉ trong trí tưởng tượng mới có thể vĩnh cửu, có thể vĩnh viễn là thơ là mộng. Hình như ta có thể tưởng tượng ra tình yêu giỏi hơn là được hưởng tình yêu trong thực tại”.

Vì thế chàng đã đến nhà Elêna với ý định dứt khoát là gặp nàng xong rồi đi ngay để không bao giờ gặp lại.

Chàng không dám nói thẳng điều đó ra với nàng. Giữa hai người đã có gì đâu. Họ mới gặp nhau hôm qua trên một chuyến xe và chưa hề nói với nhau điều gì.

Andecxen dừng lại trước cửa phòng và đưa mắt nhìn quanh. Trong một góc, bức tượng đầu nữ thần Dian⁶ bằng đá trắng toát dưới ánh sáng của những cây đèn, hình như tái nhợt đi vì xúc động trước sắc đẹp của chính mình.

- Ai đã làm cho gương mặt bà trở thành bất tử trong pho tượng Đian kia vậy? – Andecxen hỏi.

- Cavôna đấy, - Elêna trả lời và cúi mặt xuống. Hình như nàng đoán biết tất cả những gì đang xốn xang trong lòng chàng.

- Tôi đến đây để từ biệt bà, - Andecxen lẩm bẩm bằng một giọng trầm ngâm, - Tôi chạy khỏi Vêrôn đây.

- Tôi biết anh là ai rồi, - nhìn thẳng vào mặt chàng, Elêna nói, - Anh là Krixtian Andécxen, nhà thơ và người viết truyện cổ tích nổi tiếng. Nhưng hóa ra trong cuộc đời anh lại sợ chuyện cổ tích đến nỗi anh cũng chẳng có đủ nghị lực và can đảm cho một cuộc tình ngăn ngủi.

Andecxen thú nhận:

- Đó là cây thập tự quá sức của tôi.

- Vậy thì nhà thơ phiêu lãng thân yêu của em, - Elêna chua chát nói và đặt tay lên vai Andecxen, - Anh hãy chạy đi! Chạy cho thoát! Cầu cho đôi mắt anh mãi mãi tươi cười. Đừng nghĩ đến em. Nhưng nếu một ngày kia, tuổi già, nghèo nàn và bệnh tật có làm anh đau khổ thì anh chỉ cần nhắn cho em một lời, em sẽ đi bộ như cô Nicôlina nọ, vượt qua ngàn dặm, qua bao núi tuyết và sa mạc khô cằn để tới an ủi anh.

Nàng gieo mình xuống chiếc ghế bành và lấy tay che kín mặt. Những ngọn nến trên giá nổ lách tách.

Andecxen nhìn thấy một giọt nước mắt long lanh rỉ qua những ngón tay nhỏ nhắn của Elêna rơi xuống vạt áo nhung và lăn đi. Chàng xô tới, quỳ xuống trước mặt nàng, áp mặt vào đôi bàn chân ấm áp, rần rỏi và dịu dàng của nàng. Elêna vẫn nhắm mắt, đưa tay ra ôm lấy đầu chàng, nàng cúi xuống và hôn vào môi chàng.

Giọt nước mắt nóng hổi thứ hai rơi xuống mặt chàng. Chàng cảm thấy vị mặn của nó.

- Anh đi đi! – Nàng nói khẽ. - Cầu cho Nàng Thơ tha thứ mọi điều cho anh.

Chàng đứng dậy, cầm lấy mũ và bước vội ra ngoài.

Chuông chiều đổ hồi trên toàn thành Vêrôn. Hai người không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng luôn luôn nghĩ đến nhau.

Có lẽ vì thế ít lâu trước khi nhắm mắt Andecxen đã nói với một nhà văn trẻ:

- Tôi đã trả bằng một giá đắt, có thể nói vô cùng đắt cho những chuyện cổ tích của tôi. Vì chúng, tôi đã từ bỏ hạnh phúc của mình và bỏ qua thời gian khi mà trí tưởng tượng, dù cho có mạnh và hào nhoáng đến mấy, cũng phải nhường chỗ cho thực tế.

Bạn hỡi, hãy biết vận dụng trí tưởng tượng không phải để gây ra đau buồn, mà để mang lại hạnh phúc cho mọi người và cho bản thân mình.

KIM ÂN dịch.



Nữ thần săn bắn Diana và 2 con chó săn

BÌNH MINH MƯA

Tàu thủy đến Navôlôki vào nửa đêm. Thiếu tá Kuzmin bước ra boong. Trời mưa phùn. Bến vắng tanh, chỉ có một cây đèn lồng leo lét.

Đâu, tỉnh ở đâu? Kuzmin nghĩ. Trời tối, mưa rơi. Thật chẳng ra làm sao hết!

Chàng co rúm người, cài lại cúc áo choàng da. Từ mặt sông, gió lạnh thổi vào. Kuzmin tìm thuyền phó, hỏi xem tàu có đỗ lâu ở Navôlôki không.

- Khoảng ba tiếng. - Thuyền phó trả lời. - Còn tùy việc dỡ hàng. Đồng chí hỏi làm gì? Đồng chí còn đi tiếp cơ mà.

- Tôi phải chuyển hộ anh bạn cùng năm quân y viện một bức thư cho vợ anh ấy. Chị ấy ở đây, ở tỉnh này.

- Vậy thì anh phải đi thôi! - Thuyền phó thở dài. - Trời tối như mực. Nhớ nghe còi, kéo rớt lại đấy nhé!

Kuzmin xuống bến, trèo lên trên những bậc thang trơn nơi bờ sông dựng đứng. Nghe có tiếng mưa rơi tí tách trong những bụi cây. Chàng dừng một lát cho mắt quen với bóng tối và nhìn thấy một cỗ xe xộc xệch với con ngựa buồn bã. Mui xe đã giương và từ trong xe văng ra tiếng ngáy.

- Này ông bạn! - Kuzmin nói lớn. - Ông ngủ quên để xe đi qua thiên đàng mất rồi.

Người đánh xe cựa mình, chui ra, hỉ mũi, lấy vạt áo lau, rồi mới hỏi:

- Đi hả?

- Đi.

Kuzmin đồng ý.

- Đi đâu bây giờ?

Kuzmin nói tên phố.

- Thế thì xa. - Người đánh xe bối rối. - Mãi trên đồi kia. Ít nhất cũng phải chi một chai ngang đấy, ông ơi!

Người đánh xe giật cương, giục ngựa. Chiếc xe uể oải chuyển bánh.

- Thế nào, bác là người đánh xe độc nhất ở Navôlôki này hay sao?

Kuzmin hỏi.

- Có hai lão già chúng tôi thôi. Còn thì đang chiến đấu. Đồng chí đến nhà ai vậy?

- Đến nhà Basilốp.

- Tôi biết! - Ông già nhanh nhẹn ngoái lại. - Đồng chí đến thăm chị Olga Andrêepna, con gái bác sĩ Andrê Petrôvich, chứ gì! Chị ấy ở Maxcova về đây, ở nhà cha từ năm ngoái. Bác sĩ mất đã hai năm! Nhưng nhà vẫn là của họ...

Xe lắc mạnh, nó kêu lọc xọc và rút được một bánh ra khỏi cái hố.

- Bác nhìn đường cho cẩn thận. - Kuzmin khuyên. - Chớ trông ngang trông ngựa.

- Đường với đất, rõ... - Người đánh xe lều bều. - Ban ngày mà đi con đường này đến phát sợ. Nhưng đêm thì không sao. Ban đêm không trông thấy ổ gà. Ông lão im lặng. Kuzmin châm thuốc, ngả người dựa hẳn vào

phía trong. Mưa rơi lộp độp trên mui. Những con chó sủa xa. Mùi thìa là, mùi hàng rào ướt và hơi ẩm của sông bốc lên. “Ít nhất cũng đã một giờ sáng”, Kuzmin nghĩ. Thực vậy, quả chuông rạn trên một gác chuông nhà thờ đầu dãy điểm một tiếng ngay lập tức sau khi anh nghĩ.

Giá mình cứ ở đây cho đến hết phép. Chàng lại nghĩ. Chỉ riêng không khí này cũng đủ làm tiêu tan những điều phiền muộn sau khi mình bị thương. Mình sẽ kiếm một căn phòng có cửa sổ mở ra vườn. Trong một đêm như đêm nay mình sẽ mở toang cửa sổ, nằm xuống trùm chăn kín mà nghe mưa gõ trên những cây ngưu bàng.

- Vậy ra đồng chí là chồng chị ấy?

Ông lão đánh xe hỏi.

Kuzmin không đáp. Ông lão tướng viên sĩ quan không nghe rõ nhưng không dám hỏi lại.

Đúng là chồng. Ông lão phán đoán. Thế mà thiên hạ nói lão là chị ấy đã bỏ chồng từ trước chiến tranh. Rất lão toét.

- Đồ quý! - Ông lão với lấy dây cương, cho con ngựa gầy còn da bọc xương một cái vụt. - Cứ sức vào chỗ lầy mà đi!

Thật vớ vẩn, tàu trẻ, mãi đến đêm mới tới đây. Kuzmin nghĩ. Tại sao Basilốp (người bạn cùng năm viện với anh) khi biết mình sẽ đi qua Navôlôki lại nhờ chuyển thư tận tay cho vợ anh ta? Thế là đành phải đánh thức họ dậy, có trời mới biết thiên hạ sẽ nghĩ gì về chuyện ấy!

Basilốp là một viên sĩ quan cao lớn, hay giễu cợt. Anh nói nhiều và thích tán dóc. Trước khi nói một câu gì sâu sắc, anh cười không ra tiếng một lúc đã. Trước kia, khi chưa được huy động vào quân đội, Basilốp giúp việc một đạo diễn điện ảnh. Tối nào anh cũng kể tỉ mỉ cho bạn bè cùng phòng nghe những cuốn phim nổi tiếng. Anh em thương binh thích nghe

Basilốp kể, chờ đợi những câu chuyện của anh và ngạc nhiên vì trí nhớ của anh. Basilốp nhận xét một cách khắt khe đối với người, sự kiện và sách vở. Anh rất cứng cổ và giễu cợt bất cứ ai định phản đối mình. Nhưng Basilốp giễu cợt một cách ranh ma - dùng lối nói đùa cạnh khoé và người bị anh giễu thường hai ba giờ sau mới sực hiểu ra rằng mình bị Basilốp xỏ xiên và cố nghĩ câu trả lời cho thực cay độc. Nhưng tất nhiên là đã muộn.

Một ngày trước khi Kuzmin đi, Basilốp đưa cho chàng một bức thư nhờ chuyển cho vợ mình và lần đầu tiên Kuzmin nhìn thấy trên mặt Basilốp một nụ cười bối rối. Rồi đêm ấy Kuzmin nghe thấy Basilốp trằn trọc trở mình và khụt khịt mũi trên giường. Có lẽ anh chàng cũng chẳng đến nỗi khô khan lắm, Kuzmin nghĩ. Hình như anh chàng đang khóc. Nghĩa là anh chàng yêu. Và yêu một cách nồng nhiệt nữa là khác.

Suốt cả ngày hôm sau Basilốp không rời Kuzmin nửa bước, thỉnh thoảng lại liếc nhìn chàng và tặng chàng chiếc bi đồng phát cho sĩ quan. Lúc Kuzmin sắp lên đường họ cùng nhau uống cạn một chai vang mà Basilốp đã giấu được. - Sao anh cứ nhìn tôi chăm chăm thế?

Kuzmin hỏi.

- Thiếu tá thân mến ạ, anh là một người tốt. - Basilốp đáp. - Anh có thể là một nghệ sĩ lắm.

- Tôi làm nghề họa đồ. - Kuzmin trả lời. - Mà những người họa đồ vốn đã là những nghệ sĩ rồi.

- Vì sao?

Kuzmin trả lời lửng lơ:

- Vì họ là những kẻ lang thang.

- “Những kẻ lưu vong đất khách quê người, những kẻ lãng du và những nhà thơ”. - Basilốp giễu cợt tuyên bố. - Ai mà chả muốn được như họ, nhưng rồi chẳng làm nên gì hết.

- Anh trích thơ ai đấy?

- Của Vêlôsin. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ đó. Tôi nhìn anh như thế là vì tôi ghen với anh.

- Anh ghen với tôi cái gì kia chứ?

Basilốp xoay đi xoay lại cái cốc trong tay, ngả lưng vào thành ghế và nhếch mép cười. Hai người ngồi ở cuối hành lang quân y viện, bên một chiếc bàn mây. Bên ngoài cửa sổ, gió uốn cong những cây non, reo lên trong lá và đưa bụi bay đi. Một đám mây trĩu nước từ ngoài sông đang tiến vào thành phố.

- Tôi ghen gì với anh? - Basilốp hỏi lại và đặt bàn tay hồng hào của anh ta lên tay Kuzmin. - Tôi ghen với anh vì tất cả, ghen cả với bàn tay anh.

- Tôi không hiểu gì hết. - Kuzmin nói và khẽ rứt tay ra. Bàn tay lạnh lẽo của Basilốp chạm vào làm chàng khó chịu. Nhưng để Basilốp khỏi nhận thấy điều đó, chàng cầm lấy chai rượu vang và bắt đầu rót.

- Anh mà lại không hiểu! - Basilốp bực bội đáp. Anh ta im lặng một chút, nhìn xuống và nói. - Giá mà chúng ta được đổi chỗ cho nhau nhỉ! Nhưng thôi, nói chuyện ấy làm quái gì! Hai ngày nữa anh đã đến Navôlôki. Anh sẽ gặp Olga Andrêepna. Nàng sẽ bắt tay anh. Vì thế mà tôi ghen. Giờ thì anh hiểu rồi chứ?

- Sao anh lại nói thế! - Kuzmin bối rối. - Anh rồi cũng sẽ gặp vợ anh kia mà.

- Nàng không phải là vợ tôi - Basilốp trả lời, giọng gay gắt.

- May mà anh không dùng chữ “phu nhân”. - Kuzmin lẩm bẫm.

- Nàng không phải là vợ tôi. - Cũng vẫn gay gắt như thế, Basilốp nói. - Nàng là tất cả. Tất cả cuộc đời tôi. Nhưng thôi ta không nói chuyện ấy nữa!

Basilốp đứng lên và đưa tay cho Kuzmin:

- Vĩnh biệt anh. Xin anh đừng giận tôi. Tôi cũng không đến nỗi tồi hơn những người khác.

Chiếc xe đi lên đê. Trời càng tối hơn. Trên những cây bạch liễu cổ thụ mưa ngái ngủ từ những chiếc lá lao xao rơi xuống. Vó ngựa đập trên cầu lát ván.

“Xa thực!” Kuzmin thở dài và nói với ông lão đánh xe. - Bác đợi tôi bên cạnh nhà nhé! Rồi đưa tôi trở lại bến...

- Được thôi - Ông lão bằng lòng ngay tức khắc và nghĩ. Không, thế thì không phải chồng rồi. Chồng thì thế nào cũng ở lại vài ba ngày chứ. Chắc người ngoài.

Bắt đầu đến một con đường đá cuội. Chiếc xe lúc lắc, cái bệ bằng sắt kêu lạch cạch. Ông lão cho xe quặt sang vệ đường. Bánh xe êm ái lăn trên cát ẩm. Kuzmin lại suy nghĩ.

Basilốp bảo ghen với chàng. Tất nhiên, anh ta chẳng ghen gì hết. Chẳng qua anh ta đã dùng không đúng cái từ muốn nói ra. Sau cuộc trò chuyện với Basilốp bên cửa sổ bệnh viện, Kuzmin, ngược lại, bắt đầu thấy ghen với anh ta. “Lại không đúng từ rồi sao?” Kuzmin bực bội tự nhủ. Chàng không ghen. Chàng chỉ tiếc. Chàng tiếc rằng mình đã bốn mươi, nhưng chưa bao giờ có được một tình yêu như Basilốp. Lúc nào chàng cũng chỉ có một mình.

“Đêm, mưa rơi xào xạc trên những khu vườn hoang vắng, tĩnh lặng, sương mù từ những cánh đồng cỏ bay qua và thế là cả cuộc đời cũng qua nốt.” Không hiểu sao Kuzmin lại nghĩ như thế.

Chàng bỗng thấy muốn ở lại đây. Chàng yêu những tỉnh lỵ Nga, nơi đứng ở thềm nhà cũng có thể nhìn thấy những cánh đồng ở bên kia sông, những con đường rộng bò lên núi, những chiếc xe chở rơm trên những chuyến phà. Tình yêu ấy làm cho chính chàng cũng phải ngạc nhiên. Chàng sinh trưởng ở phương Nam trong một gia đình miền biển. Cha chàng để lại cho chàng tính ham thích tìm tòi, những bản đồ địa lý và cuộc sống lang thang. Vì thế chàng đã trở thành nhân viên họa đồ. Kuzmin đã coi việc chọn nghề là ngẫu nhiên. Chàng nghĩ, nếu sinh ra vào lúc khác, có khi mình đã là thợ săn hoặc người đi tìm đất mới. Chàng thích nghĩ về mình như thế, nhưng chàng đã nhầm. Tính tình chàng không có gì giống người làm những nghề kia. Kuzmin nhút nhát và hiền lành đối với xung quanh. Những sợi tóc phơn phớt bạc tố cáo tuổi chàng. Nhưng nếu nhìn người sĩ quan tầm thước, gầy gò không ai dám đoán chàng quá ba mươi.

Chiếc xe ngựa cuối cùng rồi cũng đi vào tỉnh lỵ tăm tối. Chỉ có một ngọn đèn xanh cháy sáng sau cửa kính một ngôi nhà, chừng là hiệu thuốc. Đường phố dẫn lên núi. Người đánh xe bỏ chỗ ngồi, bước xuống cho xe nhẹ thêm. Kuzmin cũng xuống theo, chàng đi tụt lại sau xe một quãng và bất thần chàng cảm thấy cả cái kỳ quặc của đời mình. Ta đang ở đâu đây? - chàng nghĩ - Cái tỉnh lỵ Navôlôki nào đó, một nơi xa vắng, móng ngựa làm bật ra những tia sáng. Ở đâu đây có một thiếu phụ mà ta không biết. Ta phải chuyển cho nàng, giữa đêm hôm khuya khoắt như thế này, một bức thư quan trọng và chắc chắn không phải là một bức thư vui. Hai tháng trước đang còn là mặt trận, nước Balan, con sông Vixoa êm đềm và rộng. Thực kỳ quặc! Và cũng thực là thú vị!

Xe đã đi qua đồi. Ông lão rẽ ngang vào một phố. Những đám mây đen có chỗ đã tản ra và trong cái đen tối trên đầu, đây đó lấp lánh một vì sao.

Ngôi sao vụt ánh lên trong những vũng nước rồi lại tắt ngấm.

Xe dừng lại bên một ngôi nhà có chòi ở giữa.

- Đến rồi! - Ông lão đánh xe nói. - Chuông ở cổng phía bên phải.

Kuzmin sờ soạng tìm thấy năm chuông gỗ và kéo xuống nhưng chàng không nghe thấy chuông kêu, chỉ có tiếng rin rít của sợi giây thép gỉ.

- Ông cứ giật mạnh vào!

Kuzmin làm theo. Ở sân trong sau nhà, quả chuông con lúc lắc. Nhưng trong nhà vẫn yên lặng như tờ, chắc chưa ai thức dậy.

- Ô... ô... ô...! - Ông lão ngáp. - Đêm mưa thế này người ta ngủ say bằng chết.

Kuzmin đợi một lát rồi giật mạnh hơn. Ở phòng lát gỗ có tiếng chân văng ra. Có người nào đến bên cửa sổ, dừng lại nghe ngóng rồi bực dọc hỏi:

- Ai vậy? Muốn gì?

Kuzmin định trả lời, nhưng ông lão đã nói trước.

- Mở cửa ra, Macfa. - Ông lão nói. - Có người ở mặt trận về gặp chị Olga.

- Ai ở mặt trận về? - Giọng nói sau cửa vẫn chẳng dịu dàng hơn trước chút nào.

- Chúng tôi chẳng đợi ai cả.

- Không đợi, thế mà lại gặp đây!

Cánh cửa hé mở. Trong bóng tối Kuzmin nói chàng là ai và vì sao chàng tới.

- Trời! - Người đàn bà đứng sau cửa sợ hãi kêu lên. - Ông rõ vất vả! Tôi mở cửa ngay bây giờ. Chị Olga đang ngủ. Mời ông vào, tôi sẽ đánh thức chị ấy dậy.

Cửa mở, Kuzmin bước vào phòng treo áo tối mò.

- Ở đây có bậc. - Người đàn bà dặn, giọng nói đối hẳn, dịu dàng. - Đêm hôm thế này mà ông vất vả công đến! Ông đợi cho một chút kéo vấp. Tôi châm đèn ngay bây giờ, ở đây đêm mất điện.

Bà ta đi, còn Kuzmin ở lại phòng treo áo. Từ các phòng bay ra mùi trà và một mùi gì đó nữa, êm ái. Một con mèo bước ra, cọ mình vào chân Kuzmin, nó kêu gừ gừ rồi trở vào căn phòng tối như muốn mời Kuzmin đi theo mình. Đằng sau cánh cửa hé mở hắt ra một ánh sáng run rẩy yếu ớt.

- Mời ông. - Người đàn bà nói.

Kuzmin bước vào. Người đàn bà cúi chào chàng. Đó là một bà lão tầm vóc cao, mặt hơi đen. Kuzmin cố giữ cho khỏi gây ra tiếng động, bước đi gần như rón rén.

- Ông đừng ngại, đằng nào cũng phải đánh thức chị ấy.

Bà lão mỉm cười.

Kuzmin khe khẽ hỏi:

- Ở đây có nghe rõ còi tàu ngoài biển không cụ?

- Nghe rõ ông ạ! Rõ lắm! Cứ như tàu nọ nghe tàu kia thôi! Ông ngồi xuống đi.

Bà lão ra, Kuzmin ngồi xuống chiếc đi-văng tựa gỗ. Chàng do dự khi móc túi lấy thuốc hút. Chàng bối rối và nổi bối rối khó hiểu ấy làm chàng tức giận. Cái cảm giác bao giờ cũng có khi ta ban đêm vào nhà người khác, bước vào một cuộc sống không phải là của ta, đầy bí mật và những điều khó hiểu, xâm chiếm tâm hồn chàng. Cuộc sống ấy giống như một cuốn sách bỏ quên trên bàn ở trang sáu mươi lăm nào đó. Kuzmin nhìn vào trang giấy ấy và cố đoán xem cuốn sách nói về chuyện gì, có gì bên trong?

Ở trên bàn có một cuốn sách ngổ thực. Kuzmin đứng dậy cúi xuống và vừa lắng nghe tiếng thì thào vội vã bên kia cánh cửa và tiếng áo phụ nữ sột soạt, vừa đọc thầm những dòng chữ chàng quên băng từ lâu:

*Cái không thể đã thành có thể
Con đường dài hóa dễ với ta
Nhọc nhằn chi mấy cũng qua
Cuối đường tìm kiếm khi ta thấy nàng*

Kuzmin ngẩng đầu lên, nhìn quanh. Căn phòng thấp và ấm áp một lần nữa lại làm chàng muốn ở lại tĩnh lý này.

Căn phòng với ngọn đèn treo trên bàn ăn, chụp đèn trắng đục, đôi sừng tuần lộc đóng trên bức tranh vẽ con chó bên giường bệnh một em bé gái, có một thứ ấm cũng đặc biệt vô tả. Những căn phòng như thế bao giờ cũng làm ta phải mỉm cười bởi mọi vật ở đó đều cổ lỗ, từ lâu ta đã lãng quên.

Mọi vật chung quanh, đến cái gạt tàn bằng vỏ ốc màu hồng đều chứng tỏ một cuộc sống dài và bình thường làm cho Kuzmin lại nghĩ rằng giá chàng được ở lại đây và sống như những người chủ ngôi nhà cũ kỹ này đã sống một cuộc sống không vội vã, làm rồi nghỉ ngơi, xuân rồi lại đông và những ngày nắng ngày mưa xen kẽ. Nhưng bên cạnh các đồ vật cũ kỹ, trong phòng còn có những thứ khác. Trên bàn cắm một bó hoa đồng nội: hoa cúc, hoa phế hình, hoa thanh lung trà dại. Hoa chắc vừa mới hái. Chiếc kéo và những cành hoa bị cắt bỏ nằm trên khăn bàn. Và bên cạnh là tập thơ “Con

đường dài hoá dễ với ta” để ngỏ của Blôck. Chiếc mũ phụ nữ nhỏ nhắn màu đen đặt bên cuốn sách bìa nhung lam đặt trên mặt đàn dương cầm. Cái mũ hoàn toàn không cổ chút nào, rất hợp thời trang. Một chiếc đồng hồ con, dây mạ kền vút cầu thả trên bàn. Đồng hồ chạy rất êm, kim đồng hồ chỉ một giờ rưỡi... Mùi nước hoa bao giờ cũng phảng phất buồn, nhất là trong đêm khuya khoắt như đêm nay.

Một cánh cửa kính để mở. Bên ngoài cánh cửa, đằng sau những chậu thu hải đường, một bụi tử đinh hương ướt nước mưa lấp lánh dưới ánh sáng yếu ớt từ trong phòng lọt ra qua cửa kính. Mưa bụi thì ào trong bóng tối. Những giọt nước nặng hồi hả đập vào lòng máng.

Kuzmin lắng nghe tiếng nước rơi, ý nghĩ về sự qua đi không thể nào lấy lại mỗi khoảnh khắc nhỏ nhất của thời gian, cái ý nghĩ dẫn vật con người thế kỷ này qua thế kỷ khác, đã đến với chính chàng lúc này, ban đêm, trong ngôi nhà xa lạ, và từ ngôi nhà ấy, một phút nữa thôi, chàng sẽ ra đi và không bao giờ trở lại. Do tuổi già mà mình nghĩ thế hay sao? Kuzmin nghĩ và quay lại.

Một thiếu phụ vận đồ đen đứng ở ngưỡng cửa. Thiếu phụ hẳn vì vội ra tiếp khách nên chưa chải đầu cẩn thận. Một bím tóc rơi trên vai, và thiếu phụ, mắt vẫn không rời Kuzmin bối rối mỉm cười, nâng nó lên, lấy trâm cài vào đám tóc ở gáy. Kuzmin nghiêng người chào thiếu phụ. Nàng đưa tay cho chàng và nói:

- Xin lỗi anh. Tôi đã làm anh phải đợi.

- Chị là Olga Anđrêepna?

- Vâng.

Kuzmin nhìn thiếu phụ. Dáng trẻ trung với đôi mắt long lanh, sâu và hơi mờ của thiếu phụ làm chàng sửng sốt.

Kuzmin xin lỗi vì đã làm phiền rồi móc trong túi áo, lấy bức thư của Basilốp ra đưa cho tiểu phụ. Nàng cầm lấy, cảm ơn chàng và đặt bức thư lên mặt đàn dương cầm, không đọc.

- Kìa, chúng ta cứ đứng mãi! - Nàng nói - Mời anh ngồi! Anh ngồi gần bàn đây này. Ở đây sáng hơn.

Kuzmin ngồi xuống bên bàn và xin phép được hút thuốc.

- Anh cứ tự nhiên. - Nàng nói. - Tôi cũng xin được hút cùng anh.

Luzmin mời nàng và đánh diêm. Khi tiểu phụ châm lửa, ánh diêm hắt lên mặt nàng và chàng thấy khuôn mặt trầm tư với vầng trán thanh sạch của nàng có vẻ quen quen đối với chàng.

Olga ngồi xuống, đối diện với Kuzmin. Chàng chờ đợi những câu hỏi, nhưng nàng chỉ im lặng và nhìn ra cửa sổ, nước mưa vẫn đều đều xào xạc.

- Macfa! - Olga nói và quay về phía cửa. - Bà đặt giúp tôi ấm chè.

- Không, không! - Kuzmin hốt hoảng. - Tôi phải đi ngay bây giờ. Người đánh xe còn đợi ngoài phố. Tôi chỉ định chuyển bức thư cho chị và nói với chị tin tức về... anh ấy.

- Có gì đáng nói đâu! - Olga trả lời, rút trong bó hoa ra một bông hoa cúc và tàn nhẫn vặt từng cánh. - Anh ấy còn sống thế là tôi mừng.

Kuzmin im lặng.

- Anh đừng đi vội. - Olga nói, bình dị như nói với một người bạn cũ. - Ở đây nghe rõ còi tàu. Chắc chắn tàu thủy chỉ chạy được trước khi trời sáng.

- Sao vậy?

Bà Macfa từ bên buồng chỗ sang:

- Tại ở vùng này, phía dưới Navôlôki có một con bương lớn dưới dòng sông. Đêm hôm đi qua đấy nguy hiểm lắm. Vì thế các thuyền trưởng cứ phải chờ đợi trời sáng.

- Đúng như vậy. - Olga xác nhận. - Từ đây ra bến đi bộ chỉ hết mười lăm phút, nếu qua lối vườn hoa. Tôi sẽ tiễn anh. Còn bác đánh xe thì anh cho về thôi. Ai chờ anh? Có phải bác Vaxili không?

- Cái đó thì tôi lại không biết.

Kuzmin mỉm cười.

- Timôfây chờ ông ấy tới đây! - Bà lão từ cửa phòng bên báo sang. Nghe rõ cả tiếng bà lắp ống khói cho ấm xamôva kêu long xong. - Ít nhất ông cũng phải uống trà đã. Chưa chi vừa mới ở ngoài mưa vào đã lại định ra mưa.

Kuzmin nhận lời. Chàng ra cửa trả tiền xe. Ông lão chưa đi vội, còn loay hoay bên con ngựa, chữa lại thắt đai.

Khi chàng trở vào thì bàn đã dọn. Những chiếc chén cũ màu xanh tô chỉ vàng, một bình sữa hâm nóng, mật ong và một chai rượu vang mới mở. Bà Macfa mang ấm xamôva vào.

Olga xin lỗi vì tiếp khách quá đạm bạc. Nàng nói đã chuẩn bị trở lại Maxcova, nhưng hiện giờ vẫn còn tạm làm việc ở Navôlôki, tại thư viện tỉnh. Kuzmin đợi mãi xem rồi nàng có hỏi gì đến Basilốp không, nhưng nàng không hỏi. Vì thế chàng mỗi lúc một bối rối thêm. Từ khi vẫn còn nằm quân y viện chàng đã đoán giữa vợ chồng Basilốp có chuyện lung củng. Nhưng lúc này, sau khi thấy Olga không đọc mà lại đặt thư lên bàn thì chàng tin mình đã đoán đúng. Và chàng cảm thấy như mình chưa tròn trách nhiệm đối với Basilốp và có lỗi nhiều trong chuyện đó. Chắc Olga sẽ đọc thư sau, chàng nghĩ. Nhưng chàng biết rõ một điều là bức thư mà Basilốp

coi trọng, vì nó mà chàng phải tới ngôi nhà này vào một giờ bất tiện, đã không còn cần thiết và chẳng thú vị gì đối với người nhận. Thành thử Kuzmin đã không giúp gì được cho Basilốp mà còn đặt mình vào một tình thế khó xử. Olga như đoán được ý nghĩ của chàng, nàng nói:

- Anh đừng giận. Bưu điện có, điện tín có, không hiểu sao anh ấy lại còn phiền anh làm gì.

- Có phiền gì đâu! - Kuzmin vội nói và sau khi yên lặng một lát, chàng tiếp. - Ngược lại, còn rất tốt nữa là khác.

- Anh nói cái gì tốt kia?

Kuzmin đỏ mặt.

- Cái gì tốt kia? - Olga hỏi lại, lần này nàng nói to hơn và ngược mắt nhìn Kuzmin. Nàng nhìn chàng, như cố đoán xem chàng nghĩ gì, một cách nghiêm nghị, người đưa hẳn về phía trước, chờ câu trả lời. Nhưng Kuzmin chỉ im lặng.

- Anh nói đi, cái gì tốt?

Nàng hỏi lại một lần nữa.

- Biết nói với chị thế nào. - Kuzmin suy nghĩ, trả lời. - Đó là một câu chuyện đặc biệt. Tất cả những gì ta yêu mến thì ta lại ít gặp. Không biết người khác thế nào chứ tôi nghiệm bản thân thì đúng như vậy. Mọi điều tốt lành hầu như bao giờ cũng chỉ đi lướt bên ta. Chị hiểu ý tôi chứ?

- Tôi không hiểu lắm.

Olga trả lời và nhúu đôi lông mày.

- Giải thích như thế nào để chị hiểu đây? - Kuzmin nói. Chàng tự giận mình. - Chắc là chuyện đó cũng xảy ra cả với chị. Từ trong cửa sổ toa tàu, chị bất thần trông thấy một cánh rừng bạch dương thừa thốt với một lưới mạng nhện mùa thu ánh lên trong nắng và thế là chị muốn nhảy ngay ra giữa lúc tàu đang chạy để được ở lại cánh rừng ấy. Nhưng con tàu cứ đi qua. Chị nhaoi người ra ngoài cửa sổ và nhìn lại những cánh rừng, những bãi cỏ rộng, những con ngựa, những nẻo đường làng đang vùn vụt chạy về phía sau và chị nghe thấy một tiếng reng reng mơ hồ. Vật gì kêu, chị không biết. Có thể là rừng hay không khí, hay tiếng rít của những giây điện thoại. Mà cũng có thể đó là tiếng reo của những thanh ray khi tàu chạy. Cái đó chỉ ánh lên trong khoảnh khắc nhưng ta chờ mãi suốt đời.

Kuzmin im lặng. Olga đẩy cốc vang lại phía chàng.

- Trong đời tôi. - Kuzmin nói và đỏ ửng mặt, chàng bao giờ cũng đỏ mặt khi phải nói về mình, - tôi vẫn hằng chờ đợi những chuyện bất ngờ và đơn giản ấy. Và nếu tôi gặp chúng, ấy là tôi hạnh phúc. Tuy chúng ngắn ngủi, nhưng tôi cũng đã từng gặp.

- Và bây giờ cũng vậy ư? - Olga hỏi.

- Vâng!

Olga nhìn xuống.

- Vì sao? - Nàng hỏi.

- Tôi không rõ. Nhưng tôi có cảm giác như vậy. Tôi bị thương trên sông Vixoa, rồi nằm quân y viện. Mọi người đều có thư từ gửi đến, riêng tôi thì không. Chẳng qua chỉ vì tôi chẳng có ai viết cho. Tôi nằm và tưởng tượng đến cuộc sống tương lai của mình sau chiến tranh như mọi người thường tưởng tượng. Tương lai ấy nhất định phải hạnh phúc và khác thường. Rồi tôi khỏi và người ta quyết định cho tôi đi nghỉ. Họ chỉ định một thành phố.

- Thành phố nào? - Olga hỏi.

Kuzmin nói tên thành phố. Olga không nói gì.

- Tôi xuống tàu. - Kuzmin nói tiếp. - Làng mạc ở hai bên bờ, những bến tàu. Và cảm giác cô đơn chán ngấy. Tôi xin chị, chị đừng nghĩ rằng tôi than phiền. Trong cô đơn cũng có nhiều cái tốt. Rồi Navôlôki. Tôi sợ ngủ quên. Đêm khuya tôi ra boong tàu và suy nghĩ: thực là lạ lùng vì trong bóng tối bao la trùm kín cả nước Nga, dưới bầu trời rả rích mưa, có hàng nghìn người khác nhau đang ngủ một cách yên lành. Rồi tôi đi xe ngựa đến đây và cứ đoán mãi: người tôi sẽ gặp là ai? ...

- Nhưng điều gì làm anh hạnh phúc kia chứ? Olga hỏi.

- Không... - Kuzmin sực tỉnh. - Nói chung là tốt.

Anh im lặng.

- Kìa anh? Nói đi chứ!

- Nói gì kia? Tôi nói thế đã nhiều lời lắm, tôi đã nói những điều không đáng nói.

- Anh cứ nói hết. - Olga trả lời. Nàng như không nghe rõ những từ cuối cùng trong câu nói của chàng. - Nói tất cả những gì anh muốn. - Nàng nói thêm. - Dù cho điều đó có hơi kỳ quặc đi chăng nữa.

Nàng đứng dậy đến bên cửa sổ, gạt chiếc rèm sang một bên. Mưa vẫn không ngừng.

- Chị nói cái gì kỳ quặc kia?

Kuzmin hỏi.

- Mưa vẫn rơi! - Olga nói và quay lại. - Đấy, cuộc gặp gỡ như thế này. Và tất cả câu chuyện đêm khuya giữa chúng ta. Cái đó chẳng kỳ quặc hay sao?

Kuzmin bối rối im lặng. Trong bóng tối ẩm ướt bên ngoài cửa sổ, ở một nơi nào đó dưới chân đồi, con tàu rúc lên.

- Thôi! - Olga nói như trút được gánh nặng. - Cùi rồi!

Kuzmin đứng dậy. Olga vẫn không nhúc nhích.

- Gượng đã, - nàng nói, bình tĩnh. - Chúng ta ngồi với nhau một lát trước khi anh lên đường. Như tục cũ ngày xưa.

Kuzmin lại ngồi xuống. Olga cũng ngồi xuống, suy nghĩ và quay mặt đi, không nhìn Kuzmin. Chàng đưa mắt nhìn đôi vai nàng nhô lên, nhìn những bím tóc dày búi sau gáy, đường cong thanh tao nơi cổ nàng và nghĩ rằng nếu không có Basilốp thì chàng sẽ chẳng rời bỏ cái tình lý này mà đi đâu hết. Chàng sẽ ở đây cho đến hết hạn nghỉ phép và sẽ sống, bồi hồi biết rằng bên cạnh chàng có người thiếu phụ đáng yêu và rất buồn bã giờ đây.

Olga đứng dậy. Trong phòng áo chật hẹp, Kuzmin giúp nàng khoác áo mưa. Olga lấy khăn, choàng lên đầu.

Hai người ra khỏi nhà, im lặng đi bên nhau trên đường phố tối.

- Trời sắp sáng. - Olga nói.

Bầu trời sũng nước đã rạng xanh bên kia sông, Kuzmin thấy Olga rùng mình.

- Chị lạnh à? - Chàng lo lắng. - Chị tiễn tôi thật vô ích. Tự tôi, tôi cũng có thể tìm được đường ra bến.

- Không, không vô ích đâu.

Olga trả lời ngắn ngủi.

Mưa đã qua nhưng những giọt nước vẫn từ trên mái nhà rơi lộp độp xuống hè phố lát gỗ.

Vườn hoa kéo dài tới tận cuối phố. Cổng mở. Liền sau cổng là những con đường rậm rạp, bỏ hoang, không người chăm sóc. Trong vườn có mùi lá ướt, hơi lạnh của đêm khuya. Đó là một khu vườn cũ, đen ngòm những cây bồ đề cao lớn. Chúng đã rụng hết hoa và đã hơi yếu ớt. Chỉ mỗi một lần gió ào ào kéo qua là cả khu vườn xao động tưởng chừng như có một trận mưa rào nặng hạt vừa đổ xuống rồi lại tạnh ngay.

Cuối vườn là bờ sông dựng đứng trên mặt nước và bên kia là những chân trời trước rạng đông ướt sũng nước mưa, ánh phù tiêu mờ mờ phía dưới, sương mù, tất cả nổi buồn những ngày mưa mùa hạ.

- Ta xuống thế nào đây? Kuzmin hỏi.

- Anh lại đây.

Olga rẽ theo con đường thẳng tuột tới bờ sông dựng đứng, đứng bên cầu thang gỗ bắc xuống dưới và mất hút trong bóng tối.

- Anh đưa tay đây. - Olga nói. - Chỗ này có nhiều bậc thang mục.

Kuzmin đưa tay cho nàng và hai người thận trọng lần xuống. Giữa những bậc thang là cỏ ướt nước mưa.

Bậc bậc gỗ cuối cùng, họ dừng lại. Đã trông rõ bên, những ngọn đèn xanh đỏ của con tàu. Hơi nước rít lên. Tim Kuzmin se lại, chàng nghĩ rằng, ngay bây giờ thôi, chàng sẽ phải chia tay với người thiếu phụ không quen biết nhưng lại gần gũi biết bao, chia tay với nàng mà không nói được gì; không nói gì hết. Cũng chẳng cảm ơn nàng đã gặp chàng trên đường đời, đã

đưa cho chàng bàn tay nhỏ bé, vững chãi sau lần bao tay ấm, thận trọng dẫn chàng đi trên chiếc cầu thang ọp ẹp và cứ mỗi lần có một cành cây ướt sũng rủ xuống phía trên tay vịn có thể vướng vào mặt chàng thì nàng lại nói khẽ “Anh cúi đầu xuống”. Và chàng ngoan ngoãn vâng theo.

- Chúng ta chia tay nhau ở đây thôi. - Olga nói. - Tôi không đi hơn nữa đâu.

Kuzmin đưa mắt nhìn nàng. Qua nếp khăn choàng, đôi mắt Olga nghiêm nghị lo lắng nhìn chàng. Có lẽ nào giờ đây, trong phút này thôi, tất cả sẽ đi vào dĩ vãng và sẽ trở thành một trong những kỷ niệm xót xa trong cả đời nàng và trong cả đời chàng?

Olga đưa tay cho Kuzmin. Chàng hôn tay nàng và lại thấy vẫn cái mùi nước hoa thoang thoảng mà chàng đã thấy trong căn phòng tối, giữa tiếng mưa rơi xào xạc. Khi chàng ngẩng đầu lên, Olga nói một câu gì, nhưng khẽ đến nỗi chàng không nghe rõ. Chàng ngờ rằng nàng chỉ nói độc một tiếng “Vô ích...” Có lẽ nàng còn nói điều gì nữa, nhưng con tàu dưới sông đã gầm lên, than thở vì buổi bình minh ẩm ướt, vì cuộc sống lang thang của nó trong những ngày mưa và trong những buổi sương mù. Kuzmin chạy lên bờ sông, không ngoái lại. Chàng đi qua bến sông thoang thoảng mùi vỏ cây và mùi hắc ín, trèo lên tàu và bước ngay lên boong vắng tanh vắng ngắt. Con tàu bắt đầu rời bến, chân vịt quay chậm chạp.

Kuzmin đi lại đằng lái, nhìn về bờ sông dựng đứng, nhìn cái cầu thang: Olga vẫn đứng đấy. Trời hửng sáng và khó mà nhìn rõ ràng. Kuzmin giơ tay lên nhưng nàng không vẫy lại.

Con tàu mỗi lúc một đi xa, dồn vào đôi bờ cát những đợt sóng dài, làm những phù tiêu trên sóng lúc lắc và tiếng dội của những bụi miên liễu bên bờ đáp lại tiếng chân vịt vọt vĩa của con tàu.

BỤI QUÝ

Tôi không sao nhớ ra được là mình đã biết câu chuyện anh thợ quét rác thành Pari tên là Giăng Samet như thế nào. Samet kiếm sống bằng nghề quét dọn những xưởng thủ công trong khu phố anh ở.

Samet sống trong một túp lều ở ngoại thành. Tất nhiên, có thể tả tỉ mỉ khu ngoại ô song như vậy sẽ đưa độc giả ra ngoài lề câu chuyện. Thiết tưởng chỉ cần nhắc lại rằng, đến nay, ở những khu ngoại thành Pari, vẫn còn lại những tường thành cổ bằng đất cũng đủ. Vào khoảng thời gian xảy ra câu chuyện, những bụi hoa kim ngân và sơn trà vẫn mọc um tùm trên tường thành và chim chóc làm tổ trong những bụi đó. Túp lều của anh thợ quét rác nằm ép sát vào chân tường thành phía bắc, kề bên những ngôi nhà nhỏ bé của các bác hàng thiếc, các bác thợ giày, những người đi nhặt mẫu thuốc lá và những người ăn xin.

Nếu như Môpatxăng để ý đến cuộc sống của những người cư trú trong những túp lều nọ, hẳn ông đã viết thêm được một số truyện ngắn tuyệt hay. Có khi chúng sẽ làm cho vinh quang vốn đã rục rở của ông thêm nhiều ánh lấp lánh mới. Đáng tiếc là không một người ngoài cuộc nào để mắt đến những nơi ấy, trừ lũ mật thám. Mà bọn này cũng chỉ ló mặt tới đây trong trường hợp phải đi lùng kiếm đồ vật mất trộm.

Bằng vào biệt hiệu “Gỗ kiến” mà hàng xóm láng giềng đặt cho Samet, ta phải hình dung anh là một người gầy gò, mũi nhọn và dưới vành mũ bao giờ cũng lủng lẳng một mớ tóc giống như mào chim.

Trước kia, Samet đã từng được sống những ngày sung sướng. Anh đăng lính trong quân đội của “Tiểu Napôlêông” trong thời gian chiến tranh ở Mêhicô. Samet gặp may. Anh bị sốt rét nặng ở Vera-Krux. Anh lính ốm yếu chưa từng qua một trận đọ súng thật sự nào liền được gửi về nước. Viên chỉ

huy trung đoàn nhân dịp bèn nhờ Samet đưa đứa con gái lên tám của ông tên là Xuyzan về Pháp. Viên chỉ huy goá vợ, vì thế đi đâu ông cũng phải đèo bông con gái theo. Nhưng lần này ông quyết định tạm xa con và gửi nó về cho người chị ở Ruăng. Khí hậu ở Mêhicô rất độc đối với trẻ con Âu. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh du kích hỗn độn ở đây chẳng thiếu gì những nguy hiểm bất ngờ.

Trên đường Samet về Pháp khí nóng bốc ngùn ngụt trên Đại Tây Dương. Con bé suốt ngày im lặng. Thậm chí nhìn những con cá bay vọt lên khỏi mặt nước, bóng nhẫy, nó cũng chẳng mỉm cười.

Samet hết sức chăm sóc Xuyzan. Tất nhiên anh cũng hiểu rằng con bé không chỉ mong được anh chăm sóc mà còn muốn được âu yếm vuốt ve. Mà anh, tên lính của một trung đoàn thuộc địa, anh có thể nghĩ ra được cái gì trù mẩn kia chứ? Anh có thể mua vui cho nó bằng cách gì đây? Đánh mặt chược với nó chẳng? Hay hát cho nó nghe những bài hát thô tục của lính tráng.

Nhưng dù sao cũng không thể cứ nín lặng mãi. Càng ngày anh càng hay bắt gặp cái nhìn băn khoăn của con bé. Cuối cùng anh đánh liều kể cho nó nghe một cách không có mạch lạc, về cuộc đời mình, nhớ lại những tình tiết nhỏ nhặt nhất về một vụn chai trên bờ biển Măngso, những bãi cát tơi, những vũng nước khi triều xuống, ngôi nhà thờ nhỏ trong thôn với quả chuông rạn, chuyện bà mẹ anh chữa cho hàng xóm láng giềng khỏi chứng đau rát thực quản.

Samet không tìm được chuyện gì buồn cười trong mẩu ký ức đó để làm vui cho Xuyzan. Nhưng anh ngạc nhiên thấy con bé nghe một cách háo hức và thậm chí còn bắt anh kể đi kể lại, đòi biết thêm những tình tiết mới.

Samet nặn óc tìm cho ra những tình tiết ấy, mãi cho đến khi anh không còn tin được là chúng có thật. Đó không chỉ là những ký ức, mà chỉ là bóng dáng mờ nhạt của chúng. Chúng tan ra như những mảng sương mù. Thực

vậy, Samet không hề ngờ rằng sẽ có lúc anh phải khôi phục lại trong trí nhớ quãng thời gian vô ích ấy của đời mình.

Có lần anh mang máng nhớ tới một bông hồng bằng vàng. Cũng chẳng ra là Samet đã trông thấy bông hồng thô kệch đánh bằng vàng đã xuống nước móc vào cây thánh giá của Chúa trong nhà một bà lão dân chài, mà cũng chẳng ra là anh đã nghe câu chuyện về bông hồng đó do những người láng giềng kể lại. Không, đúng là anh thậm chí đã thấy bông hồng đó và còn nhớ nó sáng lấp lánh như thế nào, mặc dù bên ngoài cửa sổ không có nắng và cơn bão buồn thảm đang gầm gào ngoài eo biển. Càng về sau, Samet càng nhớ rõ hơn cái ánh lấp lánh ấy: Nó giống như những ngọn lửa nhỏ cháy sáng dưới một trần nhà thấp.

Mọi người trong thôn đều ngạc nhiên thấy bà lão dân chài không chịu bán vật quý của mình đi. Bán nó đi bà có thể thu được cả đồng tiền. Chỉ một mình mẹ Samet biết rằng bán bông hồng ấy đi là có tội, bởi vì đó là quà chúc phúc của người tình bà lão tặng bà, khi bà còn là một cô gái tươi hơn hẳn làm ở nhà máy đóng hộp cá xácđin ở tỉnh Ôđécno.

- Trên thế gian này hiếm ai có được những bông hồng vàng, - mẹ Samet nói. - Nhà nào có nó, nhà ấy sẽ được hạnh phúc. Mà không riêng gì họ, ai đụng tới bông hồng đó, người ấy cũng sẽ được hạnh phúc.

Thằng bé Samet sốt ruột đợi mãi ngày bà lão dân chài được hưởng hạnh phúc. Nhưng đến cả bóng dáng của hạnh phúc cũng chẳng thấy đâu. Ngôi nhà của bà lão run rẩy trước gió và tối tối trong nhà cũng chẳng có ánh lửa. Thế rồi Samet bỏ làng ra đi, không đợi được đến ngày cuộc đời bà lão thay đổi. Mãi một năm sau, một người quen làm thợ đốt lò trên con tàu chở thư ở Lơ Havơ mới kể cho anh nghe rằng con trai bà lão bất thành lính từ Pari trở về, anh chàng họa sĩ đó râu xồm, vui nhộn và có tính khí kỳ quặc. Từ ngày ấy người ta không còn nhận ra túp lều kia nữa. Nó trở nên ồn ào và dư dật. Người ta kháo nhau rằng bọn họa sĩ vẽ lãng nhãng cũng kiếm được ỏi tiền.

Một hôm, ngồi trên boong tàu, Samet đang dùng chiếc lược sắt của mình chải mớ tóc rối tung trước gió cho Xuyzan thì con bé hỏi anh:

- Anh Giăng ơi, rồi cũng có người cho em một bông hồng vàng chứ?

- Rất có thể, - Samet trả lời. - Rồi cũng sẽ có một thằng dờ hơi nào đó cho em, Xuyzan ạ! Trong đại đội anh có một chú lính gầy nhom. Thằng cha thật tốt số lạ lùng. Hắn nhặt được trên chiến trường một chiếc hàm giả gãy, bằng vàng. Cả đại đội bèn bán đi lấy tiền nhậu. Chuyện đó xảy ra hồi chiến tranh An Nam. Các chàng pháo thủ say rượu mới lấy súng cối bắn chơi cho vui, đạn rơi vào miệng núi lửa đã tắt, nổ tung trong đó, và bị bất ngờ cú này, núi lửa liền thở phì phì và phun lại. Có trời biết tên cái núi lửa đó là gì. Hình như Kraka-Taka thì phải. Nó phun mới dữ làm sao! Bốn chục người dân bản xứ đang yên lành lẫn cổ ra chết. Chỉ vì một cái hàm giả hỏng mà ngần ấy người toi mạng, thật quá quẩn! Về sau mới biết ra cái hàm răng ấy là của chính ông đại tá đơn vị anh đánh rơi. Vụ này rồi sau cũng được dẹp đi – uy tín của quân đội trên hết mà. Còn bọn anh thì chuyển ấy say bí tỉ.

- Chuyện ấy xảy ra ở đâu hả anh? – Xuyzan nghi ngờ hỏi.

- Anh đã nói rồi mà, ở tận nước An Nam, tận Đông Dương cơ. Ở đấy đại dương bùng bùng lửa cháy, chẳng khác gì dưới địa ngục, còn những con sứa thì giống như những cái váy viền đăng ten của vũ nữ. Ở đấy lại còn ẩm ướt nữa chứ, đến nỗi chỉ một đêm thôi, nấm đã mọc lên trong ủng bọn anh. Anh mà nói dối thì xin cứ treo cổ anh lên.

Trước đó Samet đã nghe nhiều chuyện bịa đặt của lính tráng, nhưng riêng anh, anh chưa từng bịa chuyện bao giờ. Không phải anh không biết tưởng tượng, chẳng qua anh chưa bao giờ thấy cần phải làm như vậy. Còn giờ đây anh coi việc làm vui cho Xuyzan là một bổn phận thiêng liêng.

Samet đưa Xuyzan đến Ruǎng và trao tận tay cho bác gái nó – một người đàn bà cao lớn, có đôi môi tái nhợt và mím chặt. Bà ta đeo hạt cườm

đen khắp mình trông như một con rắn ở rạp xiếc.

Con bé vừa trông thấy bà bác đã vội bám chặt lấy Samet và nép vào cái áo ca pốt bạc phếch của anh.

- Không sao! – Samet thì thầm và khẽ đẩy vào vai Xuyzan. - Bọn lính trơn bọn anh cũng chẳng được lựa chọn cho mình các ông đại đội trưởng đâu. Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!

Samet bỏ đi. Anh ngoảnh lại mấy lần nhìn lên những khung cửa sổ của ngôi nhà buồn tẻ, ở đó đến gió cũng chẳng buồn lay động các bức rèm. Nghe rõ tiếng đồng hồ hồi hả trong những quán nhỏ nằm ở các phố hẹp. Trong túi dết Samet còn giữ lại kỷ niệm của Xuyzan: một cái nơ buộc tóc đã nhàu nát màu xanh. Có trời mới biết vì sao cái băng đó lại thơm dịu đến thế, như thể nó được cất giữ trong một giàn hoa tím.

Bệnh sốt rét Mêhicô đã hủy hoại sức khoẻ của Samet. Anh chưa được thăng chức đội thì đã bị thải hồi, trở về cuộc sống dân thường với hàm binh nhì. Năm tháng qua đi trong cảnh thiếu thốn đơn điệu. Samet nếm trải hết nghề cực nhọc này đến nghề khốn khổ khác và cuối cùng anh trở thành người hót rác thành Pari. Từ đó, mùi bụi bặm và rác rưởi lúc nào cũng ám vào anh. Anh cảm thấy nó cả trong cơn gió thoảng từ phía sông Xen luôn vào trong phố, cả trong những bó hoa ướm át mà các bà lão ăn vận sạch sẽ đứng bán trên các đại lộ.

Ngày lại ngày quỵện lấy nhau trong một màu vàng đục. Nhưng đôi khi trong cái màu vàng đục ấy, Samet lại thấy dấy lên trong lòng mình một áng mây hồng: Đó là bộ áo dài cũ của Xuyzan. Từ tấm áo ấy phảng phất hương xuân tươi mát như thể người ta cũng cất nó trong giàn hoa tím.

Xuyzan giờ ở đâu? Em sống ra sao? Samet biết ngày nay Xuyzan đã là một cô gái trưởng thành, còn cha nàng thì đã bị tử thương. Đã nhiều lần Samet định đi Ruăng thăm Xuyzan. Nhưng anh cứ lần lữa mãi cho đến lúc

chợt hiểu rằng mình đã bỏ lỡ thời gian và chắc chắn Xuyzan đã quên hẳn anh rồi.

Anh tự mắng mình là đồ bị thịt, khi nhớ đến cuộc chia tay với Xuyzan. Đáng lẽ phải hôn cô bé thì anh lại ấn vào lưng nó, đẩy nó tới chỗ con quạ già nọ và bảo:

“Chịu khó vậy, Xuzi, cô lính ạ!”

Ai cũng biết những người thợ hót rác chỉ làm việc ban đêm. Có hai nguyên nhân buộc họ phải làm vào thời gian đó: Vì rác rưởi do con người thải ra tích tụ nhiều nhất vào cuối ngày và thứ hai, những người thợ hót rác không được phép xúc phạm tới thị giác và khứu giác của người dân đất kinh kỳ. Ban đêm hầu như không có ai ngủi hoặc trông thấy việc làm của họ, trừ lũ chuột cống.

Samet đã quen với công việc về đêm và còn thích thú cái khoảng thời gian ấy là khác. Nhất là lúc ánh bình minh uể oải bắt đầu chọc thủng bóng tối trên thành phố. Sương mù vương vất trên sông Xen, nhưng sương không bao giờ bay lên quá thành cầu.

Một hôm, cũng vào một buổi bình minh mờ mịt hơi sương như thế, Samet đi trên cầu Phế Binh bắc ngang sông Xen và gặp một thiếu phụ mặc áo dài màu tím nhạt, đính đăng ten đen. Thiếu phụ đứng trên thành cầu và nhìn xuống dòng sông. Samet dừng lại, cất bỏ chiếc mũ bụi bặm và nói:

- Thưa tiểu thư, nước sông Xen lúc này lạnh lắm. Tiểu thư nên để tôi đưa về nhà thì hơn!

- Giờ đây tôi cũng chẳng có nhà.

Thiếu phụ trả lời rất nhanh và quay về phía Samet.

Samet để rơi chiếc mũ.

- Xuzi! – Anh kêu lên bằng một giọng tuyệt vọng và sung sướng đến cực độ, - Cô lính Xuzi! Cô bé của anh! Thế là cuối cùng anh cũng đã gặp em. Chắc là em quên anh rồi. Anh là Giảng Ecnet Samet đây, cái anh binh nhì ở Trung đoàn Thuộc địa số Hai Mười Bảy đã đưa em về cho mục bác gái tằm lợm ở Ruăng đây. Em bây giờ xinh quá đi thôi! Tóc em chải mới khéo nữa chứ! Còn anh, cái thằng lính quèn này thì chẳng biết xoay xở với mái tóc em thế nào.

- Giảng! - Thiếu phụ kêu lên, đâm bổ tới ôm lấy cổ anh và khóc, - Giảng, anh vẫn tốt như xưa. Em còn nhớ hết mà!

- Ô, rõ vớ vẩn! – Samet lầu bầu trong miệng. – Lòng tốt của anh thì lợi lộc gì cho ai. Có chuyện gì đã xảy ra với em vậy, em gái bé nhỏ của anh?

Samet kéo Xuyzan lại gần mình và làm cái việc anh không dám làm trước kia ở Ruăng: Vuốt ve và hôn lên mái tóc óng ả của nàng. Rồi anh vội lánh ra, sợ Xuyzan ngửi thấy mùi chuột cống trên áo ngoài của anh. Nhưng Xuyzan lại càng nép chặt vào vai anh hơn

- Có chuyện gì vậy, em bé nhỏ của anh? – Samet bối rối nhắc lại.

Xuyzan không trả lời. Nàng không nén được tiếng nức nở. Samet hiểu rằng lúc này chưa nên hỏi nàng chuyện gì hết.

- Anh có một cái hang chỗ tường thành. – Samet vội vã nói. – Hơi xa đây một chút. Tất nhiên ở nhà chẳng có gì hết, nhẵn như chùi. Nhưng được cái có thể hâm nước cho nóng và nằm ngủ trên giường. Ở đó em có thể tắm tấp và nghỉ ngơi. Và nói chung em muốn ở bao lâu tùy thích.

Xuyzan ở nhà Samet năm ngày. Năm ngày ấy, một mặt trời kỳ lạ cất lên trên thành Pari. Hết thảy mọi ngôi nhà, kể cả những nhà cũ kỹ nhất, ám khói, tất cả những khu vườn, thậm chí cả cái hang của Samet nữa đều rực rỡ trong những tia sáng của vùng thái dương ấy, như là những báu vật.

Ai chưa từng được xúc động với hơi thở nhẹ nhàng của thiếu nữ trong giấc ngủ, người đó chưa thể hiểu thế nào là dịu dàng. Môi nàng tươi hơn cả những cánh hoa ẩm ướt và đôi hàng mi nàng lấp lánh những giọt lệ đêm.

Phải, những gì đã xảy ra với Xuyzan quả đúng như Samet dự đoán. Người tình của nàng - một diễn viên trẻ - đã phụ nàng. Nhưng năm ngày Xuyzan sống bên Samet đã đủ để cặp tình nhân làm lành với nhau.

Samet tham dự vào việc hoà giải đó. Anh phải mang thư của Xuyzan lại cho anh chàng diễn viên và đã dạy cho gã diễn trai đáng ngán nọ một bài học về phép lịch sự khi gã định dúi vào tay anh vài xu tiền thưởng.

Sau đó ít lâu, anh chàng diễn viên đáp xe ngựa đến tìm Xuyzan. Và đầu lại vào đó: Một bó hoa, những cái hôn, tiếng cười qua nước mắt, lời xin lỗi và dáng vô tư ngượng ngập.

Khi đôi bạn trẻ lên đường, Xuyzan vội vã nhảy lên xe, nàng quên cả từ biệt Samet. Liền đó nàng sực nhớ ra, đỏ mặt và ngượng ngập đưa tay cho anh.

- Em đã chọn lấy cuộc sống theo ý em, anh chỉ còn biết chúc em hạnh phúc. - Cuối cùng Samet mới lâu lâu nói.

- Em chưa biết rồi sẽ ra sao? - Xuyzan trả lời và mắt nàng ngấn lệ.

- Em băn khoăn như vậy thực là vô ích, em bé nhỏ của anh ạ! - Anh chàng diễn viên trẻ dài giọng và nhắc lại. - Em bé xinh đẹp của anh.

- Giá có ai đó tặng cho em một bông hồng vàng! - Xuyzan thở dài. - Cái đó chắc chắn sẽ mang lại cho em hạnh phúc. Em vẫn nhớ câu chuyện anh kể trên tàu, anh Giảng ạ!

- Biết đâu đấy! – Samet trả lời. – Nhưng dù sao thì người sẽ mang bông hồng vàng đến cho em cũng chẳng phải là cái anh chàng quý phái này đâu. Em tha lỗi cho anh, anh là một thằng lính, anh không ưa bọn công tử bột.

Hai người trẻ tuổi đưa mắt cho nhau. Gã diễn viên nhún vai. Chiếc xe chuyển bánh. Thường thường cứ hết ngày là Samet đổ đi tất cả những rác rưởi mà anh quét dọn ở các xưởng thủ công. Nhưng sau lần gặp Xuyzan, anh không đổ bụi ở những hiệu kim hoàn đi nữa. Anh giấu giếm đổ chúng vào một cái túi và mang về lều mình. Hàng xóm cho rằng anh chàng hót rác rọ đã trở thành ngớ ngẩn. Hiếm người biết rằng trong bụi đó có chứa bột vàng, bởi vì những người thợ kim hoàn khi làm việc thế nào cũng làm hao đi chút xíu kim loại quý đó.

Samet quyết định sẽ sàng bụi lấy vàng, đúc thành một thoi nhỏ và dùng nó đánh một bông hồng vàng mang lại hạnh phúc cho Xuyzan. Mà rất có thể, như mẹ anh đã nói, nó còn mang lại hạnh phúc cho nhiều người khác nữa. Biết đâu đấy! Anh quyết không gặp lại Xuyzan khi bông hồng chưa được làm xong.

Samet không kể cho ai nghe chuyện đó. Anh sợ bọn cảnh sát và nhà cầm quyền. Ai mà biết được bọn quan toà nhiều sự sẽ giở trò gì. Chúng có thể buộc anh vào tội ăn cắp, tống anh vào tù và lấy mất số vàng anh có. Dù sao vàng cũng chẳng phải của anh.

Trước khi đăng lính, Samet là cố nông trong trang trại của một ông mục sư nông thôn và vì thế anh biết sàng sảy. Những hiểu biết đó đối với anh bây giờ hoá ra lại có ích. Anh nhớ rằng khi quạt lúa mì thì những hạt nặng sẽ rơi xuống đất, còn bụi thì bị gió cuốn đi.

Samet làm một cái quạt gió nho nhỏ và đêm đêm, ở sân nhà, anh quạt bụi lấy được trong các hiệu kim hoàn. Anh hồi hộp mại cho đến lúc trông thấy lờ mờ một lớp bụi vàng lấp lánh trên ngăn gỗ.

Đến lúc có đủ bụi vàng để đánh thành thỏi thì đã mất nhiều thời gian lắm. Nhưng Samet chưa đưa cho người thợ kim hoàn đánh bông hồng vội. Không phải Samet thiếu tiền thuê thợ. Bất cứ người thợ kim hoàn nào cũng bằng lòng đánh bông hồng để lấy tiền công bằng một phần ba thỏi vàng và như thế họ cũng đã hài lòng lắm rồi. Duyên do không phải vì thế. Càng ngày, giờ gặp gỡ Xuyzan càng gần. Nhưng không biết từ lúc nào, Samet bắt đầu sợ cái giờ ấy.

Tất cả sự trù mẫn từ lâu dồn nén trong đáy lòng, Samet muốn dành cho nàng, cho Xuzi. Nhưng ai cần đến cái trù mẫn của con người tàn tã và dị dạng này chứ! Samet từ lâu đã nhận thấy rằng, gặp anh, người ta chỉ muốn bỏ đi cho nhanh và quên phứt cái bộ mặt hốc hác xám ngoét với làn da chảy xệ và đôi mắt chòng chọc của anh.

Trong túp lều của Samet có một mảnh gương vỡ, họa hoãn lắm Samet mới soi gương. Nhưng hể cứ nhìn vào là anh lại văng một câu chửi tục và quăng vội mảnh gương đi. Thà đừng nhìn thấy mình còn hơn, cái thân hình gớm ghiếc lê lét trên đôi chân tê thấp khập khiễng.

Cuối cùng, khi đã đánh xong bông hồng, Samet mới biết Xuyzan đã rời Pari đi Mỹ từ một năm trước, và theo người ta nói, nàng đi hẳn, không về nữa. Không ai có thể cho Samet biết địa chỉ của nàng. Thoạt đầu, Samet thậm chí còn thấy nhẹ hẳn người. Nhưng rồi tất cả sự chờ đợi cuộc gặp gỡ đằm ấm và thanh thản với Xuyzan, không hiểu sao, đã biến thành một mảnh sắt gỉ. Mảnh sắt nhọn ấy mắc trong lồng ngực anh, ngay ở bên tim và Samet cầu trời cho nó mau mau đâm thẳng vào trái tim ốm yếu ấy đi, cho tim anh vĩnh viễn ngừng đập. Samet bỏ việc quét dọn trong các xưởng kim hoàn. Anh nằm trong túp lều của mình mấy ngày liền, quay mặt vào tường. Anh im lặng và chỉ mỉm cười một lần, đưa cánh tay áo cũ lên mắt. Không ai nhìn thấy anh khóc. Hàng xóm láng giềng cũng chẳng có ai sang thăm anh. Người nào cũng đã có chán vạ cái lo âu bận bịu của mình.

Chỉ có một người theo dõi Samet. Đó là người thợ bạc đứng tuổi đã đánh từ thời vàng ra một bông hồng rất tinh xảo. Cùng trên một cành, bên cạnh bông hoa, người thợ bạc đánh thêm một nụ hồng bé nhỏ và nhọn hoắt. Người thợ bạc đến thăm Samet nhưng không đem thuốc đến cho anh. Ông ta cho rằng có mang cũng vô ích. Thực thế, Samet đã lặng lẽ qua đời trong một lần đến thăm của người thợ bạc. Ông ta nâng đầu anh thợ quét rác lên, lấy ở dưới cái gối xám ra bông hồng vàng bọc trong chiếc nơ nhàu nát màu xanh, khẽ khép cái cánh cửa cọt kẹt lại, rồi thông thả đi ra. Từ chiếc nơ xông lên mùi chuột.

Lúc đó vào cuối thu. Màn đêm rung động vì gió và vì những đốm lửa nhấp nháy. Người thợ bạc nhớ đến nét đổi thay trên mặt Samet sau khi anh chết. Bộ mặt trở nên nghiêm nghị và trầm tĩnh. Người thợ bạc thấy niềm cay đắng hiện trên mặt anh còn tuyệt đẹp nữa là khác.

“Cuộc sống không cho người ta cái gì thì cái chết lại đem cho người ta”. Người thợ bạc vốn quen với những ý nghĩ rẻ tiền, nghĩ như vậy và thờ dài.

Ít lâu sau, người thợ bạc đem bông hồng vàng nọ bán cho một nhà văn đã có tuổi ăn mặc lôi thôi lổc thốc, và theo nhận xét của bác thợ, nhà văn này cũng chẳng giàu có gì cho lắm để có thể cho phép mình mua một vật đắt tiền đến thế. Hẳn câu chuyện về bông hồng vàng do người thợ bạc kể lại cho nhà văn đã đóng vai trò quyết định trong việc mua bán nọ. Nhờ những ghi chép của nhà văn già mà mới có người biết được câu chuyện đau buồn trong đời người cựu binh Trung đoàn Thuộc địa thứ Hai Mười Bảy là Giảng Samet.

Trong những ghi chép của ông, nhà văn đại khái có viết:

“Mỗi phút, mỗi lời tình cờ được nói ra và mỗi cái nhìn vô tình ta bắt gặp, mỗi ý nghĩ sâu sắc hoặc vui đùa, mỗi rung động thầm lặng của con tim, cũng như cả đến một bông xấp của hoa hướng dương đang bay hay lửa sao

trong một vũng nước đêm - tất cả những cái đó đều là những hạt rất nhỏ của bụi vàng.

Chúng ta, những nhà văn, chúng ta bòn đãi chúng trong hàng chục năm, hàng triệu những hạt cát đó, lặng lẽ thu góp lại cho mình, biến chúng thành một hợp kim rồi từ hợp kim đó ta đánh “Bông Hồng Vàng” của ta - truyện, tiểu thuyết hay là thơ. Bông hồng vàng của Samet! Đối với tôi có phần nào là hình tượng tương lai của hoạt động sáng tạo của chúng ta. Thật là lạ lùng khi chẳng có ai chịu bỏ sức lao động của mình ra nghiên cứu xem từ những hạt bụi quý ấy đã phát sinh ra nguồn văn học sinh động như thế nào.

Nhưng cũng giống như bông hồng vàng của người thợ hót rác già kia làm ra là để cho Xuyzan được hạnh phúc, sáng tác của chúng ta là để cho cái đẹp của trái đất, cho lời kêu gọi đấu tranh vì hạnh phúc, vì niềm vui và tự do, cho cái cao rộng của tâm hồn và sức mạnh của trí tuệ chiến thắng bóng tối, cho chúng ta rực rỡ như một mặt trời không bao giờ tắt.”

VŨ THƯ HIÊN dịch

HẠT CÁT

Người ta phần đông quả quyết rằng phàm là truyện ngắn thì nó nhất thiết phải có ý nghĩa giáo dục. Nhưng bao giờ cũng cứ có những anh chàng kỳ quặc, phần nhiều lại chính là các nhà văn chứ không phải ai khác lại không chịu phục tùng cái chân lý ấy một cách tuyệt đối. Những người như thế quả quyết rằng có một số truyện ngắn, mặc dầu chẳng dạy dỗ độc giả được gì nhưng chúng cho họ thấy cái đẹp của một hạt cát tí xíu nào đó có thể khúc xạ ánh sáng mặt trời và biến nó thành vô vàn cầu vồng và hào quang đủ màu đủ sắc.

Có một lần ngồi trên lan can đá một con đường cái miền Krưm, tôi đã bàn đến chuyện ấy với một nhà văn có tuổi là người quen của tôi. Ngay trước mặt chúng tôi, trên vệ đường đá rậm thoải, những bụi kim tước chỉ nở hoa như những tia nước vàng dày đặc, còn sau chúng tôi, như một vực thẳm màu xanh, Hắc Hải lấp lánh bốc khói. Biển đuổi vào bờ hàng ngàn con sóng bạc đầu nho nhỏ. Những con sóng đi xiên xiên tứ phía đông nam bờ và vì thế tiếng sóng vỗ bờ đổ xuống bãi tắm không thành từng đợt thẳng âm ỉ mà là sự đột nhập đều đều của những con sóng nhỏ chênh chếch.

- Tiếng sóng vỗ bờ này giống tiếng chân vịt Acsimét – Nhà văn có tuổi nói. Ngày trước ông là một kỹ sư và vì thế ông thường sử dụng trong cuộc sống cũng như trong văn của ông lối so sánh kỹ thuật. Bên trên những bụi kim tước chi, những khu vườn nho kéo dài trên những khúc ngoặt lờm chờm đá lửa. Ở đó, các thiếu nữ đội khăn vuông trắng buộc rất thấp, sát lông mày, đang làm việc. Gió thổi phàn phật những gấu váy mỏng bạc màu của họ.

Một cô trong đám thiếu nữ vừa chạy vừa nhảy trên đường cái và rẽ dần xuống biển. Cách chúng tôi mấy bước, cô vấp một cái, ngã xuống, vấp chân vào đá rất đau rồi vùng dậy, nhảy lò cò về phía lan can. Cô gái ngồi xuống

bên chúng tôi, khe khẽ xuýt xoa vì đau qua hai hàm răng nghiến chặt. Cô cố nhắc cái chân bị thương lên, dùng hai tay ghì chặt lấy nó rồi bối rối cười lên khanh khách. Cô cố gắng làm ra vẻ không có chuyện gì xảy ra và vết thương kia chẳng có gì đáng chú ý. Nhưng trong đôi mắt tái nhợt của cô, chúng tôi biết rằng cô đau lắm.

Tôi lại chỗ con suối nhỏ chảy qua đường, con suối đã kịp rửa sạch trên mặt đường nhựa một dải cát sạch to hạt, đắp ướt chiếc khăn tay và đưa cho cô gái. Cô cảm ơn tôi và nhăn mặt, lấy chiếc khăn ướt buộc lại những ngón chân bị thương.

- Vẫn cứ đau. – Cô than phiền bằng một giọng biết lỗi – Cháu rõ thực là ngốc!

- Cô ngồi yên! – Nhà văn già nghiêm nghị bảo cô ái – Chúng tôi sẽ hãm chiếc xe đầu tiên qua đây và đưa cô về Mixkhorơ, vào bệnh viện.

- Cần gì phải thế! – Cô gái van vỉ - Tốt hơn hết là cháu cứ ngồi lâu lâu một chút. Chẳng biết chừng tự nó khỏi cũng nên.

Chúng tôi đồng ý.

Cô gái người gầy gò trong bộ áo cũ, ngắn, trước kia màu xanh lá cây nhưng giờ đã ngả sang màu xám. Cô nhìn xuống cái chân đau, không ngược mắt lên và vì thế chỉ trông rõ đôi hàng mi dài và đen của cô. Mấy món tóc màu hạt dẻ xỏa ra ngoài chiếc khăn vuông trắng.

- Cô ở đâu? – Nhà văn già hỏi.

- Cả đội chúng cháu ở trong lều. – Cô gái đáp – Kia kia, sau vườn nho. Chúng cháu làm việc trong khu vườn nho ấy.

Cô ngược mắt lên và tôi ngạc nhiên thấy lông mi và tóc cô màu sẫm. Tôi đã chờ đợi được nhìn thấy một đôi mắt tối, nhưng mắt cô lại có màu

xanh lá cây tươi và chúng long lanh đến nỗi tưởng chúng bị phủ một màng hơi ẩm của nước mắt. Hai đầu gối cô bị đá rằm làm xước và trên đó trông rõ những vết máu lấm tẩm. Để chúng tôi khỏi chú ý đến cái chân đau của cô, cô gái nói:

- Hoa kim tước chi... đẹp quá đi mất!

- Nó giống cái gì, - nhà văn hỏi, - cô có biết không?

- Chịu, cháu không đoán được đâu.

- Thế thì tôi sẽ nói cho cô nghe.

Tôi tin chắc nhà văn ngay lúc ấy sẽ dẫn ra một sự so sánh nào đó rất là kỹ thuật, nhưng ông ta chỉ nhìn về phía hoa kim tước chi, nghĩ một lát rồi nói:

- Nếu ta lấy những hòn sỏi của biển cả mà ném vào trong nước vàng thì ta sẽ có những tia nước, vọt lên tung toé, như thế đấy. Có đúng vậy không?

- Vâng, đúng thế. – Cô gái nói khẽ. – Câu nói của bác giống như những vần thơ của một nhà thơ hay. Cháu rất yêu thơ. Nhưng bây giờ cháu chẳng có thời giờ mà đọc thơ nữa.

Cô gái kể cho chúng tôi nghe rằng năm trước cô tốt nghiệp phổ thông ở một tỉnh lỵ nhỏ bé vùng Pôntapsina, rằng cái tỉnh lỵ ấy tên là Khôn và tỉnh lỵ ấy có một dòng sông nhỏ ấm áp chảy bên cạnh, hai bên bờ mọc đầy cỏ tên. Cô nói rằng cha cô đã mất từ lâu, còn mẹ cô - một y tá – thì bận đến nỗi không còn có thời giờ dành tình yêu cho đứa con gái duy nhất, tức là cô, Lêlia. Cô kể rằng sau khi học xong cô quyết định trở thành một nhà chọn giống thực vật và vì thế bây giờ cô đang thực tập sản xuất tại những vườn nho miền Krưm. Công việc đó khó khăn và tinh tế, loại nho ở vườn họ làm tính tình lại đồng đánh, nhưng cái chính là công việc cực nhọc ghê gớm.

- Công việc làm sao? – Nhà văn ngạc nhiên hỏi lại.

- Cực lắm! Đất chẳng khác gì đá, rễ nho cũng rắn như đá, chung quanh, đá bị mặt trời hun đốt phả hơi nóng hầm hập. Lúc đầu cháu khổ vì nóng, thậm chí phát khóc lên. Ấy thế mà bây giờ cháu lại đắm ra yêu cái nóng ấy, giờ đây cháu có cảm giác như nó làm cho đất đai đẹp thêm. Nhưng khoảng thời gian thú nhất chính là lúc cái nóng dừng lại lúc gần tối, nó bắt đầu giảm dần đi một cách khó nhận thấy và không khí trở nên yên lặng, có thể nói là dịu dàng, đến nỗi cháu cảm nhận cháu thực hạnh phúc.

- Đúng thế đấy, cháu hạnh phúc, - cô nhắc lại và hơi đỏ mặt. - Ở trường cháu, bà hiệu trưởng cứ căn dặn mãi là không được để cho mình dễ xúc cảm, nhưng giờ đây cháu đã hiểu ra như thế thật là ngốc. Cháu đoán được rằng các bác là nhà văn. Ở đây, ở Ianta, các bác có trại nhà văn. Nhà văn phải hiểu mọi sự vật một cách bình tĩnh hơn và tốt bụng hơn những người khác. Vậy thì, các bác hãy nói cho cháu nghe: Chẳng lẽ làm một con người tốt bụng và biết cảm thấy một cách mạnh mẽ tâm tính người và cái đẹp chung quanh lại là không tốt hay sao? Ấy thế mà người ta cứ buộc cháu vào cái tội dễ xúc cảm, thậm chí đôi lần cả ở đây, trong đội lao động nữa. Cháu có lỗi gì khi ở trước mặt kia, cả ngọn núi Aiu-Đag đang đắm mình trong khói xanh, lẫn với trời xanh đến nỗi tưởng như nó hoà tan trong đó? Mà cái đó làm cho tâm hồn cháu cảm thấy sung sướng. Sung sướng đến nỗi ngay lập tức cháu bắt đầu nghĩ ra đủ mọi chuyện để cho cháu còn được sung sướng hơn nữa. Thí dụ như mới đây thôi, cháu vừa đọc được trong một cuốn sách cũ những chữ “phương xa màu da trời”. Và cháu tự nhủ: “Núi Aiu-Đag không phải đắm mình trong bóng tối màu xanh mà là màu xanh da trời? Hay là màu xanh da trời nhạt?” Cháu không biết nên gọi thế nào cho đúng hơn và hay hơn. Rồi cháu bắt đầu tưởng tượng ra cháu đang trèo lên đỉnh núi, chung quanh cháu, những bông mận hoang trắng như hoa tuyết nhỏ bé đang rơi, còn biển thì đang nghiêng ngả ở xa mãi dưới kia, nó ném những tia nắng phản chiếu lên những dốc đứng. Và cháu thềm được hoà tan

trong cái ánh sáng và màu xanh Hắc Hải ấy, đến nỗi cháu còn muốn, nếu cháu có phải chết thì cháu sẽ chỉ chết nơi đây.

Cô gái tự nhiên bối rối và nín lặng.

- Như thế hẳn là ngốc lắm. – Cô nói. – Các bác tha lỗi cho cháu. Và xin các bác đừng cười cháu.

- Không đâu! – Nhà văn trả lời. – Chúng tôi không cười cô đâu, mặc dầu cô cũng có buồn cười thực đấy, và rất đáng yêu như thế. Bao giờ cô đi lấy chồng?

- Cháu chẳng bao giờ lấy chồng đâu! – Cô gái vội vã ngắt lời ông.

- Mọi cô gái đều nói như thế. – Nhà văn phá lên cười - Cả cô nữa. Bởi vì cô chưa yêu. Tôi ghen với cô đấy. Thực thế! Tôi ghen với cô vô cùng. Như tôi ghen với người chưa đọc *Epgênhi Ônhêghin*, nhưng sắp sửa đọc cuốn đó. Cô đã đọc *Chiếc vòng ngọc thạch* của Kuprin chưa? Chưa à? Thế thì hay lắm. Mà gì tôi cũng bằng lòng để được theo dõi cô khi cô đọc truyện ngắn tuyệt diệu đó. Để tôi xem đôi mắt cô tối lại và rưng rưng lệ, để xem cô chau mày và cắn môi như thế nào, xem cô bất thần mỉm cười ra sao.

- Tại sao bác biết cháu đọc những cuốn sách hay như thế?

- Con tôi đọc sách y như vậy đấy! Còn tình yêu – cái tình yêu chân chính trong sáng và giản dị như bất cứ bông hoa dại nào, như bông mận hoang trắng và khiêm tốn kia - nhất định sẽ đến. Mặc dầu cô muốn hay không. Tôi hiểu tôi nói gì.

- Nói chuyện với bác đến là thú vị! – Cô gái nói. - Đấy, thế là chân cháu không còn đau lắm nữa rồi. Cháu có thể đi bộ đến tận Mixkhorơ được rồi.

Nhưng cô chưa đi được ngay, hay nói cho đúng hơn, nếu không dùng gậy. chúng tôi liền đứng hai bên cô và cô gái quàng tay lên vai chúng tôi,

khập khiễng, đôi lúc co hãn một chân lên, bắt đầu nhẹ nhàng rón bước đi xuống. Chúng tôi đưa cô đi thận trọng như mang một báu vật. Mà thực vậy, đó là một báu vật sống, bám đầy bụi đất đỏ miền Krưm, báu vật sống này e thẹn, với đôi mắt bối rối màu xanh lá cây. Có lẽ tôi đã nghĩ một cách hơi văn hoa rằng mỗi mẫu đất mà đôi chân nhỏ bé đi dép của cô đặt xuống phải là một mẫu đất quý báu đối với chúng tôi, những ông già. Mẫu đất ấm áp ấy đã được tuổi trẻ chạm tới. Tuổi trẻ là cái duy nhất, vì nó chúng ta đã sống và làm việc trong rất nhiều những năm gian khổ và đôi khi không xứng với cô ta. Liệu thanh niên có biết đến điều đó không? Tôi nghĩ. Liệu cô gái này có biết đến điều đó không? Cuộc sống sẽ mất hầu hết ý nghĩa, nếu như tuổi trẻ không biết đến công việc của những thế hệ trước mình.

Và cô gái hình như cũng đoán ra tôi nghĩ gì. Đặt lại cánh tay trên vai tôi, cô khe khẽ chạm lòng bàn tay cô vào má tôi, và trong sự cọ sát vô tình ấy tự nhiên tôi cảm thấy niềm âu yếm. Mà có thể đó chỉ là tôi cảm thấy như vậy thôi, chuyện đó thường xảy đến với tôi. Tôi nhớ đến những câu thơ của Lugōpxkô. *“Tôi cần một giấc ngủ trượng sâu, tôi cần một tiết tấu cao tần...”*

Hẳn là trong đó ẩn náu sự sáng suốt chân chính của những nguyện vọng cuộc sống hàng ngày. Tôi nghĩ. Nó đấy, giấc mơ trượng sâu màu xanh da trời của những khoảng không, sự dao động của bóng tối mỏng manh trên biển cả bao la, cái rung rinh nhẹ khó nhận ra của ngôi sao đầu tiên bên trên những ngọn núi. Tôi trở cho cô gái và nhà văn già nhìn ngôi sao, và chính tôi cũng không hiểu vì sao tôi lại nói:

- Hẳn đó chính là cái ngôi sao mà ánh sáng của nó đã mạ bạc những thung lũng mùa xuân.

Nhà văn già trả lời tôi một cách đơn giản:

- Tôi thích sống!

Còn cô gái thì nói rằng ngày hôm nay đối với cô là một ngày đẹp, đẹp lắm, mặc dầu chính cô cũng không hiểu vì sao.

Vâng, truyện ngắn này chỉ có thế. Trong đó không có ý nghĩa giáo dục gì, nhưng có lẽ nó có cái “hạt cát” duy nhất có thể đem lại cho con người dù chỉ chút ít niềm vui và buộc họ phải mỉm cười, mà lần này không phải tìm trong câu chuyện ngắn của ấy một ý nghĩa sâu xa.

TUYẾT

Tachiana Petrovna dọn đến nhà cụ Potapov được một tháng thì cụ mất. Nàng ở lại một mình với đứa con gái nhỏ là Varia và người vú già. Ngôi nhà nhỏ, chỉ có ba gian, ở trên một ngọn đồi trông xuống con sông phía Bắc ngay đầu tỉnh lỵ. Sau nhà, bên kia khu vườn đã trụi lá là một rừng bạch dương phi màu trắng bạc. Ở đó, từ sáng đến tối, lũ quạ kêu quàng quạc, bay thành từng đám mây đen trên những ngọn cây trần trụi báo hiệu trời xấu.

Từ khi rời Mátxcova, Tachiana mãi vẫn không sao quen được cái tỉnh lỵ đìu hiu với những ngôi nhà nhỏ bé, những cánh cửa hàng rào kêu ken két, những buổi tối vắng lặng, nghe rõ cả tiếng ngọn đèn dầu hoả nổ lép bép.

"Mình ngốc quá! - Nàng nghĩ - Không đừng đi bỏ Mátxcova, nhà hát và bè bạn! Đáng lẽ phải đưa Varia đến với bà vú ở Puskino, nơi đó chưa bị máy bay bắn phá lần nào, còn mình thì cứ việc ở lại Mátxcova. Trời, mình thật ngốc!".

Nhưng không thể trở lại Mátxcova nữa rồi, Tachiana quyết định sẽ biểu diễn trong các trạm quân y - trong thị xã này có vài trạm - và nàng cảm thấy yên tâm. Nàng còn thấy thích cái tỉnh lỵ ấy nữa là khác, nhất là khi đông về và tuyết xuống phủ đầy. Ngày lại ngày, êm dịu và xám ngắt. Sông mãi chưa đóng băng, mặt nước màu xanh lá cây bốc khói.

Tachiana quen dần với tỉnh lỵ và cả với ngôi nhà không phải của mình. Nàng đã quen chiếc dương cầm lạc giọng, những tấm ảnh úa vàng trên tường chụp những thiết giáp hạm cổ lỗ bảo vệ bờ biển. Trước kia, cụ Potapov làm thợ máy tàu biển. Trên cái bàn giấy phủ dạ xanh của cụ có đặt mô hình tuần dương hạm "Grômôbôi", trên tàu đó cụ đã làm việc. Varia không được phép sờ mó vào mô hình ấy. Và nói chung, không được sờ mó vào bất cứ vật gì.

Tachiana biết cụ Potapov có con trai đang phục vụ ở trong hạm đội "Hắc Hải". Trên bàn, bên cạnh mô hình tuần dương hạm, có bức ảnh của anh. Đôi lúc, Tachiana cầm bức ảnh lên ngắm nghía rồi nhúu đôi lông mày thanh thanh lại, nghĩ ngợi. Nàng cứ có cảm giác là đã gặp anh ở một nơi nào đó, nhưng đã lâu lắm rồi, trước cả cuộc hôn nhân không toại nguyện của nàng. Nhưng ở đâu? Và khi nào nhỉ?

Anh lính thủy nhìn nàng bằng đôi mắt bình thản hơi có vẻ chế nhạo, như muốn hỏi:

"Thế nào chị? Chẳng lẽ chị vẫn chưa nhớ ra là chúng ta đã gặp nhau ở đâu hay sao?"

- Không, tôi không nhớ - nàng trả lời khe khẽ.

- Mẹ ơi, mẹ nói chuyện với ai thế? - Varia từ phòng bên hỏi to.

- Với cái dương cầm con ạ - Tachiana mỉm cười đáp lại.

Vào giữa mùa đông bắt đầu có những lá thư do cùng một bàn tay viết gửi cho cụ Potapov, Tachiana xếp những lá thư ấy lại trên bàn. Một lần đang đêm nàng chợt thức giấc, ánh tuyết mờ mờ chiếu vào cửa kính. Con mèo xám Arkhiv của cụ Potapov để lại đang ngáy khò khò trên đi văng.

Tachiana khoác áo choàng mỏng vào phòng làm việc của cụ Potapov và đứng một lát bên cửa sổ. Một con chim lạng lẽ bay vút ra khỏi cây làm tuyết đổ xuống. Tuyết bay như bụi trắng phủ một lớp mỏng trên mặt kính.

Tachiana thắp ngọn nến trên bàn, ngồi xuống ghế bành và nhìn mãi ngọn nến. Ngọn nến cũng chả buồn lay động. Sau đó nàng thận trọng lấy ra một bức thư, bóc phong bì, nhìn chung quanh rồi bắt đầu đọc:

" Cha yêu quý, thế là con đã nằm bệnh viện được một tháng, - nàng đọc - Vết thương không nặng lắm. Đại thể là nó đang lên da non. Xin cha đừng lo lắng và chớ hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Con van cha đấy!"

" Con luôn nhớ đến cha, - Tachiana đọc tiếp - đến ngôi nhà của cha con ta, đến tình li của chúng ta. Tất cả những cái đó xa xăm quá, tưởng như ở đâu mãi chân trời. Con nhắm mắt lại và thấy con mở cửa hàng rào, bước vào vườn. Mùa đông, tuyết xuống, nhưng con đường nhỏ dẫn tới phong đình bên dốc đã được quét dọn sạch sẽ, còn băng bụi phủ đầy những khóm tử đinh hương. Lò sưởi trong phòng kêu tí tách. Khói bạch dương thoang thoảng. Cây dương cầm cuối cùng đã được lên dây lại và cha đã cắm những cây nến vàng hình xoắn ốc con mua từ Leningrad vào những chân đèn. Và vẫn những bản nhạc ấy trên chiếc đàn? Bản tự khúc của vợ nhạc kịch "Con đầm Pích" và tình ca "Trên bờ cõi Tổ quốc xa xôi." Không biết quả chuông treo ở cửa có kêu không? Thế là con vẫn chưa kịp chữa. Chả lẽ rồi con sẽ lại được gặp tất cả những cái đó? Chả lẽ rồi con lại được lấy nước giếng trong bình mà rửa sạch bụi đường xa? Cha nhớ không? Ôi, nếu cha biết được rằng từ chốn xa xôi này con yêu mến tất cả những cái đó biết chừng nào? Cha đừng ngạc nhiên, nhưng con nói với cha một cách thật nghiêm túc rằng con nhớ đến những cái đó trong những phút ác liệt nhất của trận đánh. Con biết rằng con đang bảo vệ không riêng gì bờ cõi đất nước mà cả cái góc nhỏ bé và thân yêu ấy trong lòng con: tức là cả cha, cả khu vườn nhà ta, cả những chú bé tóc bù xù trong làng ta, cả những khu rừng bạch dương bên kia sông và cả con mèo Arkhiv nữa. Xin cha đừng cười và đừng lắc đầu cha nhé. Có thể khi ra viện con sẽ được về nhà ít lâu. Điều đó chưa chắc lắm. Tốt hơn là cha đừng đợi".

Tachiana ngồi mãi bên bàn, mắt mở to nhìn qua cửa sổ, nơi bình minh bắt đầu hé lên trong màu xanh dày đặc và nghĩ rằng rồi đây, ngày một, ngày hai, một người không quen biết có thể từ mặt trận trở về ngôi nhà này và

người đó sẽ phải đau khổ khi phải gặp những người xa lạ ở đây và phải trông thấy mọi vật hoàn toàn không giống như ý người đó muốn.

Sáng hôm sau, Tachiana sai Varia lấy xẻng ra dọn con đường dẫn tới phong đình trên bờ dốc. Cái lều ấy đã hoàn toàn cũ nát. Những cột gỗ mốc meo, rêu phủ đầy. Tachiana tự tay chữa lấy quả chuông con treo trên cửa. Trên chuông có một hàng chữ đúc đến buồn cười "Ta treo trên cửa - hãy giật cho vui!" Tachiana đụng vào chuông, nó kêu lên lanh lảnh. Con mèo Arkhiv khó chịu, ve vẩy đôi tai, rồi bực dọc đi ra khỏi nhà; có lẽ nó cho tiếng chuông vui vẻ kia là càn rỡ.

Trưa hôm đó, Tachiana, má ửng hồng, cười nói âm ỉ, mắt quầng thâm vì xúc động, từ ngoài phố về dắt theo một ông lão lên dây đàn, một người Tiệp đã Nga hoá. Ông làm nghề chữa đèn côn, đèn dầu hoả, búp bê, ăcoocđêông và lên dây đàn dương cầm. Ông lão có cái họ nghe rất buồn cười: "Nevidan" (của lạ). Sau khi lên dây đàn, ông già nói rằng chiếc đàn cũ nhưng rất tốt. Không cần ông nói Tachiana cũng biết.

Khi ông lão đã ra về, Tachiana cẩn thận lục khắp các ngăn kéo bàn và tìm thấy một gói nến to hình xoắn ốc. Nàng cắm vào các chân nến đặt trên dương cầm. Tối đến, nàng thắp nến, ngồi chơi đàn, và tiếng nhạc tràn ngập ngôi nhà.

Khi Tachianan ngừng chơi và tắt nến đi thì một làn khói thơm toả ra khắp các phòng như quanh cây thông ngày hội.

Varia không chịu được nữa.

- Sao mẹ lại đụng vào đồ vật của người khác? - Nó hỏi Tachiana - Mẹ cấm con, còn mẹ thì lại đụng vào đủ mọi thứ? Nào chuông, nào nến, nào đàn. Mẹ lại còn đặt những bản nhạc của người ta lên trên dương cầm nữa.

- Vì mẹ là người lớn, - Tachiana trả lời.

Varia chau mày, ngờ vực nhìn mẹ. Lúc này Tachiana không giống người lớn một chút nào. Mặt nàng tươi hân lên và nom giống cô gái tóc vàng đã đánh rơi chiếc hài pha lê trong hoàng cung. Chính Tachiana đã kể cho Varia nghe chuyện cô gái ấy.

Ngồi trên tàu hoả, trung úy Nicolai Potapov đã tính rằng anh chỉ có thể ở với cha nhiều lắm là một ngày đêm. Hạn nghỉ phép thì ngắn mà đi đường đã chiếm gần hết thời gian.

Tàu hoả tới thành phố vào ban ngày. Ngay tại nhà ga, trung úy được người quen làm trưởng ga cho biết cha anh mất đã một tháng và một nữ ca sĩ trẻ cùng đứa con gái đang ở nhà anh.

- Chị ta là người tản cư, - ông trưởng ga nói.

Nicôlai im lặng nhìn ra ngoài cửa kính, nơi những hành khách mặc áo bông, đi ủng dạ, tay cầm ấm nước, đang chạy. Anh thấy chóng mặt.

- Vâng, - trưởng ga nói - Cụ nhà là người thật tốt bụng. Thế mà cụ chết đi khi không kịp gặp con trai.

- Bao giờ lại có tàu ra, thưa bác? - Nicôlai hỏi.

- Năm giờ sáng mai, - ông lão nói, rồi im lặng một lát và nói tiếp - Anh lại đăng nhà tôi đi. Bà lão nhà tôi sẽ pha trà, làm cơm anh ăn. Anh không phải về nhà nữa đâu.

- Cám ơn bác. - Nicôlai trả lời và bước ra.

Ông trưởng ga nhìn theo, lắc đầu.

Nicôlai đi qua tỉnh lị về bờ sông. Phía trên là một bầu trời xanh xám. Tuyết lơ thơ, bay chênh chênh giữa trời và đất. Mấy con quạ bước đi bước

lại trên con đường phân rác bẩn thỉu. Trời sẫm tối. Gió thổi từ bên kia bờ sông, từ những cánh rừng, làm anh chảy nước mắt.

"Làm sao được! - Nicôlai nói! - Chậm mất rồi! Và giờ đây cái tình li này, cả con sông và ngôi nhà - mọi thứ đối với ta gần như xa lạ!"

Anh ngoảnh nhìn sườn đồi bên kia thành phố. Ở đó hiện ra lờ mờ ngôi nhà trong khu vườn tuyết phủ. Từ ống khói toả ra, khói bị gió cuốn về cánh rừng bạch dương. Nicôlai thông thả bước về phía nhà mình. Anh định không vào nhà mà chỉ đi ngang thôi, cũng có thể rẽ vào vườn đứng một lát trong cái lều nghỉ chân cũ kĩ. Thật khó chịu khi nghĩ rằng những người xa lạ đang ở trong ngôi nhà của cha anh. Tốt hơn là chẳng nhìn thấy gì hết để khỏi phải đau lòng, cứ đi đi và lãng quên dĩ vãng.

"Ồ - Nicôlai nghĩ bụng - con người mỗi ngày một trưởng thành, và nhìn sự vật chung quanh một cách nghiêm khắc hơn."

Nicôlai về đến nhà khi trời tối. Anh nhẹ nhàng mở cửa vào vườn, nhưng nó vẫn kêu ken két. Mảnh vườn như giật mình. Tuyết đọng trên cành rơi xào xạc. Anh nhìn quanh. Trên con đường nhỏ dẫn tới phong đình, tuyết đã được dọn sạch. Nicôlai vào trong lều, đặt hai tay lên cái lan can cũ kĩ. Đằng xa, bên kia rừng, bầu trời hồng lên mờ nhạt: có lẽ trăng đã lên sau những đám mây. Nicôlai cất mũ, lấy tay vuốt tóc. Chung quanh yên lặng, chỉ ở dưới chân đồi, mấy người đàn bà xách những chiếc xô rỗng kêu long xong đi đến lỗ băng lấy nước.

Anh chống cùi tay trên lan can, nói khẽ:

- Có thể nào lại như thế?

Có ai đó nhẹ nhàng chạm vào vai anh. Nicôlai ngoảnh lại. Đằng sau anh là một thiếu phụ trẻ, có khuôn mặt xanh xao và nghiêm nghị, đầu trùm khăn

len. Thiếu phụ nhìn anh bằng đôi mắt sâu thẳm và chăm chú. Trên mi mắt và má nàng những bông tuyết tan dần. Có lẽ đó là tuyết trên cành rơi xuống.

- Anh đội mũ vào kẻo cảm lạnh đấy! - Thiếu phụ nói khẽ - Mời anh vào nhà đi. Không nên đứng ở đây.

Nicôlai im lặng. Thiếu phụ nắm lấy tay áo của anh và dẫn anh theo những con đường nhỏ đã dọn sạch. Đến bên thềm Nicôlai dừng lại. Xúc động làm anh nghẹn ngào, không sao thở được. Thiếu phụ vẫn nói khe khẽ:

- Không sao, xin anh đừng ngại vì chuyện tôi ở đây. Cảm giác đó sẽ qua ngay thôi.

Nàng giậm chân để rũ tuyết bám vào giày. Tức khắc quả chuông ở phòng mặc áo reo lên lanh lảnh đáp lại. Nicôlai thở dài thực mạnh, lấy hơi.

Anh bước vào nhà, về bối rối, lăm bắm điều gì. Ở phòng ngoài, mới cởi áo choàng anh đã ngửi thấy mùi khói bạch dương thoang thoảng và nhìn thấy con mèo Arkhiv. Nó ngồi ngáp dài trên đi-văng. Một cô bé tóc bím đứng bên đi-văng và nhìn anh bằng cặp mắt sung sướng, nhưng không phải nhìn mặt anh mà nhìn mấy viên vàng trên tay áo anh.

-Vào đây, anh! - Tachiana nói và dẫn anh vào bếp.

Trong bếp có bình giếng nước lạnh và treo một chiếc khăn vải lanh quen thuộc theo hình những chiếc lá sồi.

Tachiana trở ra. Đưa con gái mang xà phòng cho Nicôlai và nhìn anh cởi áo, rửa mặt. Nỗi bối rối trong lòng anh vẫn chưa tan.

- Mẹ cháu là ai vậy? - Anh hỏi đứa bé và đỏ ửng mặt. Anh hỏi câu đó cho có hỏi mà thôi.

- Mẹ cháu tưởng mẹ cháu là người lớn. - Con bé thì thăm với một vẻ bí ẩn. - Nhưng mẹ cháu chẳng phải là người lớn tẹo nào. Mẹ cháu còn xoàng hơn cả cháu nữa cơ.

- Tại sao vậy? - Anh hỏi

Nhưng con bé không trả lời, nói cười và chạy ra ngoài. Suốt buổi tối anh không sao xua đuổi được cảm giác nhẹ nhàng mà sâu lắng. Mọi vật trong nhà xếp đặt đúng theo ý anh muốn. Vẫn những bản nhạc ấy trên dương cầm, vẫn những cây nến hình xoắn ốc đang cháy, nổ tí tách và chiếu sáng phòng làm việc của cha anh. Cả những bức thư anh gửi từ bệnh viện về cũng nằm trên bàn, dưới chiếc la bàn cũ mà ngày trước ông cụ vẫn thường dùng chặn lên thư.

Uống trà xong, Tachiana dẫn Nicôlai ra sau cánh rừng thăm mộ cha anh. Mặt trăng mờ mờ đã lên cao. Những cây bạch dương tỏa sáng yếu ớt trong ánh trăng ngả bóng nhẹ xuống tuyết.

Đêm đã khuya, Tachiana ngồi trước dương cầm, nhẹ nhàng lựa phím đàn, rồi ngoảnh lại nhìn Nicôlai và nói:

- Tôi cứ có cảm giác là tôi đã gặp anh ở đâu rồi.

- Vâng, cũng có lẽ! - anh đáp.

Nicôlai nhìn thiếu phụ. Ánh nến ở bên cạnh soi sáng nửa khuôn mặt nàng. Anh đứng dậy đi đi lại lại trong phòng rồi dừng lại.

- Không, tôi không nhớ ra được! - Anh nói giọng trầm trầm.

Tachiana ngoảnh lại hốt hoảng nhìn Nicôlai nhưng không nói gì hết.

Nàng đã sửa soạn chỗ ngủ cho Nicôlai trên chiếc đi-văng trong phòng làm việc, nhưng anh không sao chợp mắt được. Mỗi phút trong ngôi nhà

này đối với anh thực sự quý báu và anh không muốn bỏ mất phút nào. Anh nằm lắng nghe bước chân rón rén của con mèo Arkhiv, tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng thì thào của Tachiana với người vú già sau cánh cửa đóng. Rồi những giọng nói im bật, người vú già đã đi, những vệt sáng ở dưới cánh cửa vẫn không tắt. Anh nghe thấy các trang giấy loạt soạt: chắc Tachiana còn đọc sách. Anh đoán nàng thức cốt để gọi anh dậy cho kịp tàu. Anh muốn nói với nàng rằng anh cũng không ngủ, nhưng anh không dám gọi.

Bốn giờ sáng, Tachiana khe khẽ mở cửa và gọi Nicôlai. Anh cựa mình.

- Anh dậy đi thôi, đến giờ rồi, - nàng nói - Tôi rất tiếc phải đánh thức anh.

Tachiana tiễn anh ra ga khi thành phố đang yên giấc. Sau hồi chuông thứ hai họ từ giã nhau. Tachiana đưa cả hai tay cho Nicôlai và nói:

- Anh nhớ viết thư nhé! Giờ đây chúng ta như người thân. Phải vậy không anh?

Nicôlai không trả lời, anh chỉ gật đầu.

Mấy hôm sau, Tachiana nhận được một bức thư của Nicôlai viết ở dọc đường:

"Tôi đã nhớ ra chúng ta gặp nhau ở đâu - anh viết - nhưng tôi không muốn nói với chị khi còn ở nhà. Chị có nhớ Krưm năm hăm bảy không? Mùa thu. Những cây tiêu huyền cổ thụ ở công viên Livadia. Trời u ám, biển nhợt nhạt. Tôi đi theo con đường nhỏ tới Orêanda. Trên chiếc ghế dài bên đường có một thiếu nữ đang ngồi. Cô ta chừng 16 tuổi. Trông thấy tôi, cô ta đứng dậy và đi về phía tôi. Khi chúng tôi đi ngang nhau, tôi liếc nhìn cô ấy. Cô ta đi qua tôi rất nhanh, nhẹ nhàng, tay cầm một cuốn sách mở rộng. Tôi dừng lại, nhìn theo cô ta rất lâu. Thiếu nữ đó là chị. Tôi không thể nhầm được. Tôi nhìn theo chị và cảm thấy rằng người con gái vừa đi qua bên cạnh tôi, người có thể làm tan vỡ cả đời tôi mà cũng có thể đem lại hạnh phúc

cho tôi. Tôi hiểu rằng mình có thể yêu người con gái ấy đến quên cả thân mình. Lúc đó tôi đã biết rằng phải tìm được chị dù phải trả bằng giá nào. Tôi nghĩ vậy, nhưng vẫn đứng lì tại chỗ. Vì sao - tôi chẳng biết. Từ ngày ấy tôi yêu Krưm và con đường nhỏ, nơi tôi đã gặp chị trong giây lát và mất chị vĩnh viễn. Nhưng cuộc đời đã thương tôi và tôi lại được gặp chị. Nếu mọi việc ổn thoả và chị cần đến cuộc đời tôi, thì tất nhiên nó sẽ là của chị. À, tôi đã thấy bức thư của tôi bị bóc ra để trên bàn. Tôi đã hiểu tất cả và chỉ biết cảm ơn chị từ nơi xa này."

Tachiana đặt lá thư xuống, đôi mắt mơ màng nhìn qua cửa sổ ra mảnh vườn tuyết phủ, đoạn thốt lên:

- Trời, mình có ở Krưm bao giờ đâu? Chưa bao giờ! Nhưng lúc này cái đó có gì quan trọng? Và để cho anh ấy tuyệt vọng làm gì? Và cả mình nữa!

Nàng cười, đưa tay lên che mắt. Ngoài cửa sổ ánh tà dương mờ nhạt vẫn toả sáng, mãi không sao tắt được.



LÃNG QUẢ THÔNG

Mùa thu, nhà soạn nhạc Eđua Grigơ thường về ở trong những khu rừng gần thành phố Becghen. Mọi khu rừng đều đẹp với bầu không khí phảng phất mùi nấm, với tiếng lá rì rào. Nhưng những khu rừng trên núi và gần biển mới thực là đẹp. Ở đó ta nghe rõ cả tiếng sóng vỗ bờ. Sương mù từ biển cả thường xuyên tràn vào và vì khí ẩm quá nhiều nên rêu mọc rậm rịt. Rêu từ trên cành cây xoắn dài xuống mặt đất như những mớ tóc xanh.

Ngoài ra, trong những khu rừng trên núi, còn có một thứ tiếng vọng vui tính. Giống như một con khướu nó chỉ chực chộp lấy bất kỳ tiếng động nào để rồi liệng lại qua vách đá.

Một hôm, Grigơ bắt gặp trong rừng một em bé có đôi bím tóc nhỏ xíu, con ông gác rừng. Em đang nhặt quả thông bỏ vào lãng.

Trời đang thu. Nếu như có thể lấy hết đồng và vàng trên trái đất đánh thành muôn vàn lá cây mỏng dính thì chúng cũng chỉ có thể làm thành một phần rất nhỏ của bộ áo mùa thu trải trên đồi núi kia mà thôi. Và lại, những chiếc lá nhân tạo nọ sẽ rất thô kệch so với lá thật, nhất là với lá liêu hoàn diệp. Mọi người đều biết rằng chỉ cần một tiếng chim hót thôi cũng đã đủ làm chúng run rẩy.

- Cháu tên là gì nào? - Grigơ hỏi.

- Cháu là Đanhi Pêđecxen. - Em bé lí nhí trả lời.

Em bé trả lời lí nhí không phải vì sợ, mà vì bối rối. Nó sợ sao được khi cặp mắt của Grigơ đang cười.

- Rõ tiếc....

- Grigơ nói.

- Bác chả có quà gì cho cháu cả. Chả có búp bê, chả có băng, thỏ nhưng cũng không có nốt.

- Cháu có con búp bê cũ của mẹ cháu. - Em bé trả lời

- Trước kia nó cũng biết nhắm mắt cơ bác ạ. Như thế này này...

Nó từ từ nhắm mắt lại. Khi nó mở mắt ra, Grigơ nhận thấy con người của nó có màu xanh nhạt và lá rừng lấp lánh trong mắt nó như những đốm lửa nhỏ.

- Nhưng bây giờ nó ngủ mở mắt, - em bé buồn rầu nói tiếp, - người già hay khó ngủ. Ông cháu cũng vậy, cứ kêu rên cả đêm.

- Đanhi này. Bác nghĩ ra rồi, - Grigơ nói, - bác sẽ tặng cháu một món quà thú vị. Nhưng không phải bây giờ, mà độ mười năm nữa.

Đanhi đập hai tay vào nhau:

- Ôi, thế thì lâu quá!

- Cháu hiểu không, bác còn phải làm ra nó đã chứ.

- Nhưng nó là cái gì kia, bác?

- Sau này cháu sẽ biết.

- Chả lẽ suốt đời bác, bác chỉ làm được có dăm sáu thứ đồ chơi thôi hay sao? - Em bé nghiêm nghị hỏi.

Grigơ bối rối:

- Không, không phải thế đâu - Ông bác lại vẻ không quả quyết - Có thể bác sẽ làm xong vật ấy trong vài ngày. Nhưng những thứ đó người ta không cho trẻ con. Bác thường chỉ làm quà cho người lớn.

- Cháu không đánh vỡ đâu mà! - Đanhi năn nỉ và nắm tay áo ông kéo lại. - Cháu cũng chẳng làm hỏng đâu. Đây rồi bác xem! Ông cháu có một chiếc thuyền thủy tinh bé tí tẹo. Cháu vẫn lau bụi cho nó đấy nhưng cháu có bao giờ làm nó nứt tí nào đâu.

"Con bé Đanhi này làm mình rối tinh lên rồi" - Grigơ bực bội nghĩ thầm và rồi ông lặp lại những điều mà người lớn thường nói với trẻ con khi lâm vào thế bí. - Cháu hãy còn bé và có nhiều điều cháu không hiểu. Hãy học tập tính kiên nhẫn. Còn bây giờ cháu đưa cái lẵng đây cho bác. Cháu à ạch mãi mới mang nổi nó kia kìa. Bác sẽ đưa cháu về nhà và chúng ta sẽ nói về một chuyện gì khác.

Đanhi thở dài và đưa cái lẵng cho Grigơ. Cái lẵng quả là khá nặng. Quả cây thông tán nhọn có nhiều nhựa, nên nó nặng hơn quả của loại thông khác.

Khi nhà người gác rừng hiện ra giữa đám cây. Grigơ bảo cô bé:

- Thôi, Đanhi này, bây giờ cháu chạy về một mình nhé. Ở Nauy, có nhiều em bé gái trùng tên họ với cháu. Bố cháu tên là gì nhỉ?

- Hagrup ạ. - Đanhi trả lời và hỏi tiếp, vâng trán nhăn lại - Bác không vào chơi nhà cháu ư? Nhà cháu có chiếc khăn giải bàn thêu này, có con mèo hung này, lại có chiếc thuyền bằng thủy tinh nữa. Ông cháu sẽ cho phép bác cầm xem đấy.

- Cám ơn cháu! Bây giờ bác vội. Chào cháu, Đanhi ạ.

Grigơ vuốt tóc em bé rồi đi về phía bờ biển. Đanhi chau mày trông theo. Em xách cái lẵng nghiêng về một bên và những quả thông rơi xuống đất.

"Ta sẽ làm một bản nhạc, - Grigơ quyết định - và trên trang bìa ta sẽ cho in: "Tặng Đanhi Pêđecxen, con gái người gác rừng Hagrup Pêđecxen, khi cô mười tám tuổi".

Ở Becghen không có gì thay đổi. Tất cả những gì có thể làm cho âm thanh giảm đi như thảm, màn cửa, đồ gỗ lót đệm, Grigơ đã loại ra khỏi nhà từ lâu. Chỉ còn lại chiếc đi-văng cũ kỹ đủ chỗ cho mười người khách ngồi là Grigơ vẫn chưa dám bỏ đi nốt.

Các bạn của nhà soạn nhạc nói rằng nhà của ông giống nơi ở của một tiểu phu. Chỉ có mỗi chiếc dương cầm là vật trang sức cho ngôi nhà. Người giàu tưởng tượng có thể nghe thấy giữa bốn bức tường trắng ở đây nhiều điều kỳ diệu, từ tiếng gầm thét của Bắc băng dương - cái đại dương đang dồn sóng ra từ cõi mịt mù sương gió, nơi gió rú rít kể câu chuyện cổ xưa rùng rợn - cho đến bài hát của em gái ru con búp bê vải.

Chiếc dương cầm có thể ca về tất cả: về khí phách con người vươn tới cái cao cả, về tình yêu. Những phím đàn đen trắng lướt nhanh dưới những ngón tay chắc nịch của Grigơ, lúc buồn bã, lúc vui cười, lúc lại réo lên giống tổ và cảm thù rồi bất thần lặng hẳn đi. Trong phút lặng lẽ ấy chỉ còn một dây đàn nhỏ bé là còn rung mãi như thể nàng Lọ Lem bị các chị mắng mỏ đang khóc.

Grigơ ngả người ra, lắng nghe cho đến khi cái âm thanh cuối cùng ấy tắt hẳn ở trong bếp, nơi chú đế mèn đã đến trú ngụ từ lâu. Đến lúc ấy mới nghe tiếng vòi nước nhỏ giọt, đếm từng giây, hết như máy đo tiết điệu. Những giọt nước nhấn mạnh rằng thời gian không chờ đợi ai và cần phải hối hả làm cho xong những điều dự định.

Grigơ viết bản nhạc tặng Đanhi Pêđecxen trong hơn một tháng.

Mùa đông bắt đầu. Sương mù phủ kín thành phố. Những con tàu han rỉ từ nhiều nước kéo đến gò gât bên bến cảng lát gỗ, khe kẽ phì phò hơi nước. Chẳng bao lâu tuyết bắt đầu rơi. Grigơ nhìn qua cửa sổ thấy những bông tuyết bay chên chếch, cố bám lấy ngọn cây. Tất nhiên, không thể truyền đạt âm nhạc bằng lời, dù cho ngôn ngữ của chúng ta có phong phú đến thế nào chẳng nữa.

Grigơ viết về cái đẹp vô cùng của thời con gái và của hạnh phúc. Ông viết và thấy cô gái có đôi mắt xanh sáng ngời nghẹn ngào vì sung sướng, đang chạy đến với ông. Cô gái vòng tay ôm lấy cổ ông, áp bên má nóng bừng của cô vào cái má đầy râu bạc lâu ngày không cạo của ông.

"Cảm ơn bác" - cô nói trong lúc chính cô cũng chưa biết cô cảm ơn ông vì lẽ gì.

"Cháu như mặt trời, - Grigơ nói với cô, - như làn gió êm dịu, như buổi sáng tươi mát. Một bông hoa trắng ngần đã bừng nở trong lòng cháu làm cho toàn thân cháu thơm ngát mùa xuân. Ta hiểu đời lắm. Cháu ạ, dù người ta có nói với cháu những gì đi nữa thì cháu hãy cứ tin rằng cuộc đời thật là kỳ diệu và tuyệt đẹp. Ta già rồi, nhưng ta đã hiến cuộc đời ta, sự nghiệp và tài năng của ta cho tuổi trẻ. Hiến tất cả mà không đòi hỏi trả lại. Vì thế có thể, ta còn hạnh phúc hơn cả cháu nữa kia, Đanhi ạ! Cháu là đêm trắng với ánh sáng huyền ảo. Cháu là hạnh phúc, là ánh bình minh. Cháu cất tiếng là bao con tim rung động. Cầu chúa ban phước lành cho mọi vật bao quanh cháu, chạm tới người cháu và được cháu chạm tới, những gì làm cháu vui sướng và bắt cháu phải trầm ngâm suy nghĩ".

Grigơ nghĩ vậy và gửi vào phím đàn những gì ông suy nghĩ. Ông ngờ rằng có người nghe trộm ông. Ông còn đoán được ai đang nghe trộm nữa. Đó là đàn sơn tước trên cành, đám thủy thủ ngoài cảng quá chén đang lang thang, chị thợ giặt bên hàng xóm, chú đế mèn, những bông tuyết từ trên bầu trời trĩu nặng kia rơi xuống và nàng Lọ Lem trong bộ quần áo vá chằng vá đụp.

Mỗi người và vật nghe ông theo một cách. Những con sơn tước xõn xang. Nhưng dù chúng có loay hoay thế nào mặc lòng, sự huyên náo của chúng cũng không thể át nổi tiếng đàn. Những tay thuỷ thủ quá chén ngồi xuống bậc thềm nhà ông, vừa nghe vừa nức nở. Chị thợ giặt đứng thẳng lên, lấy lòng bàn tay lau cặp mắt đỏ hoe và lắc đầu. Chú đế mèn chui ra khỏi kẽ nứt của chiếc lò sưởi lát gạch sứ và nhòm Grigơ qua một khe hở. Những bông tuyết rơi, ngập ngừng, lơ lửng giữa tầng không, lắng nghe suối đàn từ trong nhà vọng ra. Còn Lọ Lem thì mỉm cười nhìn xuống sàn. Một đôi giày xinh xắn bằng pha lê nằm bên chân cô. Đôi giày run rẩy, va vào nhau, hoà nhịp với tiếng đàn ngân vang trong phòng nhà soạn nhạc.

Grigơ quý những thính giả ấy hơn các vị sang trọng và lịch sự vẫn thường tới nghe hoà nhạc.

Năm mười tám tuổi Đanhi học hết trung học. Nhân dịp này cha nàng cho nàng về Krixtania chơi ít lâu với bà Magđa, em gái ông. "Cho con bé (cha nàng vẫn coi nàng là con bé, mặc dầu Đanhi đã là một cô gái có thân hình cân đối với đôi bím tóc vàng nặng trĩu) biết cái thế giới này nó ra sao, người ta sống thế nào, và cho nó giải trí một chút".

Ai biết được tương lai sẽ dành cho Đanhi những gì? Có thể, một người chồng chân thật và yêu nàng nhưng lại đáng ngán và keo kiệt chẳng? Hay một việc làm ở quây tạp hoá trong làng? Hoặc phục dịch tại một trong vô vàn hăng tàu biển ở Becghen?

Bà Magđa làm thợ may trong một nhà hát. Chồng bà, ông Ninxơ cũng làm thợ cắt tóc trong nhà hát ấy. Họ ở trong một phòng nhỏ ngay dưới mái nhà hát. Từ đây trông thấy biển sặc sỡ những lá cờ hiệu hàng hải và tượng đài Ipxen. Những con tàu suốt ngày cứ chõ vào các cửa sổ bỏ ngõ mà la hét. Ông Ninxơ, đã nghiên cứu những tiếng kêu la của chúng kỹ đến nỗi, theo ông nói, ông biết chắc chắn tàu nào đang kéo còi:

"Nôđecnây" từ Copenhaghen, "Người ca sĩ xứ Êcôt" từ Glazgô hay "Gianda" từ Boocđô đến.

Trong phòng bà Magđa có rất nhiều vật dụng của nhà hát: gấm, lụa, tuyn, băng, đồ ren, mũ dạ thời xưa gắn lông đà điểu đen, khăn san của người Digan, tóc giả bạc trắng, ủng cổ loe gắn cựa bằng đồng, các loại gươm, quạt và những đôi giầy dát bạc đã sờn ở những nếp gấp. Tất cả những thứ đó phải được vá víu sửa chữa, lau chùi và là phẳng.

Trên tường treo những tranh nhỏ cắt ra từ sách báo: ký sỹ thời vua Luis XIV, mỹ nhân bện váy bông, hiệp sĩ, phụ nữ Nga trong bộ xaraphan, thủy thủ và bọn Viking trên đầu mang những vòng lá sồi. Muốn lên phòng phải leo một cái thang dựng đứng. Ở đấy thường phảng phất mùi sơn và mùi vec-ni bốc lên từ lớp vàng mạ.

Đanhi hay đi xem hát. Đó là một việc thú vị. Nhưng sau những buổi xem kịch ấy, Đanhi thường thao thức mãi không ngủ được và đôi khi lại cứ nằm trên giường mà khóc. Bà Magđa lấy thế làm lo lắng và thường an ủi Đanhi. Bà nói rằng không nên mù quáng tin những gì diễn ra trên sân khấu. Nhưng ông Ninxơ thì vì thế lại gọi bà là "mụ nái xề" và nói rằng, ngược lại, nên tin mọi điều ở nhà hát. Nếu không thì người ta chẳng cần đến nhà hát nào nữa. Thế là Đanhi tin. Tuy vậy bà Magđa vẫn cứ nhất định đòi đi nghe hoà nhạc để đổi món. Ông Ninxơ không phản đối ý kiến ấy.

"Âm nhạc, - Ông nói, - đó là gương mặt của thiên tài".

Ông Ninxơ thích dùng những danh từ cao siêu và mơ hồ. Ông bảo Đanhi giống như hợp âm đầu tiên của một tự khúc. Còn bà Magđa thì, theo lời ông, lại có một quyền lực siêu phàm đối với mọi người. Quyền lực đó là ở chỗ bà may trang phục sân khấu. Mà ai chẳng biết rằng con người cứ mỗi lần mặc bộ đồ mới là biến đổi hẳn. Thành thử vẫn một anh diễn viên hôm qua là tên giết người bỉ ổi, hôm nay đã trở thành chàng nhân tình say đắm, ngày mai là anh hề của nhà vua, còn ngày kia lại thành vị anh hùng dân tộc.

Trong những trường hợp đó bà Magđa thường kêu lên:

- Đanhi! Cháu hãy bịt tai lại, đừng nghe những lời ba hoa gớm ghiếc ấy làm gì! Ông ấy chả biết ông ấy nói gì đâu, lão triết gia kiết xác ấy.

Tháng sau, trời ấm. Đang hồi những đêm trăng. Những buổi hoà nhạc tổ chức ngoài trời, tại công viên thành phố.

Đanhi đi nghe hoà nhạc cùng cô Magđa và chú Ninxơ. Nàng muốn mặc chiếc áo dài trắng độc nhất của mình, nhưng chú Ninxơ bảo rằng người con gái đẹp phải biết ăn mặc sao cho nổi bật lên giữa môi trường chung quanh. Nói chung, bài diễn văn dài dòng của ông về chuyện đó có thể tóm tắt lại là trong những đêm trăng nhất thiết phải mặc đồ đen và ngược lại, lúc tối trời nên diện bộ áo trắng. Không thể nào cãi lại ông Ninxơ, nên Đanhi mặc chiếc áo dài nhung lụa đen, tuyết rất mịn. Bà Magđa đã mượn trong kho phục trang cho nàng chiếc áo đó.

Khi Đanhi đã mặc xong, bà Magđa phải chịu là ông Ninxơ có lý: không gì có thể tôn nước da mai mái nghiêm nghị trên gương mặt và đôi bím tóc dài lấp lánh vàng mườì cửa nàng bằng thứ nhung huyền bí ấy.

- Này Magđa, mình trông mà xem, - chú Ninxơ nói khẽ, - con Đanhi đẹp như thể nó đi gặp người yêu trong buổi đầu tiên ấy.

- Đúng vậy! - Bà Magđa trả lời - Thế mà lần hẹn đầu tiên ông đến gặp tôi, tôi lại chả được thấy ông là một chàng điển trai si tình. Ông chỉ là một chàng ba hoa. Và bà Magđa đặt một cái hôn lên má tóc của chồng.

Buổi hoà nhạc bắt đầu sau khi khẩu đại bác ở ngoài cảng nổ phát súng chiều thường lệ. Phát súng báo hiệu mặt trời lặn. Mặc dầu là buổi tối, cả nhạc trưởng lẫn nhạc công đều không bật những ngọn điện nhỏ trên giá nhạc. Tối hôm đó trời rất sáng nên những cây đèn lồng lấp lánh trong tán cây đoạ hản cũng chỉ để tạo cho buổi hoà nhạc vẻ hào nhoáng mà thôi.

Lần đầu tiên Đanhi được nghe nhạc giao hưởng. Bản nhạc gây cho cô một ấn tượng lạ lùng. Những đoạn luyến láy và rền vang của dàn nhạc gợi lên trong trí cô muôn vàn cảnh lạ giống như giấc mơ.

Bỗng Đanhi giật mình, ngược mắt lên. Nàng có cảm giác như người đàn ông gầy gò mặc áo đuôi tôm đang giới thiệu chương trình biểu diễn vừa gọi đến tên nàng.

- Chú gọi cháu đấy ư, chú? - Đanhi nhìn ông Ninxơ hỏi rồi cũng lập tức cau mặt lại.

Người chú nhìn nàng không ra là kinh hãi mà cũng không ra là thán phục. Và bà Magđa áp chiếc khăn vào miệng cũng nhìn Đanhi hết như vậy.

- Có chuyện gì xảy ra vậy? - Đanhi hỏi.

Bà Magđa nắm lấy tay nàng và nói khẽ:

- Nghe kìa!

Và Đanhi nghe thấy người mặc áo đuôi tôm nói:

- Các vị thính giả mấy hàng ghế cuối nhờ tôi nhắc lại. Đây là dàn nhạc chúng tôi sẽ trình bày, hiến cho quý vị một bản nhạc nổi tiếng của Eđua Grigơ đề tặng Đanhi Pêđecxen, con gái ông gác rừng Hagrup Pêđecxen, nhân dịp cô tròn mười tám tuổi.

Đanhi hít một hơi dài đến nỗi nàng thấy tức ngực. Nàng muốn lấy hơi thở đó để giữ dòng nước mắt sắp trào ra, nhưng vô hiệu, Đanhi cúi xuống và giấu mặt trong đôi bàn tay. Thoạt đầu nàng không nghe thấy gì hết. Một cơn giông đang cuộn cuộn trong lòng nàng. Cuối cùng nàng nghe thấy tiếng tù và mục đồng rúc lên trong buổi sớm tinh sương và dàn nhạc đàn dây khẽ giật mình, đáp lại bằng hàng trăm tiếng hát. Điệu nhạc tăng dần, cất bổng

lên rồi gào thét lướt trên ngọn cây, như một luồng gió rút lá, thổi rạp cỏ xuống đất, quất vào mặt những tia nước mát rượi. Đanhi cảm thấy có một luồng không khí do âm nhạc đẩy lên phả đến và nàng gắng bình tĩnh lại. Phải, đó là cánh rừng của nàng, quê hương nàng! Núi đồi của nàng, tiếng tù và, tiếng sóng biển quê nàng. Những con tàu thủy tinh làm nước sủi bọt. Gió reo cả trên những dây buồm. Từ lúc nào không biết, tiếng reo đó đã chuyển thành tiếng những quả chuông nhỏ trong rừng đổ hồi, tiếng đàn chim ríu rít nhào lộn trên không, tiếng trẻ con hú nhau, tiếng hát về người con gái: lúc bình minh người yêu ném một vốc cát vào cửa sổ phòng nàng. Đanhi đã nghe bài hát đó trên đồi núi ở quê nhà.

Vậy ra đó chính là bác ấy. Ông già tóc bạc đã giúp cô mang lẵng quả thông về nhà. Đó là Eđua Grigơ, người có phép thần và nhạc sĩ vĩ đại! Thế mà nàng đã trách bác ấy không biết cách làm mau chóng. Thì ra đó chính là món quà mà ông đã hứa cho nàng mười năm sau.

Đanhi khóc, không giấu giếm những giọt lệ biết ơn. Đến lúc ấy âm nhạc đã tràn ngập khoảng không giữa mặt đất và mây trời giăng mắc trên thành phố. Sóng nhạc du dương làm cho mây gợn lên lăn tăn và những vì sao lung linh lấp lánh. Bản nhạc không phải là hát nữa. Nó kêu gọi. Kêu gọi đi theo nó đến một xứ sở, nơi không đau khổ nào có thể làm nhạt tình yêu, nơi không có ai giành giật hạnh phúc kẻ khác, nơi mặt trời sáng chói như vòng triều thiên trên đầu nàng tiên trong cổ tích. Trong dòng âm thanh cuộn cuộn ấy bỗng nổi lên giọng nói quen thuộc "Cháu là hạnh phúc, cháu là ánh bình minh".

Bản nhạc ngừng bật. Những tràng vỗ tay lúc đầu còn chầm chậm, sau mỗi lúc một mạnh thêm, vang lên như sấm dậy. Đanhi đứng lên và đi nhanh về phía cổng công viên. Có thể, có một số người trong đám thính giả đã thoáng nghĩ rằng nàng chính là Đanhi Pêđecxen mà Grigơ đã dành tặng tác phẩm bất tử của ông.

"Bác ấy mất rồi ư? - Đanhi nghĩ - Vì sao?" Giá mà lại được gặp ông! Giá mà ông có mặt ở đây? Hẳn nàng sẽ chạy ào lại với ông, tim đập rộn ràng, nàng sẽ bá lấy cổ ông, áp bên má ướt đẫm nước mắt vào má ông và chỉ nói một câu: "Cảm ơn bác". - "Vì lẽ gì cơ chứ?" Hẳn ông sẽ hỏi như thế. "Cháu cũng chả biết nữa... - hẳn nàng sẽ trả lời, - Vì bác đã không quên cháu. Vì lòng hào hiệp của bác. Vì bác đã cho cháu thấy cái tuyệt mỹ mà con người phải sống bằng cái tuyệt mỹ ấy".

Đanhi đi trên đường phố vắng tanh. Nàng không biết rằng bà Magđa đã phái ông Ninxơ đi theo nàng mà không để nàng trông thấy. Ông đi lảo đảo như người say rượu, miệng lẩm bẩm gì đó về sự thần kỳ xảy ra trong cuộc sống eo hẹp của họ. Bóng đêm vẫn còn trải trên thành phố. Nhưng trong cửa sổ đã thấy lấp lánh ánh vàng yếu ớt của bình minh phương Bắc.

Đanhi đi ra bờ biển. Biển vẫn còn ngủ say, không một tiếng sóng vỗ. Đanhi nắm chặt hai tay lại và rên lên vì một cảm giác tuy còn mơ hồ đối với nàng, nhưng đã chiếm lĩnh toàn cơ thể nàng - cảm giác về cái đẹp của cuộc đời.

- Đời ơi, hãy nghe đây! - Đanhi nói khẽ - Ta yêu Người.

Và nàng cười, mở to mắt nhìn những ngọn đèn trên tàu biển đang chậm rãi lắc lư nơi nước xám trong vắt. Ông Ninxơ đứng ở đằng xa nghe thấy tiếng cười đó và quay về nhà. Giờ ông đã yên tâm về Đanhi. Giờ đây ông hiểu rằng cuộc đời cháu gái ông sẽ không qua đi vô ích.

CẦU VÒNG TRẮNG

Họa sĩ Pêtrốp được gọi nhập ngũ vào giữa năm thứ Hai của cuộc chiến tranh tại một thành phố lớn ở Trung Á. Từ Mátxcơva, Pêtrốp đã sơ tán về đây.

Dãy núi Ala-Tau đứng sừng sững ở phía Nam thành phố như một bức trường thành màu xám. Tuyết đã rắc lên các đỉnh núi. Buổi tối trong những căn nhà đều giá lạnh im lìm và tối sẫm. Họa hoãn trong vài cửa sổ mới có ánh đèn dầu leo lét. Trong thành phố đèn tắt rất sớm.

Ban đêm, vầng trăng nhô lên trên những rặng thùy dương trơ trụi và trong ánh sáng chói chang, thành phố có một vẻ gì dữ dội. Pêtrốp sống trong căn nhà gỗ nhỏ bên bờ một con suối chảy lượn quanh thành phố sát các lễ đường. Tiếng suối reo đều đều không đổi. Đêm đêm trên tấm đệm mỏng trải trên sàn nhà, Pêtrốp nằm lắng nghe tiếng nước tràn qua những viên đá. Sau tường nhà, con lạc đà già nua của hàng xóm chặm rãi nhai nhai mãi không thôi.

Tàu hoả rời thành phố vào ban đêm. Nhà ga vắng tanh. Những hàng cây lạnh giá xào xạc. Đêm châu Á vun tuyết thành đồng giữa các toa xe. Chẳng có ai ra ga tiễn Pêtrốp. Anh không có bạn bè và cũng chẳng để lại đây kỷ niệm nào. Không có gì hết ngoài cái cảm giác cuộc sống bị ngưng lại. Mới ngoài ba mươi tuổi nhưng cuộc đời phiêu bạt bơ vơ khiến Pêtrốp sớm cảm thấy mình là một ông già.

Lên tàu, Pêtrốp chui vào một góc toa hút thuốc. Ngoài cửa toa một người lính đang chia tay với một người phụ nữ trẻ tuổi. Không hiểu sao Pêtrốp cảm thấy nhẹ nhõm khi nghe người phụ nữ xưng hô “anh, tôi” với bạn. Đó là một người phụ nữ cởi mở và trong trẻo. Pêtrốp thầm nghĩ rằng người ta có thể đến với giọng nói ấy như một tiếng gọi từ xa, qua sa mạc,

qua những đêm sâu mịt mùng, qua thác ghềnh giá buốt, đi cho đến lúc đôi chân rớm máu, gục xuống lại bò tiếp. Miễn là được nhìn thấy cánh cửa, nắm lấy nó và nói: “Đây, tôi đã đến, xin đừng xua đuổi tôi”. Có những giọng nói nghe như một lời hứa hẹn của hạnh phúc.

Tàu chuyển bánh. Pêtrốp ngó qua ngoài cửa sổ. Trên sân ga anh nhìn thấy người phụ nữ trẻ tuổi. Gương mặt tái nhợt, nụ cười, bàn tay giơ lên - chỉ có thế. Bóng tối lập tức ập ngay vào khuôn cửa. “Nếu anh dừng ở Mátxcơva, anh nhớ gọi điện cho Masa nhé!” và chị nói số điện thoại. Pêtrốp nhắm lại số điện thoại hồi lâu và không tin ở trí nhớ của mình, anh ghi nó lên thẻ quân nhân.

Dọc đường, Pêtrốp luôn ngó ra cửa nhìn những đám tuyết dày đặc, những cột điện thoại nối nhau chạy dài vào nẻo xa màu xám. Thành phố Trung Á xa dần không còn đường trở lại với nó nữa. Nó trở thành hồi ức mờ ảo, như hư như thực, lấp lẩn giữa dòng đời như một ngày đã sống qua giữa ba trăm sáu mươi ngày của một năm dài đằng đặc.

Mùa đông, mùa xuân và mùa hè mưa nhiều trôi qua trong những trận đánh. Khi vượt qua tuyến phòng thủ của quân Đức ở Vitép, Pêtrốp bị thương vào đầu. Ba tháng anh nằm ở bệnh viện. Ra viện anh được gửi đến một nhà nghỉ để hồi sức sau vết thương nặng nề. Pêtrốp yêu cầu được về nghỉ ở thành phố Trung Á, nơi anh đã được gọi vào quân đội. Gần thành phố có một an dưỡng đường nhỏ ở trên núi.

- Ồ, anh bạn thân mến. – ông bác sĩ già râu bạc, quân hàm nhàu nát nói với anh – Anh nghĩ lại xem! Anh chỉ có một tháng mà đi về đã mất mười ngày rồi!

- Có khi một ngày còn quý hơn cả một năm - Pêtrốp cãi lại.

- À, nếu vậy thì... Nếu anh có những lý do đặc biệt để về đây – Ông bác sĩ lau bầu, thì tôi chỉ biết giơ tay. Tôi đồng ý.

Phải đi qua Mátxcova. Tàu đến Mátxcova lúc nửa đêm và sẽ rời Mátxcova đi Trung Á vào sáng sớm. Cả một đêm dài mệt nhọc đang chờ anh ở Mátxcova. Còn lâu tàu mới đến Mátxcova, Pêtrốp hồi hộp, ngay lúc vừa hoàng hôn khi con tàu toả khói lên những cánh rừng bạch dương, chạy trên đất Xmôlenxkơ. Ngoài cửa sổ, những nhà nghỉ tối om, những bãi tuyết và những khu vườn lạnh vùng Kuntxevo lướt nhanh trong bóng đêm. Sau đó hiện lên vùng sáng yếu ớt của bầu trời, đến Mátxcova tối mò và cuối cùng là sân ga Bêlôruxi về đêm tối tăm vang động trôi tới rồi dừng lại.

Elêna Pêtrôpna tắt đèn và kéo tấm rèm cửa. Hơi ẩm toả lên từ lò sưởi hơi nước. Đêm tối mò trải trên Mátxcova.

- Thế là lại về Mátxcova rồi. Lại xa cái vùng Trung Á - Elêna nói và lấy ngón tay ấn lên đôi mày. Chị thường làm như vậy mỗi khi suy nghĩ. Lại về với công việc quen thuộc, với bạn bè. Mọi chuyện lại như cũ. Còn muốn gì hơn nữa? - Vậy mình còn mong muốn điều gì hơn nữa? - Chị nhắc lại và im lặng

Một giọt lệ trào trong khoé mắt, chị không chùi đi mà cứ nhìn chăm chăm vào cửa sổ - Ánh sáng ở cột đèn ngoài ngã từ bóng trở nên sắc cạnh như những ngôi sao bằng kim tuyến trên cây Nôen - Giá mà biết được hạnh phúc bí ẩn là gì? Nó ở đâu? Khó mà sống mãi thui thủi một mình và nhìn thấy tất cả dù chỉ là đêm nay, và suy nghĩ về mọi điều, không mỉm cười với ai, không đặt tay lên vai ai và không bảo: “Anh xem, tuyết đang rơi kìa”

Máy điện thoại trên bàn thận trọng reo lên. Elêna Pêtrôpna cầm ống nghe. Giọng nói đàn ông yêu cầu gặp Masa.

- Masa không ở đây nữa - Elêna Pêtrôpna trả lời – Ai hỏi đấy?

- Vấn đề là... tôi không quen cô ấy - Giọng đàn ông trả lời sau một lát suy nghĩ. Nói tên tôi ra chả có ý nghĩa gì...

- Cũng kỳ đấy. – Êlêna Pêtrópna giễu cợt nói.

- Kỳ quá thật! - người đàn ông đồng ý – Tôi vừa ở mặt trận về.

- Anh muốn chuyển gì cho cô ấy chẳng? Anh ở chỗ anh cô ấy về chẳng? Anh ấy cũng ở ngoài mặt trận mà. - Không, tôi không biết anh cô ấy - người đàn ông trả lời và im bật.

- Làm thế nào bây giờ? Tôi đợi - Elêna Pêtrópna nói – Hay là bỏ ống nghe xuống.

- Hãy khoan đã - Giọng nói van lơn - Tôi đang ở Mátxcova đợi chuyển tàu. Tôi đang gọi điện từ sân ga Bêlôruxi. Không hiểu người ta có để cho tôi nói hết không. Bên máy có nhiều người đang đợi.

- Nếu vậy anh nói mau lên!

Elêna Pêtrópna đứng nghe bên cửa sổ. Chị nhú mào rồi mỉm cười, chìa tay ra cửa sổ - con mèo xám đang bám vào rèm cửa mắt tròn xoe; chị nói:

- Khẽ chứ! Mày làm gì thế! – Không, tôi không nói với anh mà nói với con mèo con. Chị bật cười, - Tôi đang nghe anh mà chẳng hiểu gì cả. Vâng, vâng! Quả là lạ lùng. Nhưng cũng có thể là điều hay... Tôi không biết... Tôi còn nhớ tất cả: nhà ga, đêm và gió. Chỉ không nhớ có anh thôi. Chẳng lẽ bằng vào giọng nói ư? Anh là một người kỳ lạ. Bao giờ tàu chạy? Tôi cũng chẳng biết nghĩ thế nào nữa... Tất nhiên, đáng tiếc đấy. Anh bị thương nặng ư? Ở đâu à? Ở ngoài ga anh sẽ mệt đến chết mất. Ban đêm anh không được đi lại ở Mátxcova đâu. Họ sẽ giữ lại đấy. Vâng tôi nghe đây – Anh nói đi.

Cuộc nói chuyện bỗng nhiên ngắt quãng. Elêna Pêtrópna chậm rãi buông ống nói.

- Có thể anh ấy sẽ gọi điện nữa. - Chị nói và ngồi xuống chiếc ghế dựa trên bàn, nhặt mẫu thuốc hút dở và rít mạnh.

Mười lăm phút, rồi nửa giờ trôi qua. Không có ai gọi điện cả. Đồng hồ điểm hai tiếng...

- Không, thế này thì không thể hiểu được! – Elêna Pêtrốpna nói to – Mình phát điên lên mất.

Chị lao lại phía cái tủ và mở tung nó ra. Con mèo phát hoảng chui xuống gầm đi-văng. Elêna Pêtrốpna nhanh nhẹn lấy chiếc áo dài đen, dốc lọ nước hoa. Con mèo ngồi ở dưới đi-văng đang thu mình rình chuột, móng vuốt xoè ra giỡn bắt khi thì dãi đặng ten khi thì chiếc mùi-xoa mỏng lất phất quanh nó. Nó thích trò chơi này mặc dầu nó nhăn mũi lại và còn hắt hơi về mùi hương lạ lùng của các vật lạ này. Khi Elêna Pêtrốpna ra khỏi nhà đồng hồ điểm ba giờ. Mátxcơva đang ngủ yên trong ánh sáng trắng của tuyết và những cây đèn.

Ở quảng trường Puskin, nhóm tuần tra giữ Elêna Pêtrốpna lại. Chị đưa họ xem giấy tờ và nói rằng chồng chị bị thương ở ngoài mặt trận đang qua Mátxcơva. Bây giờ anh ấy đang ở ga Bêlôruxi và chị cần phải được gặp anh ấy. Khi nói đến chữ “chồng” Elêna Pêtrốpna đỏ mặt lên, nhưng không chiến sĩ nào trông thấy điều đó. Các chiến sĩ thì thầm nói với nhau, sau đó người nhiều tuổi nói:

- Có thể chị nói thật – Nhưng Mátxcơva đang giờ thiết quân luật, chị ạ!

- Việc gấp quá - chị nói đầy thất vọng.

- Vấn đề là như vậy – người chiến sĩ nhiều tuổi nói – Giá chị có nhiều thì giờ thì nhất định chúng tôi cũng vẫn giữ chị lại. Đúng thế! Nào Xidôrốp – anh ta nói với người chiến sĩ thấp lùn – Hãy giữ chiếc xe kia lại!

Anh chiến sĩ chặn chiếc xe du lịch lại. Người có tuổi kiểm tra giấy tờ của người lái xe, nói gì đó với anh ta rồi quay sang Elêna Pêtrốpna:

- Chị ngồi vào đây! Xidôrốp đi với nữ công dân đến nhà ga. Để kiểm tra, - anh nói thêm và mỉm cười. – Và để chị khỏi bị giữ lại lần nữa.

Elêna Pêtrốpna nhanh nhẹn bước vào căn phòng xanh nhạt của nhà ga và lập tức chị thấy nghẹt thở. Chị tưởng như trái tim mình dừng lại. Nếu có thể, chị sẽ nhắm mắt lại, dựa vào tường đứng yên để lắng nghe một cái gì đang vang vọng từ xa xăm và rất mỏng manh có thể từ ngọn lửa chòm đèn nhà ga, có thể là ngay trong mạch máu thái dương chị.

Những con người mệt mỏi đang ngồi gục trên những ghế dài bằng gỗ. Ở chiếc ghế đằng xa có một sĩ quan gầy gò vẻ mặt nhọc mệt đang ngồi. Mắt trái anh cuốn lớp băng đen. Elêna Pêtrốpna lại gần anh và nói:

- Thế đấy...

Người sĩ quan nhanh nhẹn đứng dậy:

- Thế đấy... - Elêna Pêtrốpna nhắc lại và mỉm cười – Mà anh đúng hệt như tôi nghĩ.

Gian phòng như thụt xuống rồi quay tròn. Pêtrốp đỡ Elêna Pêtrốpna và đặt chị ngồi xuống chiếc ghế nơi anh chiến sĩ đang ngồi, bối rối kéo vội bọc quân trang để chị ngồi được thoải mái hơn.

Elêna Pêtrốpna nhìn gương mặt đầy lo lắng đáng yêu và hầu như hoàn toàn quen thuộc của Pêtrốp, khẽ hỏi:

- Anh có hiểu gì không?

- Không, - Pêtrốp trả lời. – Và có gì phải hiểu?

- Có lẽ đúng thế, không cần – Elêna Pêtrópna đồng ý và thở dài. - Tội nghiệp anh, em đã làm anh sợ. Tay anh lạnh cóng thế này. - Chị cầm bàn tay Pêtrốp và sưởi ấm nó giữa hai lòng bàn tay mình - Cái này là về lâu dài. - Chị nói như chính với mình. Pêtrốp yên lặng. Trong giọng nói của Elêna Pêtrópna có cả sự dịu dàng và sự lo âu như đêm tháng Chạp. Trên sân ga, khi gió từ sa mạc thổi về làm bay tuyết khô, Pêtrốp yên lặng, nhưng anh tưởng rằng anh đã nói hết với Elêna Pêtrópna.

... Thành phố Trung Á đón Pêtrốp với tuyết trắng và vừng mặt trời lồ lộ trên bầu trời xuân trong vắt. Tuyết phủ đầy trên các cành cây cổ thụ, trên hàng rào và cả đường dây điện thoại. Đường phố to rộng sáng chói như được xé ra từ những đống tuyết lấp lánh muôn vàn hình sao tuyết. Dãy núi Ala-Tau toả sáng về thành phố qua lớp băng xanh lam tinh khiết. Đôi khi đất lở trên triền núi và bụi trắng bốc mù lên. Những con la đứng đỉnh trên phố lắc lư đôi tai cứng lạnh. Nước óc ách trong các hố băng và những bông hoa đại cúc phủ đầy tuyết mịn, xoè nở trong các thửa vườn nhỏ như những bông hồng mùa đông khổng lồ. Pêtrốp hít thở say sưa không khí mùa đông thậm chí làm anh choáng váng. Pêtrốp ngạc nhiên nghĩ rằng thành phố này một năm trước đây tưởng chừng như âm đạm và dữ dội, giờ đây ký ức thô cứng của anh lại hé ra trong quá khứ những ngày tươi sáng, bầu trời trong trẻo, mùi lá mục và vẻ yên tĩnh của những khu vườn cổ xưa. Trước đây anh không nhận ra điều đó. Vì sao? Có thể vì anh chỉ có một mình và nhìn tất cả chỉ có một mình. Vì bên anh không có bàn tay ấm áp, không có đôi mắt tươi cười và giọng nói trầm ấm. Pêtrốp sống ở ngoài thành phố trong nhà an dưỡng giữa giá lạnh của tuyết với núi cao, nơi những ngôi sao tưởng chừng như đông cứng lại về đêm và bọc quanh lớp băng sắc nhọn.

Anh sống trong nỗi hội hộp lâng lâng không dứt. Sự hồi hộp càng tăng lên biến thành cảm giác của một niềm hạnh phúc hư ảo gần như không thể chịu đựng nổi, khi người ta mang đến cho anh một bức điện vồn vện vài chữ:

“Đón em, ngày 20”.

Sau bức điện tất cả chuyển động như một cơn lốc tuyết, làm loá mắt, ngạt thở, biến thế giới thành chiếc cầu vồng trắng.

Sân ga ban đêm; giá rét đôi môi yêu quý run rẩy, giọng nói của nàng, con đường về nhà nghi chạy len giữa rừng táo dại, tiếng thác đổ xuống những đám tuyết đầy bọt cùng cây rừng đổ nát.

Và vùng sáng xanh biếc của những vì sao mọc trên đỉnh núi nối đuôi nhau thành chuỗi dài vĩnh cửu lấp lánh. Cả không khí của sa mạc, của núi và mùa đông phả vào mặt họ ở chỗ ngoặt, khi họ dừng lại trong phút chốc để nhìn lên những dãy núi về đêm lấp lánh ánh sáng của những hạt tuyết rần mờ mờ. Và những lời của Elêna Pêtrôpna nói ra khe khẽ, gần như với sự tuyệt vọng:

- Điều này thật lâu, rất lâu... Cũng có thể là mãi mãi.

CÂY TƯỜNG VI

Đêm, sương mù chìm lên mặt sông, con tàu không thể đi được nữa vì qua màn sương không còn nhìn thấy đâu là phù tiêu, đâu là đèn hiệu.

Tàu ghé mũi vào một mạn bờ dốc và tắt máy, chỉ còn nghe thấy tiếng cầu treo vừa quăng lên bờ kéo kẹt nhịp nhàng, những người thủy thủ xuống bờ theo nhịp cầu này kéo dây neo ở đầu mũi tàu lên để cột vào một cây liễu già trên bờ.

Masa Klimova chợt tỉnh giấc lúc nửa đêm. Bốn bề lặng lẽ đến nỗi cô không nghe thấy rõ ràng tiếng ngáy của một hành khách trong một căn buồng ở tận đằng xa. Masa ngồi trên giường ngủ. Qua khung cửa sổ mở ngỏ không khí tươi mát đưa vào mùi lá liễu dịu ngọt. Những bụi cây mờ mờ trong sương, rạp xuống trên boong tàu. Masa có cảm tưởng như con tàu không rõ vì sao bỗng đứng mọc lên giữa mặt đất, giữa những bụi cây rậm rạp. Rồi sau nghe tiếng nước róc rách nhẹ nhàng cô đoán ra rằng con tàu dừng lại ở bên bờ sông.

Trong bụi cây một âm thanh vang lên riu rít rồi ngừng bật. Một lát sau lại vang lên rồi lại tắt ngay. Hình như một người nào đó muốn thử thách cái yên tĩnh và độ nhạy cảm âm vang của đêm khuya. Thế rồi những âm thanh chuyển thành tiếng huýt gió ngắn gọn. Và đáp lại tiếng huýt ấy, lập tức hàng chục giọng chim cất vang lên và bất thần tiếng hót của bầy chim họa mi bỗng rộ lên, bát ngát lướt đi trên các lùm cây.

- Nghe thấy không, Egorop? - Tiếng một người có lẽ ở bên trên cầu chỉ huy hỏi xuống.

- Một cuộc đua tiếng của họa mi như vậy ngay cả ở Sechna cũng chưa từng có bao giờ! - Một giọng khàn khàn từ phía dưới trả lời lên.

Masa mỉm cười. Cô chìa đôi bàn tay ra phía trước. Đôi tay cô đen sạm lại trong bóng đêm mờ nhạt, chỉ có những móng tay lấp lánh trắng ở đầu ngón.

- Không hiểu tại sao mình lại buồn thế này nhỉ? - Masa cau mày tự hỏi khe khẽ, - có lẽ tại mình đang chờ đợi một cái gì chẳng? Mà chờ gì, chính mình cũng không biết nữa.

Masa chợt nhớ rằng bà của cô vẫn thường nói với cô về cái buồn khó hiểu ở lứa tuổi thiếu nữ.

- Toàn chuyện tầm bậy thôi! - Cô tự bảo - Mình chả tin cái nỗi buồn thiếu nữ vớ vẩn ấy và vì thế mình mới có vẻ lo sợ ít nhiều đấy thôi mà.

Masa vừa tốt nghiệp đại học lâm nghiệp ở Leningrat và cô đang đi về vùng hạ lưu sông Vônga để trồng rừng cho một nông trường.

Rõ ràng là Masa đã tự dối mình khi cô nói chỉ thoáng lo sợ ít nhiều thôi. Thực ra thì cô sợ quá đi là đằng khác. Masa hình dung thấy mình đã tới khu vực làm việc như thế nào và ông phụ trách chắc chắn phải là một người cau có, bụi đầy người, mặc chiếc áo vét đen tui doãng cả ra, nhìn chăm chăm vào mặt cô, cái nhìn ấy sẽ dừng lại trên đôi mắt xám của cô (theo Masa thì mắt cô hệt như quả bi bằng thiếc), dừng lại trên những bím tóc của cô và ông ta sẽ nói một mình: "Khéo chưa! Những cô ả tóc tết đuôi sam! Ở đây chỉ còn thiếu cái thứ ấy nữa thôi! Hẳn là rồi đây, chị chàng sẽ lôi sách vở ra bằng hết cho mà xem. Chúng tôi còn phải lo nhiều chuyện khác kia, khi gió hanh từ Axtrakhan thổi tới thì cô bạn thân mến ời, sách vở của cô ở đây không ích lợi gì cho cô lắm đâu".

Nhưng, trong chuyến đi dài này, cô đã dần dần quen đi với cái ý nghĩ rằng người phụ trách cô sẽ là một người cau có, mặc áo vét đen, rồi cuối cùng cô không thấy sợ ông ta nữa. Tuy nỗi buồn của cô vẫn chưa dứt.

Masa không biết rằng đây không hẳn là cái buồn, mà là một cảm giác chưa có tên gọi đích xác: cái cảm giác lòng ta se lại trước một tương lai chưa biết rõ, trước vẻ đẹp giản dị của đất, của nước, của những đêm sâu thăm thẳm và tiếng lá liễu rì rào bên sông.

Masa vẫn không tài nào ngủ được. Cô mặc áo vào và lên boong tàu. Sương đêm phủ đầy mọi vật: từ tay vịn cầu thang, lan can tàu có chấn song sắt đến ghế dài và những chiếc ghế mây.

Có tiếng nói chuyện lầm rầm từ khoang lái đằng sau vọng tới. Một anh chàng thuỷ thủ trẻ đang kể chuyện...

- Tớ mới bảo ông lão thế này: "Bố già ơi, bố để lại một tí cho con hút nhờ với chứ". Ông lão bèn đưa mẩu thuốc còn lại cho tớ. Tớ nuốt một hơi rồi lại nói với cụ: "Này bố già, vậy chứ ban đêm bố làm gì ở ngoài đồng thế?" "Lão canh bình minh", ông lão trả lời vậy rồi cười phá lên. "Có thể đó là buổi bình minh cuối cùng lão được chứng kiến ở trên đời. Điều này chú không hiểu nổi đâu, chú còn trẻ lắm!"

Đám thuỷ thủ im không nói nữa. Chim họa mi lại cất cao tiếng hót trong những rặng cây.

Masa tì tay lên thành cầu. Xa xa trong tăm tối những con gà trống đã cất tiếng gáy. Ở đằng kia, phía sau màn sương mù, chắc hẳn là một làng quê.

"Gà gáy canh một hay canh hai đấy nhỉ?" Masa suy nghĩ mà cũng không biết được gà gáy lần thứ nhất và lần thứ hai là mấy giờ. Cô đã đọc hàng chục cuốn sách nói về điều đó, nhưng cô đã quên mất cả rồi.

Bà của Masa, vợ goá một thuyền trưởng chuyên chạy đường sông đã thuyết phục Masa nên đi tàu thuỷ. Masa hài lòng là đã nghe lời khuyên của bà. Sau khi đi theo sông Nêva với dòng nước xanh thăm gần ngả sang màu đen, con tàu đã xuyên qua hồ Lagoda, và Masa lần đầu tiên đã nhìn thấy

nước hồ xám xám và những ngọn hải đăng đá trên những mũi đất thấp trên hồ. Cô đã được thấy con sông Xviro hung dữ, những cửa sông ngăn nước trên sông đào Mariinxki, những bờ sông phủ đầy những bụi rậm nhỏ và những cây mộc tặc; và tất nhiên là thấy cả những chú bé đứng trên bến tàu tay cầm những chiếc cần câu cong queo câu cá chép, vẻ mặt trầm ngâm.

Hành khách thay nhau lên xuống tàu; Masa thấy mỗi người đều có một vẻ hay hay. Tới Bêloderxco, một phi công trẻ tuổi mái tóc đã trắng bạc bước xuống tàu. Có lẽ anh ta vừa về Bêloderxco, nghỉ ở nhà mẹ; mẹ anh là một bà cụ người nhỏ bé, mảnh khảnh, mặc áo vải hoa màu xám; bà lão tiễn chân con ra tàu và đứng khóc thút thít ở trên bến. Anh phi công đứng trên boong tàu nói với mẹ:

- Mẹ đừng quên, mẹ nhé: con đã móc con cá con câu được ở sau cầu thang nhỏ trong hầm nhà kho ấy. Mẹ cho con mè Vaxca một con cá rô nhé!

- Mẹ sẽ không quên đâu, Pasa ạ, không quên đâu - bà mẹ gật đầu nói vậy, đưa chiếc mùi xoa vo tròn lên lau mắt.

Anh phi công vừa mỉm cười vừa nói đùa, nhưng anh vẫn không rời mắt nhìn bà cụ và má anh cứ giật giật hoài.

Sau đó một đoàn diễn viên lên tàu. Họ trở tài ăn nói làm ầm ĩ cả lên. Và trong nháy mắt đã làm quen với tất cả các hành khách trên tàu. Chiếc dương cầm kê trong phòng khách đã ướt đẫm vì sương, nay lại suốt ngày vang lên không một phút nào ngơi.

Một ca sĩ có tuổi, dáng linh lợi, mặt choắt lại, hát nhiều hơn tất cả những người khác. Masa kinh ngạc nghe bác ta hát. Chưa bao giờ cô được nghe những bài hát như vậy. Nhất là một ca khúc Balan, bác ta nhắc đi nhắc lại luôn. Bài hát kể lại một anh ăn trộm si tình, không đánh cắp nổi cho người yêu một ngôi sao trên bầu trời đêm, nên đã bị nàng xua đuổi.

Mỗi lần chơi xong bài đó, bác diễn viên đập nắp dương cầm lại và nói:

- Ngụ ý của bài hát này thật rõ ràng. Hãy rộng lượng với những kẻ yếu. Xin đừng tranh cãi! Ý kiến chính xác đấy!

Rồi bác ta sửa lại ngay ngắn chiếc cà vạt đen, ngồi vào bàn gọi bia và món cá vòbôla ưa thích của bác ta.

Đến Tserepovetx thêm một tốp sinh viên khoa kiến trúc xuống tàu. Họ từ tu viện Kirinlo-Bêloderxco trở về Mátxcơva, họ đến tu viện này để đo đạc và vẽ phác họa sơ đồ các công trình kiến trúc cổ. Suốt chuyến đi trên tàu, mấy anh sinh viên cứ thảo luận mãi về những hòn đá chạm trổ, về những vòm nhà thờ, về Andrey Rublev⁷ về những ngôi nhà chọc trời ở Mátxcơva. Nghe họ nói chuyện Masa chỉ đỏ mặt lên vì sự dốt nát của mình về vấn đề này.

Sau khi những chàng sinh viên này xuất hiện, nhà danh ca có tuổi trở nên bớt âm ỉ hơn, không hát bài ca Balan về gã ăn trộm nữa và suốt ngày ngồi ở trên boong cũi đọc cuốn sách "Đời tôi trong nghệ thuật" của Stanilapsky⁸. Bác ta phải đeo kính để đọc sách và mặt bác bỗng già đi và có vẻ hiền lành ra. Đến lúc ấy Masa mới thấy rõ rằng tất cả những tràng thuyết lý huênh hoang của bác ta chỉ là kết quả của một thói quen nhà nghề lâu đời và con người ấy tốt hơn cái vẻ cố làm ra bộ của bác ta nhiều lắm.

Giờ này, các hành khách, anh phi công, nhà danh ca và đám sinh viên đều đã ngủ yên. Một mình Masa ở trên boong tàu, lắng tai nghe những tiếng động ban đêm và cố gắng đoán ra đó là những tiếng gì.

Một tiếng âm ì xa xa vẳng lên trong bầu trời, rồi từ từ tắt dần. Có lẽ trên lớp sương mù một chiếc máy bay bay đêm vừa đi qua. Một con cá quẫy mạnh ở gần bờ, rồi từ ở đâu xa xa tiếng tù và mục đồng nổi lên. Tiếng tù và vang đến từ rất xa đến nỗi đầu tiên Masa không hiểu những tiếng ngân dài và du dương đó là tiếng gì.

Có ai quẹt một que diêm đặng sau Masa. Cô quay lại. Anh phi công đứng sau lưng cô châm thuốc hút. Anh vứt que diêm xuống nước: nó từ từ rơi qua làn sương mù với một đốm lửa bao ngoài một lớp hơi lung linh màu cầu vồng.

- Những con chim họa mi không còn cho ai ngủ nữa, - anh phi công nói.

Không nhìn anh, Masa cũng đoán là anh mỉm cười trong bóng tối. Thật y như bài hát "họa mi ơi, đừng quấy rầy những người lính, hãy để cho anh lính được ngủ yên..."

- Tôi chưa bao giờ được nghe họa mi hát như thế này. - Masa nói.

- Chị hãy đi đây đi đó một chút trong liên bang xem, chị sẽ biết nhiều điều thú vị hơn thế nữa. - Anh phi công trả lời. - Thật là một đất nước có một không hai, cả trong mơ cũng không thấy được nơi nào như vậy.

- Có lẽ đó là vì anh thường bay trên trời, - cô gái nói, - và dưới cánh máy bay, cảnh vật trên mặt đất luôn luôn biến đổi.

- Tôi không nghĩ thế, - anh phi công trả lời. Yên lặng một hồi lâu, cuối cùng anh nói: - Trời hửng sáng rồi. Nền trời phương Đông đã trở nên xanh nhạt. Chị về đâu?

- Về Camusin.

- Tôi biết vùng ấy. Một thành phố trên sông Vonga. Nóng bức, nhiều dưa hấu, lắm cà chua...

- Thế còn anh?

- Xa hơn nữa kia, - anh trả lời.

Anh đứng tì tay vào thành tàu và ngắm cảnh rặng đông vừa ló. Lúc này tiếng tù và đã ngân lên và gần hơn. Trời nổi gió. Màn sương mù lay động và gió cuốn trôi đi từng mảng trên mặt sông. Những bờ bụi hiện ra, ướt đẫm sương đêm và ở giữa nhô lên một túp lều mái lợp bằng những cành liễu kết lại với nhau. Bên cạnh là một môi lửa bốc khói nghi ngút.

Masa cũng đứng ngắm bình minh. Trên nền chân trời vàng, ánh ngôi sao cuối cùng lấp lánh sáng như một giọt bạc.

"Bắt đầu từ hôm nay - Masa tự nhủ - mình sẽ sống khác hẳn. Từ trước đến nay, mình chả nhận xét được gì cả. Từ giờ trở đi mình sẽ để ý, ghi nhớ tất cả và sẽ giữ lại mãi trong lòng".

Anh phi công quay lại phía Masa. – “Cô gái lại tư lự gì rồi” - anh nghĩ bụng. Anh quay mặt đi rồi lại ngó Masa lần nữa.

Anh nhớ đến một câu trong cuốn tiểu thuyết đã đọc từ lâu: "Trên đời không có gì đẹp hơn cặp mắt của trẻ em và các cô thiếu nữ vào lúc ban mai. Trong những cặp mắt đó, đêm vẫn còn sẫm bóng nhưng ánh nắng sớm đã ngời lên".

"Câu ấy cũng không đến nỗi ngớ ngẩn lắm", - anh phi công nghĩ vậy.

Ông thuyền phó, một người có bộ mặt dầu dãi phong sương, mặc áo choàng bằng vải bạt, từ trên đài chỉ huy chạy xuống.

- Cô không ngủ à? - Ông ta vui vẻ nói với Masa. Một giờ sau tàu mới nhổ neo. Cô có thể lên bờ dạo chơi một lát.

- Có lẽ tôi xuống chơi thật, - Masa vừa nói vừa quay lại phía anh phi công, - tôi sẽ hái một ít hoa luôn thể.

- Được lắm, ta cùng đi.

Họ đi qua cái cầu treo rung rinh bước xuống bờ sông. Một ông già từ trong lều chui ra; đây hẳn là ông cụ thức đêm không ngủ để rình xem bình minh. Ngay lúc đó mặt trời đã nhô khỏi đám sương mù. Cỏ mọc xung quanh xanh thẫm như mặt nước lặng lẽ và sâu thẳm. Giá lạnh buổi đêm toát từ đám cỏ.

- Bố làm gì đấy, bố già? - Anh phi công hỏi.

- Lão làm nghề đan lát, - ông lão trả lời với nụ cười ngượng ngáp. - Lão cứ thủng thỉnh đan cái đơm cái đó, đan giỏ đựng khoai tây cho nông trường. Thế còn anh chị, lại đi xem cánh đồng đấy hẳn?

- Dạ vâng, chúng cháu cũng muốn thăm cảnh đồng quê một chút.

- Sao mà cô cậu vội vàng thế, - ông già vừa nói vừa cười. - Lão đã ở bảy mươi năm trên cánh đồng này rồi thế mà lão vẫn chưa kịp xem cho hết đấy. Các cháu cứ theo con đường mòn này đến tận cây bạch dương già đằng kia kìa. Nhưng chớ có đi xa hơn. Ở đấy cỏ mọc cao hơn đầu người; sương sẽ trút xuống, quần áo cứ gọi là hong đến tận tối vẫn chưa khô đâu. Cái thứ sương ấy, có thể hứng đầy hàng bình mà đem uống được...

- Bác đã uống sương rồi à? - Anh phi công hỏi.

- Tất nhiên rồi! Cái ấy bổ lắm.

Masa và anh phi công thông thả đi theo con đường nhỏ. Masa đi đến tận chỗ con đường vòng quanh một cây cội dương đã héo khô thì dừng lại.

Hai bên đường, những cây tường vi mọc cao lút thành một bức tường dựng đứng. Hoa tường vi nở còn ướt át, đỏ rực như những ngọn lửa, đến nỗi những tia nắng nằm trên vùng lá bên những bông hoa tường vi cũng trở nên lạnh lẽo và nhợt nhạt hơn. Tường như những đoá hoa tường vi đó đã vĩnh viễn đứt lìa khỏi những cành đầy gai góc và lơ lửng trên không như

những ngọn lửa nhỏ rực rỡ. Trong rặng tường vi, những con ong vàng vắn đen cần mẫn bay vo vo.

- Những chàng hiệp sĩ Xanh-Giooc, - anh phi công nói.

Thực vậy, trông bầu ong giống như những dải băng ngắn của những chiếc mề đay Xanh-Gioóc ngày xưa. Và bọn ong này cũng dũng cảm như những chàng chiến sĩ dạn dày chiến trận, chúng chẳng sợ người, lại còn sẵn sàng gây gỗ với người nữa.

Từng quăng một, những bụi tường vi lại cắt quăng bằng những bụi hoa cựa gà nở rộ chĩa lên những bông hoa hình nến màu xanh sẫm gần như màu đen. Phía sau, cỏ và hoa đủ các loại khác nhau mọc lên, quần quít vào nhau, lấp một khu vườn um tùm trăm hồng nghìn tía: xa trục thảo đỏ và trắng, hoa hồng tử thái, hoa cẩm quỳ đại, ánh sáng rọi vào cánh hoa trong suốt hồng lên, hoa cúc trắng như tuyết và trăm thứ hoa khác mà Masa và anh phi công không biết tên là gì.

Những con cun cú thành phách vụt bay lên từ dưới chân. Một con gà nước núp dưới cái hốc ẩm ướt của một thân cây đã chết, cất tiếng kêu cùng cụ, nhạo báng tất cả mọi chuyện trên đời. Đàn sơn ca run rẩy bay lên không, nhưng tiếng hót của chúng lại không từ nơi chúng đang bay lên mà như từ phía sông đưa lại. Còi tàu lên giọng cụt lủn rồi rú lên thật to, gọi Masa và anh phi công trở về.

- Biết làm thế nào nữa chứ? - Masa bối rối nhìn đám hoa. - Làm thế nào bây giờ?

Cô dùng cả hai bàn tay vợ vội từng ôm hoa. Tiếng còi tàu rú lên, lần này có vẻ sốt ruột và bức dọc.

- Cái gì vậy? - Masa tức giận nhắc lại; và quay đầu về phía đám khói đang từ ống khói tàu bay lên trên đám sương mù, cô kêu to: "Về ngay đây!"

Chúng tôi về ngay đây mà!"

Họ đi nhanh về phía tàu thủy. Áo váy của Masa ướt đẫm sương, lết quết đập vào chân cô. Đôi bím tóc búi lại đằng sau gáy đã tuột ra và rớt xuống lưng. Anh phi công đi đằng sau cô gái. Vừa đi anh còn lấy dao cắt được vài cành hoa tường vi; toán thủy thủ đang đợi họ để kéo cầu, liếc mắt nhìn bó hoa. Trong đám người ấy, có tiếng nói:

- Việc làm hay đấy! Đến hết cả hoa ở cánh đồng mất. Nào, Xê-mion, làm một mạch đi!

Người thuyền phó đứng bên trên nói lớn:

- Đem hoa vào phòng khách cho tất cả mọi người cùng hưởng với. - Rồi ông cầm chiếc loa ra lệnh: - Đi nào! Từ từ thôi!

Những chiếc bánh lái nặng nề quay, chân vịt khuấy nước sùi bọt và bờ sông xa dần trong tiếng lá xào xạc.

Masa cảm thấy bịn rịn phải xa cái bờ sông này, với cánh đồng hoa, với mái lều và ông già đan lát nọ. Tất cả cảnh vật ở đây trở nên thân thuộc với cô hệt như cô đã lớn lên ở đây, và ông lão kia là người đã nuôi nấng, dạy dỗ cô.

"Thật lạ lùng, - Masa vừa nghĩ vừa bước chân lên cầu thang dẫn đến buồng khách. - Mà mình có biết đây là đâu, thuộc trấn nào vùng nào và mình đang ở gần thành phố nào đâu."

Buồng khách lạnh lẽo và rất sạch. Mặt trời chưa kịp sưởi ấm những bức tường gỗ nhẵn bóng, những chiếc bàn nhỏ và chiếc dương cầm bằng gỗ bồ đào.

Masa sắp lại mớ hoa để cắm vào cái bình. Anh phi công mang từ chỗ cầu giá lên một xô nước lạnh.

- Ở Bêloderxco, mẹ tôi có một khu vườn - anh vừa nói vừa giúp Masa cắm hoa - Vườn nhỏ thôi, nhưng cơ man nào là hoa. Nhất là hoa cúc vạn thọ.

- Ở Bêloderxco, chắc anh đã nghỉ ngơi thoải mái chứ? - Masa hỏi.

- Cũng khá. Tôi đọc sách và sửa sang lại cuộc đời mình. Ở Bêloderxco còn biết làm gì khác nữa?

- Thế nào? "Sửa sang" là thế nào? - Masa ngạc nhiên hỏi lại.

- Tôi đã ghi chép tất cả những gì tôi trông thấy, làm được và suy nghĩ được. Thế rồi tôi kiểm lại xem tôi sống đã đúng chưa, tôi đã làm lẩn những gì; tôi soát lại xem trong thời gian gần đây cuộc đời đã mang lại cho tôi những gì?

- Và rồi sao nữa? - Masa hỏi.

- Từ nay, quá khứ thế là rõ ràng, - anh phi công trả lời. - Tôi lại có thể sống tiếp với một đầu óc trong sáng.

- Tôi quả không ngờ ở đời lại có những việc như thế đấy, - Masa thì thầm và chăm chú nhìn anh phi công.

- Chị cứ thử xem, - anh mỉm cười khuyên Masa. - Chị sẽ ngạc nhiên thấy cuộc sống của mình tràn đầy đến thế!

- Hoan hô! - Một tiếng nói quen thuộc vang lên đằng sau Masa. Cô quay lại.

Nhà danh ca già đứng trên ngưỡng cửa, mặc bộ quần áo ngủ màu xanh lơ, mép trong ống tay áo lật lên màu nâu nâu, với chiếc khăn bông vắt lên vai.

- Hoan hô! - Bác ta nhắc lại. - Tôi rất thích những cuộc trò chuyện buổi sáng. Sáng dậy những ý nghĩ của ta cũng sạch sẽ như bàn tay ta vừa rửa.

- Xin bác thôi đi cho, - anh phi công nhăn mặt nói, có vẻ không bằng lòng.

- Phải, toàn những chuyện vợ vắn cả! - Người diễn viên nói. - Anh đừng giận nhé. Tôi vô tình nghe lỏm câu chuyện của các bạn và tôi muốn góp vào một đôi câu, một chân lý không thể nào chối cãi được, cái chân lý tôi chỉ vừa mới hiểu ra đấy.

- Cái chân lý vĩ đại đó thế nào? - Anh phi công hỏi.

- "Tôi không ưa giọng mỉa mai của anh đâu" - bác diễn viên cố tình đọc câu thơ bằng một giọng ấp úng của một chàng ngâm thơ tồi. Bác nói tiếp - Một chân lý rất giản đơn: mỗi ngày trong đời đều có một cái gì tốt lành. Và cả thi vị nữa. Và mỗi khi ta sửa sang lại cuộc đời mình, như anh vừa nói, thì bất giác, ta hay nhớ đến cái nội dung thơ mộng và thông tuệ ấy của nó. Thật tuyệt diệu! Và lạ lùng làm sao. Tất cả chung quanh ta đều tràn đầy thơ. Hãy tìm cho ra nguồn thơ ấy! Đấy là lời chúc già lão của tôi cho các bạn tới muôn đời! Xin đừng có cãi lại! Chấm hết!

Bác diễn viên cười và bước đi, Masa bỗng trở nên tư lự, lòng thầm nghĩ rằng mọi vật quanh cô quả thật rất bình thường, nhưng cũng rất kỳ lạ. Ở Leningrat, ở trường đại học, điều đó không biểu lộ ra rõ rệt như trong chuyến đi này. Có lẽ đây chính là cái chất thơ bấy lâu vẫn bị che lấp đi, nay mới mở ra trước mắt, cái chất thơ chứa đựng trong từng ngày của cuộc sống.

Hết ngày lại ngày gió thổi trên sông Vônga. Từng luồng hơi xanh xanh lan đi như những làn sóng trong vạt trên suốt mặt sông và dọc sườn tàu. Masa có cảm hứng như làn gió kia vừa đùa giỡn vừa lần lượt cuốn trôi theo

tất cả những ngày hè đẹp đẽ này. Và khi chiều đến gió lại dịu dần. Nước sông Vônga trôi đi trong màn đêm kéo dài.

Chỉ còn những ánh đèn của con tàu như đứt ra từ trong bóng đêm ấy một vòng tròn nhỏ trên mặt nước được chiếu sáng.

Masa cảm thấy sung sướng, nhưng đôi lúc lại vẫn thấy buồn. Cô không sao làm quen được với cái ý nghĩ là cuộc đời mới của mình đã bắt đầu một cánh tốt đẹp như thế, một ngày kia lại có thể đổi khác đi được.

Đến Camusin, Masa xuống tàu. Cơn gió kéo đến dâng lên một lớp sương mù vàng vàng trên mặt sông Vonga.

Anh phi công và bác ca sĩ già tiễn Masa lên bến.

Masa bối rối từ biệt anh phi công.

Anh phi công không biết nói gì, trở lên tàu và dừng lại ở trên boong; từ chỗ đó anh nhìn xuống chỗ bác diễn viên đang chia tay với Masa.

Bác ca sĩ ngả mũ ra, nắm lấy tay Masa trong tay mình và đưa cặp mắt nhăn nheo đang cười, dăm dăm nhìn cô.

- Cô sẽ hạnh phúc, - bác ta nói - Nhưng hạnh phúc của tôi còn lớn hơn. Bởi tôi đã già rồi.

- Bác nói gì vậy? - Masa hỏi.

- Cô không thể hiểu được cái niềm hạnh phúc của người không còn trẻ nữa. - Bác diễn viên nói một cách văn hoa. - Cái hạnh phúc được nhìn thấy những giọt nước mắt của nàng Đexdemon⁹ yêu kẻ khác.

Bác buông tay Masa ra và đi giật lùi về phía cầu treo, đầu vẫn để trần. Còi tàu rúc lên lần thứ ba và tàu mở máy chạy.

Gió từ sông thổi vào mặt Masa mang tới mùi dầu hoả. Một ông già nhỏ bé có bộ ria bạc trắng, xoắn xuýt quanh Masa và nhắc khẽ: "Cô để tôi mang hành lý cho cô nhé!". Nhưng cô không nghe thấy tiếng cụ. Thấy vậy ông già nhỏ bé lảng ngời sang một chiếc ghế gỗ dài, thận trọng châm một điếu thuốc lá đợi cho Masa bớt xúc động.

Cách một ngày sau Masa đã sống xa Camusin trong một toa tàu nhỏ lưu động đỗ ở trong thảo nguyên, gần một cái đầm có bờ đất sét trơ trụi bao quanh. Toa tàu nhỏ này được mệnh danh là văn phòng nơi trú ngụ của các nhân viên ở khu vực gây rừng của nông trường.

Người phụ trách khu vực không mang bộ quần áo phủ đầy bụi và mặt mày cũng không cau có, ngược lại là một người hoạt bát và thích pha trò. Nhưng không khí ở khu vực này từ ngày Masa đặt chân tới đã không bình lặng chút nào. Ai nấy đều lo lắng. Những hạt dẻ vừa nhận để gieo liệu nó mọc lên được không? Sắp đến mùa gió khô từ phía đông nam thổi tới; và một lớp sương mù óng ánh như thủy tinh đã thấy trải dài bên kia sông. Ai nấy đều luôn miệng nhắc tới cái đám đất muối, thứ rêu độc của thảo nguyên, thứ đất sét vàng lấp lánh muối vụn, kẻ thù vĩnh cửu và nguy hiểm đối với rừng cây non mới trồng.

Theo lời khuyên của anh phi công, bữa trước Masa đã thử rà soát lại cuộc đời mình, và nhận ra rằng đời cô đã chia ra làm ba giai đoạn rất rõ: thời kỳ ở Leningrat, chuyến đi trên tàu thủy và những ngày làm việc trong thảo nguyên vùng Vonga này. Mỗi giai đoạn đều có chuyện tốt lành, và theo như bác diễn viên, đều có cái thi vị của nó.

Ở Leningrat, có căn buồng của bà cô, nơi cô thường ngắm cảnh mặt trời lặn trên sông Lakhota, những bạn gái, học viện, sách vở, rap hát và các khu vườn. Trong chuyến đi, lần đầu tiên Masa hiểu được cái duyên dáng của cuộc gặp gỡ thoáng qua nhưng để lại một dư âm thăm thẳm trong tâm hồn và vẻ đẹp nên thơ của vùng đất phóng khoáng của nước Nga ở ven những

bờ sông. Còn đây, trên thảo nguyên này, cô hiểu được ý nghĩa lớn lao và sức mạnh của công việc cô đang làm.

Và đâu đó, tận đáy con tim vẫn lưu lại cái kỷ niệm về anh phi công nọ. Cô vẫn nhớ nụ cười gượng gạo của anh khi anh oán trách lũ chim họa mi, và cặp mắt anh nhìn cô ở Casumin, từ trên boong tàu và má anh bỗng giật giật như khi ở bến Bêloderxco. Một con người đi ngang qua cuộc đời và thật là đáng tiếc...

Masa nghĩ luôn đến chuyến đi vừa qua của cô, đến nỗi có lần cô nằm mê thấy cuộc đời ấy trở lại. Những bụi cây tường vi sum suê ướt đẫm sương đêm. Trời hoàng hôn. Trăng non dịu dàng giống như chiếc lưỡi liềm bạc của một cô thợ gặt nào đó bỏ quên, trên nền bức rèm xanh biếc nhạt của đêm khuya. Cảnh vật tĩnh mịch và lòng nhẹ lâng lâng đến nỗi Masa cười thành tiếng ngay trong giấc ngủ.

Dải rừng vừa ươm như một con sông cạn xanh nhờ nhờ lao qua các đỉnh núi cao và xuôi xuống những vùng thảo nguyên khô cằn nơi bụi đỏ cuốn làm lên từng đám trên những con đường lớn. Công việc đang dồn dập. Cần phải xới xia lớp keo vào đấy. Masa đã làm tất cả những việc đó với một sự chu đáo đặc biệt, có thể nói với cả một miền trù mẫn đối với những mầm cây non nớt này.

Masa đen cháy đi. Những bím tóc của cô bạc nắng mặt trời. Bây giờ cô đã giống như một cô gái thực thụ của đồng cỏ. Áo cô, đôi bàn tay cô, mọi vật quanh cô đều toát ra mùi cây ngải cứu. Mùi ngải cứu bốc lên từ đám lông xù của con chó Nardan chuyên canh gác toa tàu khi mọi người đi làm ngoài thảo nguyên.

Con Nardan cùng gác nhà với Xtiopa, một thằng bé lên bảy tuổi, con trai người phụ trách khu vực. Người và chó cả ngày cùng ở dưới bóng râm của toa tàu, nghe tiếng gió khô đập vào một cây táo đại cong queo; mỗi đợt

gió lại làm cho thân cây kêu choang choang âm ã như thể đúc bằng đồng đen vậy.

Đến mùa hạ đám cây non bị lũ chuột nhảy đến tấn công. Chúng khoét lỗ ở gần những cây sồi nhỏ và xuống dầm mình trong lớp bụi để rũ sạch những con bọ chó. Người ta đã gọi một chiếc máy bay "làm vườn" từ Xtalingrat tới để thả lúa mạch tẩm thuốc độc xuống những cánh rừng mới ươm này.

Một buổi chiều trong khi Xtiopa đang ngồi cạnh toa xe, con Nardan bỗng ngẩng đầu lên và cất tiếng gầm gừ. Là là trên đồng cỏ một chiếc máy bay nhỏ từ phía mặt trời đang bay lại với tiếng động cơ nổ chậm chạp và lười nhác.

Chiếc máy bay bay qua phía trên toa tàu, quay ngoắt lại và hạ cánh trên bãi ngải cứu, chạy lẩn đi vài thước rồi đỗ lại.

Người phi công từ buồng máy nhảy xuống, bỏ mũ phi công ra và đi về phía toa tàu nhỏ. Anh phi công còn trẻ, nhưng tóc mai đã bạc trắng. Trên ngực anh phi công, Xtiopa thấy hai hàng cuống huân chương.

Con Nardan đáng lẽ phải sửa lên, lại chúi đầu vào gầm toa xe gừ gừ sẽ trong cuống họng.

- Chào chú bé! - Anh phi công nói. Anh ngồi xuống bên bậc lên xuống của toa xe bên cạnh Xtiopa và châm một điếu thuốc lá. - Có phải đây là khu vực số 15 không?

- Vâng! - Xtiopa rụt rè trả lời. - Chú đến chỗ chúng cháu à?

- Ừ, đến với anh em ở đây, - anh phi công trả lời. - Chú đến tiểu trừ chuột nhảy.

- Chú được nhiều huân chương mà lại phải đến đánh nhau với bọn chuột nhắt ở đây à? - Xtiopa nghĩ một lúc rồi hỏi lại như vậy. - Ở đây cứ nghĩ là người ta sẽ cử đến một học sinh trường hàng không.

- Tự chú muốn được đến đây, bé ạ. - anh phi công trả lời và đưa tay vuốt tóc Xtiopa. - Cô Masa Klimova có làm việc ở đây không?

- Có, - Xtiopa hấp háy mắt trả lời. - Thế thì làm sao hả chú?

- Thế cô ấy đâu?

- Kia, ở trong rừng kia kia. - Xtiopa chỉ đám cây non mới trồng.

- Quả là rừng thật! - Anh phi công vừa nói vừa cười rồi đi thẳng về phía những hàng cây non, không hề quay đầu lại. Xtiopa đưa mắt nhìn theo chú phi công. Chiều đã xuống không thấy gì trên đồng cỏ nữa, nhưng Xtiopa vẫn nhìn thấy cô Masa đang từ thảo nguyên trở về. Chú phi công bước nhanh đón cô, nhưng cô Masa chưa đi đến chỗ chú phi công đã ngồi thụp xuống đất và lấy hai tay bưng lấy mặt.

Trời đã tối hẳn. Một ngôi sao thảo nguyên lang thang, đứng cao tít trên vòm trời lồng lộng, lấp lánh sáng le lé nhìn xuống làn nước hồn đen ngòm.

"Tại sao cô Masa lại lấy tay ôm lấy mặt thế?" Xtiopa tự hỏi, và chú bé lặp lại câu nói của bố vẫn thường đùa cô Masa.

- Cái cô Masa này đến là kỳ quặc!

Còn con Nardan, nó vẫn nằm dưới gầm xe và suốt đêm cứ nhìn chiếc máy bay đang bình yên ngủ trong mấy bụi gai cứu mà gầm gừ khe khẽ.

MỘNG QUỲNH dịch

* * *

Tuyển truyện ngắn
LĂNG QUẢ THÔNG
Konstantin Paustovsky

* * *

Biên tập
Lê Thanh Minh
Trình bày, bìa, tạo Ebook
matthoigian2001@

* * *



Rạng Đông
phát hành

Copyright © Rạng Đông giữ Bản quyền

Chú thích

[← 1]

Người Nga, xuất thân từ các chiến binh chống lại các cuộc xâm lăng của Thổ Nhĩ Kỳ và người Tartar, sống thành một cộng đồng lớn ở vùng Nam Nga, thường được gọi là cô-dắc (cosaques) trong các bản dịch từ tiếng Pháp. Phân biệt với người Kazakh, cư dân nước Kazakhstan

[← 2]

Hiện nay ở Mátxcova có một đường phố mang tên Konstantin Paustovsky.

[← 3]

Giuseppe Fortunino Francesco Verdi, nhà soạn nhạc người Ý. Ông xuất hiện vào cuối giai đoạn lãng mạn với các vở opera nổi tiếng như Rigoletto, Otello hay Aida

[← 4]

Một thứ áo đàn ông, không có tay, dùng thay giê

[← 5]

Ngài thi sĩ, tiếng Ý, tỏ vẻ kính trọng

[← 6]

Diana là nữ thần săn bắn đồng thời là nữ thần Mặt Trăng và tượng trưng cho sự sinh sản. Theo thần thoại Hy Lạp thì Diana là con gái của Jupiter và là em ruột của Apollo, thần Mặt trời

[← 7]

Họa sĩ, kiến trúc sư vĩ đại người Nga.

[← 8]

Đạo diễn sân khấu vĩ đại người Nga.

[← 9]

Nhân vật trong bi kịch Ôtelo của đại văn hào Anh Sêchxpia.